



ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ

Thất thập thất niên

Tòa-Thánh Tây-Ninh

Tập-San

THẾ ĐẠO



Tập mới
số 19

07-2003

- * Chư Chức Sắc Tiền Khai
- * Bàn về Giới: Tham Ái-Sân Hận-Si Mê
- Song Ngữ: Anh Việt
- * Con đường của người đệ-tử Cao-Đài
- * Đạo Cao-Đài: Một con đường hòa hiệp.



TẬP SAN THẾ ĐẠO

I-TÔN CHỈ-MỤC ĐÍCH

Tập San Thế Đạo truyền bá Tôn Chỉ và Mục Đích của Đạo Cao Đài, phổ biến ánh sáng Chơn lý của Đạo đến mọi tầng lớp Nhơn sanh để mọi người hiểu biết thương yêu nhau, ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong thời *Chuyển thế*.

II-CHỦ TRƯỞNG

Tập San Thế Đạo là Cơ quan Ngôn luận của Tín đồ Cao Đài đi theo Tôn Chỉ và Đường lối của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà Thánh Tây Ninh.

Tập-San Thế Đạo xin đón nhận tất cả các bài viết và ý kiến đóng góp của quý Đồng đạo, quý Đạo tâm và quý thân hữu bên ngoài Đạo có cùng chung mối quan tâm phục vụ Dân tộc, nhơn sanh và xã hội.

Bài vở trên *Tập San Thế Đạo* có mục đích xây dựng lợi ích chung cho Dân tộc, Đạo pháp và xã hội, không mang nội dung bài kích cá nhân hay tập thể. Mọi quan điểm dù có khác biệt nhau cũng được tôn trọng miễn không vi phạm đến Tôn chỉ và Đường lối của Đại Đạo và không đi ngược lại truyền thống cao đẹp của Dân tộc Việt Nam.

Tập San Thế Đạo là nơi trao đổi tin tức và kinh nghiệm hành đạo giữa các cơ sở Đạo Cao Đài khắp nơi trong nước và Hải ngoại, đồng thời cũng là dây liên lạc, trao đổi sự hiểu biết, hợp tác thân hữu với các Tôn giáo bạn, các đoàn thể cùng các tổ chức xã hội, các tổ chức nhân đạo có cùng mục đích chung là phục vụ nhân loại.

Tập San Thế Đạo có đầy đủ mọi thể loại bài viết nghiên cứu Đạo học, Triết học, Tâm lý học, Sử học, Văn hóa, Khoa học kỹ thuật, cùng thơ văn, truyện ngắn v.v., và các tin tức liên quan đến đời sống hằng ngày.

Tập-San Thế-Đạo



TẬP-SAN THẾ ĐẠO

Chủ trương: Ban Quản Nhiệm
Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.

Chủ nhiệm: HT Nguyễn Ngọc Dũ
Phó Chủ Nhiệm; Cao Ninh.
Chủ bút: Quốc Đạt.

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Cầu, Mai Văn Tâm, Nguyễn Đăng Khích,
Lê Quan Liêm, Dương Văn Ngừa, Nguyễn Văn Qui,
Nguyễn Ngọc Dũ.

Cộng tác thường xuyên:

Tiến-Sĩ Nguyễn Thanh Liêm, Tiến Sĩ Nguyễn Anh Tuấn,
Bác-Sĩ Nguyễn Văn Thọ, Lê Văn Thêm, Duy Văn, Trần
Công Bé, Nguyễn Trung Đạo, Hoàng Hồ, Kim Minh, Lê
Văn Năm, Tố Nguyên, Song Nguyên, Trần Văn Ô, Tam
Thanh, Quang Thông, Thi Đàn Vườn Huệ Trắng.

Yểm trợ:

Bài vở gửi đăng và tài chánh yểm trợ Ban Thế Đạo Hải
Ngoại/Tập-San Thế Đạo xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547, 408-262-4209.

Fax# 408-238-6547

website: www.banthedao.org

MỤC LỤC



1-Bước đầu tìm hiểu Đạo Cao-Đài	
Chức Sắc Tiên Khai	3
2-Tìm dấu thiên cơ	10
3-Tham Ái- Sân Hận- Si Mê	18
4-Vườn Thơ	37
5-Hiền Tài Nguyễn Long Thành, Tóm lược tiểu sử	44
6-Con đường của người đệ-tử Cao-Đài	46
7-The path of CaoDai disciple	68
8-Phân Ưu	89
9-Đạo Cao-Đài - một con đường hòa hợp	97
10-Cao-Dai, a way to harmony	115
11-Liên lạc Ban Thế-Đạo Hải Ngoại- Tập-San Thế-Đạo	136
12-Báo cáo thu(từ ngày 08-04-2003 đến ngày 17-07-2003)	138
13-Tóm Lược về Hội Tương Tế Cao-Đài	141
14-Con đường cứu rỗi của Đạo Cao-Đài..	143
15-Tin tức đạo sự	149
16-Truyện tình cảm xã-hội: “ Tình Người ”	156
17-Truyện dài tình cảm xã-hội: “ Cô Gái Việt và Người Chiến Binh Mỹ”	170
18-Những Bảo Trợ Viên của Tập-San Thế-Đạo	182



Bước Đầu Tìm Hiểu
ĐẠO CAO ĐÀI

Sưu tầm tài liệu để biên soạn loạt bài về “Bước Đầu Tìm Hiểu Đạo Cao Đài”, chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một vài quý vị muốn tìm hiểu sơ lược về Đạo Cao Đài. Chỉ cần khoảng thời gian rất ngắn là có thể có một khái niệm về nền Đại Đạo này, đến nay chỉ mới vừa được 78 tuổi, nhưng đã được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tiên tri ngưng hội kéo dài đến thất ức niên, tức 700 000 năm (bảy trăm ngàn năm).

Ngoài ra, tập sách nhỏ này cũng có thể giúp đỡ cho những tín hữu mới nhập môn và không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.

Vì khả năng còn hạn chế, chúng tôi không thể tránh được những sai sót trong lúc biên soạn. Kính mong Quý Đồng Đạo chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi có điều kiện học hỏi thêm.

Hiền tài Nguyễn Trung Đạo

Bài Số 5 : CHÚC SẮC TIỀN KHAI

Quý Ngài Chúc Sắc Đại Thiên Phong đã lập rất nhiều công trạng trong thời kỳ Khai Đạo (trước và sau Lễ Khai Đạo 15-10 Bình Dân tức 19-11-1926). Bên cạnh đó cũng có một số Chúc Sắc Thiên Phong khác cũng có nhiều công trạng trong việc Khai Đạo hay xây dựng Tòa Thánh Tây Ninh. Chúng

tôi xin phép gọi chung quý vị Chức Sắc đó là Chức Sắc Tiền Khai.

I.- CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI

1.- Chức Sắc Cao Cấp

	Ngày đặc phong
Hộ-Pháp : PHẠM CÔNG TẮC	(22-4-1926)
Thượng-Phẩm : CAO QUỲNH CƯ	(27-6-1926)
Thượng-Sanh : CAO HOÀI SANG	(27-6-1926)

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và các tài liệu về sử Đạo, không có ngày phong chánh thức cho ba vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang vào ba chức vụ : Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh, chỉ thấy có những kết quả của sự Thiên Phong ấy, như về Thiên phục của Đức Hộ Pháp và vị trí đứng hàng lễ của ba vị. Đến ngày 15-10 Bính Dần (19-11-1926), Đức Chí Tôn mới chánh thức phong Ngài Cao Quỳnh Cư vào phẩm *Thượng Phẩm* và Ngài Cao Hoài Sang vào phẩm *Thượng Sanh*.

2.- Thập Nhị Thời Quân

	Ngày đặc phong
Bảo-Pháp : Nguyễn Trung Hậu	(13-2-1927)
Hiển-Pháp : Trương Hữu Đức	(13-2-1927)
Khai-Pháp : Trần Duy Nghĩa	(13-2-1927)
Tiếp-Pháp : Trương Văn Tràng	(25- 12- 26)
Bảo-Đạo : Ca Minh Chương	(13-2-1927)
Hiển-Đạo : Phạm Văn Tươi	(13-2-1927)
Khai-Đạo : Phạm Tấn Đài	15-10-B.Dần(?)
Tiếp-Đạo : Cao Đức Trọng	(27-7-1927)
Bảo Thế : Lê Thiện Phước	(13-2-1927)
Hiển Thế : Nguyễn Văn Mạnh	(13-2-1927)
Khai-Thế : Thái Văn Thâu	(13-2-1927)
Tiếp-Thế : Lê Thế Vĩnh	(13-2-1927)

Ngài *Ca Bảo Đạo* đăng tiên rất sớm (13-11-1927).
Ngài *Hồ Tấn Khoa* được phong *Quyền Bảo Đạo* tại thế từ năm 1953.

Một điều kỳ diệu lý thú là tuổi ba vị Chức Sắc Cao Cấp của Hiệp Thiên Đài là Tý, Sửu và Dần. Sách có câu :
“*Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần*”.

Đức Cao Thượng Phẩm tuổi *Tý* (Mậu Tý).

Đức Cao Thượng Sanh tuổi *Sửu* (Tân Sửu).

Đức Phạm Hộ Pháp tuổi *Dần* (Canh Dần).

Thập Nhị Thời Quân có tuổi thuộc 12 con giáp khác nhau :

<i>Tý</i> : Khai Pháp	<i>Thìn</i> : Bảo Pháp	<i>Thân</i> : Hiến Đạo
<i>Sửu</i> : Khai Đạo	<i>Tỵ</i> : Tiếp Pháp	<i>Dậu</i> : Tiếp Đạo
<i>Dần</i> : Hiến Pháp	<i>Ngọ</i> : Hiến Thế	<i>Tuất</i> : Bảo Đạo
<i>Mẹo</i> : Tiếp Thế	<i>Mùi</i> : Bảo Thế	<i>Hợi</i> : Khai Thế

3.- Thập Nhị Bảo Quân

Bảo Văn Pháp Quân : *Cao Quỳnh Diêu*, đặc phong 1930

Bảo Sanh Quân : Bác sĩ *Lê văn Hoạch*, đặc phong 1930

Bảo Cô Quân : Luật sư *Dương văn Giáo* - ?

Bảo Học Quân : Luật sư *Nguyễn văn Lộc* - 1972

Bảo Y Quân : Dược sĩ *Trương Kế An* - ?

Bảo Nông Quân : Ngài *Đặng văn Dấn* - ?

Sáu phẩm còn lại còn khiếm khuyết.

II.- CHỨC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI

1.- Anh Cả Trong Đạo

Giáo-Tông : Ngài *Ngô văn Chiêu* không nhậm chức.

Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm Giáo Tông vô vị.

Q. Giáo-Tông : Ngài Lê Văn Trung được Đức Chí Tôn phong *Đầu Sư phái Thượng* vào ngày 22-4-1926, sau đó được Đức Lý giáng cơ ra Đạo Nghị Định thứ 2 ban cho quyền *Giáo Tông hữu hình tại thế* vào ngày 22-11-1930, qui Thiên ngày 19-11-1934, sau khi đã lập đại công với Đạo.

2.- Chưởng-Pháp

a).- Chưởng-Pháp phái Thái :

NGUYỄN VĂN TƯỜNG : Hòa Thượng Như Nhãn (Từ Lâm Tự Gò Kén), thế danh Nguyễn Văn Tường, được Đức Chí Tôn phong *Chưởng Pháp phái Thái* vào ngày 05-9-1926, về sau Ngài bị trục xuất khỏi Đạo vì phạm lỗi nặng.

b).- Chưởng-Pháp phái Thượng :

NGUYỄN VĂN TƯỜNG : Thái Lão Sư (Minh-Sư) Nguyễn Văn Tường được Đức Chí Tôn ân phong *Chưởng Pháp phái Thượng* vào ngày 31-8-1926, thọ phong được non ba tháng rưỡi thì qui Tiên vào ngày 11-12-1926.

TRẦN ĐẠO QUANG : Sau khi Đức Thượng Chưởng Pháp Nguyễn Văn Tường đăng Tiên, Ngài Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (chùa Linh-Quang) được Đức Chí Tôn phong *Quyền Thượng Chưởng Pháp* ngày 15-1-1927.

c).- Chưởng-Pháp phái Ngọc :

TRẦN VĂN THỤ : Ngài Thái Lão Sư Trần Văn Thụ (chùa Vĩnh Nguyên Tự) được Đức Chí Tôn phong *Chưởng Pháp phái Ngọc* vào ngày 16-10-1926, tích cực hành

đạo được 8 tháng thì lâm bệnh và qui Tiên vào ngày 13-6-1927.

TRẦN ĐẠO QUANG : Sau khi Đức Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ đăng Tiên được ít lâu, Ngài Trần Đạo Quang được Đức Chí Tôn phong Ngọc Chưởng Pháp chánh vị . Về sau, Ngài rời Tòa Thánh Tây Ninh hợp tác với Minh Chơn Lý rồi Minh Chơn Đạo.

3.- Đâu-Sư

a).- Đâu-Sư phái Thái :

THÁI MINH TINH : Hòa Thượng Thiện-Minh (học trò của HT Như-Nhãn), Thiên phong ngày 17-11-1926, bị Đức Lý cách chức ngày 15-1-1927.

THÁI NƯƠNG TINH : Ngài Dương văn Nương được Đức Chí Tôn ân phong Đâu Sư chánh vị ngày 15-1-1927 (12-12 Bính Dần), qui Tiên 25-11-1929, hưởng thọ 60 tuổi.

THÁI THƠ THANH : Ngài Nguyễn Ngọc Thơ, Thiên phong Quyền Thái Đâu Sư ngày 12-3-1933, qui Tiên 03-9-50, hưởng thọ 77 tuổi.

THÁI BỘ THANH : Ngài Nguyễn Lễ Bộ, Thiên phong Đâu Sư phái Thái ngày 11-01-1973, qui Tiên 18-11-1976 sau gần 50 năm cam khổ hành đạo, hưởng thọ 86 tuổi.

b).- Đâu-Sư phái Thượng :

THƯỢNG TRUNG NHỰT : Ngài Lê văn Trung được Đức Chí Tôn phong Đâu Sư chánh vị vào ngày 11-3 Bính Dần (22-4-1926), đến ngày 22-11-1930 được Đức Lý Giáo-Tông ban Quyền Giáo Tông hữu hình tại thế.

THƯỢNG TƯỚNG THANH : Ngài Nguyễn Ngọc Tương đắc phong Quyền Đâu Sư phái Thượng năm 1930, về sau lập Chi Phái Bến-Tre.

THƯỢNG SÁNG THANH : Ngài Trần Ngọc Sáng, tín đồ năm 1926, đắc phong Đâu-Sư chánh vị năm 1964, qui Tiên

năm 1980, sau hơn 50 năm xả thân hành đạo với nhiều khổ hạnh, hưởng thọ 93 tuổi.

c).- **Đầu-Sư phái Ngọc :**

NGỌC LỊCH NGUYỆT : Ngài Lê văn Lịch được Đức Chí Tôn phong *Đầu Sư chánh vị* cùng một lượt với Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt vào ngày 22-4-1926, về sau Ngài trở về chùa *Vĩnh Nguyên Tự* ở Cần Giuộc.

NGỌC TRANG THANH : Ngài Lê Bá Trang đắc phong *Q.Đầu Sư* phái Ngọc cùng một lượt với Ngài Q.Đầu Sư Thượng Tương Thanh vào năm 1930, về sau cùng với Ngài Thượng Tương Thanh lập Chi Phái Bến-Tre.

NGỌC NHƯỢNG THANH : Ngài Bùi Đắc Nhượng, Tín đồ năm 1927, được Thiên phong *Đầu Sư chánh vị* vào ngày 04-1-1973, qui Tiên ngày 25-10-1985, sau gần 60 năm trọn vẹn hiến thân cho Đạo.

4.- Nữ Đầu-Sư

HƯƠNG THANH : Bà *Lâm Ngọc Thanh*, hiền nội của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh, nhập môn 16-7-1926, được Thiên phong Nữ Chánh Phối Sư ngày 16-4-1929, qui Tiên ngày 17-5-1937 tức Mùng 8 tháng 4 Đinh Sửu (Lễ Phật Đản). Sau đó 17 ngày, tức vào ngày 03-6-1937, Bà được Đức Chí Tôn *ân tứ lên Phẩm Nữ Đầu Sư*. Hai ông bà Đầu Sư *Thái Thơ Thanh* và *Hương Thanh* đã hiến dâng sản nghiệp vĩ đại của mình để góp phần làm phương tiện hoằng hóa mối Đạo Trời. Bà qui Tiên năm 1937, hưởng thọ 64 tuổi.

HƯƠNG HIẾU : Bà *Nguyễn thị Hiếu*, hiền nội của Đức CaoThượng Phẩm, theo các Ngài Hộ Pháp, Thượng Sanh, Thượng Phẩm hành đạo từ trước ngày Khai Đạo, được Thiên Phong lên phẩm *Nữ Đầu Sư chánh vị đầu tiên* vào ngày 09-12-1968, cầm quyền Chưởng Quản Cửu Trùng Đài Nữ phái.

Bà qui tiên ngày 03-7-1971, sau 43 năm hành đạo với nhiều gian lao khổ hạnh, nhiều cơn thử thách cay nghiệt, hưởng thọ 85 tuổi.

HƯƠNG LỰ : Bà *Hồ thị Lự*, thân mẫu của Ngài Cao Tiếp Đạo và Đức Cao Thượng Sanh, được thăng lên phẩm *Phối Sư* ngày 10-11-1935, và lên phẩm *Nữ Đầu Sư Hàm Phong* năm 1968, một lượt với Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu qui tiên ngày 27-12-1972 tại Nữ Đầu Sư Đường, “sau 47 năm trải qua biết bao phen cơ Đạo thăng trầm, một lòng sắt son trung liệt với Đạo Trời, chẳng quản gian lao, không sờn cay đắng, biết bao khổ hạnh truân chuyên”, hưởng thọ được 95 tuổi.

III.- CHÚC SẮC PHƯỚC THIÊN

1.- **Phối Thánh PHẠM VĂN MÀNG.**- Ông Phạm văn Màng là một *tín đồ* nhập môn ngày 21-12 Bính-Dần, góp phần đắc lực vào công tác xây dựng *Tòa Thánh Tây Ninh*, chăm sóc *Đức Cao Thượng Phẩm* khi Ngài lâm bệnh. Vài ngày trước khi ông qui liễu, *Thần Hoàng Long Thành* cho biết ông đắc phẩm *Phối Thánh*, và sau đó lại được *Đức Hộ Pháp* truy thăng phẩm *Thánh Nhơn*, đối phẩm với *Chánh Phối Sư* (Thiên Thánh). Trong đàn cơ đêm 7-12-1948 do *Đức Hộ Pháp* và Ngài Khai Pháp phò loan, Ngài *Phối Thánh Phạm văn Màng* về cơ có tâm sự cùng các bạn đồng môn như sau : “*Các bạn Phạm Môn! Khá để ý cho lắng nghe ! Một lời quả cũng đủ sa đọa ! Đừng gây tội tình mà khổ đa !*”.

Nhập môn năm 1926, qui vị năm 1933, Ngài Phạm văn Màng chỉ làm công quả 7 năm mà được đắc Thánh thì quả là một ân huệ vô cùng to lớn của *Đức Chí Tôn*.

2.- **Phối Thánh BÙI ÁI THOẠI.**- Ông *Bùi Ái Thoại* nhập môn lúc 14 tuổi, về sau trở thành *Tá Lý sở Đắp Vẽ*, và lần lần trở thành *nhơn tài trong nghề đắp vẽ*. Ông rất khéo tay trong việc *đắp vẽ tượng của các Đấng nơi Đền Thánh*.

(xin coi tiếp trang 36)

TÌM DẤU THIÊN CƠ

Đạt Thông Dương Văn Ngừa

Trước hết phải tìm hiểu thiên cơ là gì?

Thiên: Chữ Nho viết 天, gạch trên tượng trưng cho Âm, gạch dưới tượng trưng cho Dương, nét phẩy bên trái và nét phẩy bên phải hợp lại là chữ Nhơn (人). Nhơn là người ý nói rằng Người làm chủ được hai khí Âm Dương gọi là Thiên. Người Việt Nam gọi là Ông Trời, Trung-Hoa gọi là Thiên, Ấn Độ gọi là Braman hay Atman, Pháp gọi là Dieu, Anh Mỹ gọi là God, Do-Thái gọi là Jéhova, Đạo Phật gọi là Chân Không Diệu Hữu hay là Bản Lai Diện mục, tiên Giáo gọi là Đạo, Nho Giáo gọi là Thượng Đế, Thiên Chúa gọi là Đấng Chúa Cha, Hồi Giáo gọi là Đấng Allah.

Như vậy từ Đông Tây Kim cổ và mọi tôn-giáo trên thế-giới đều nhìn nhận rằng có một Đấng duy nhất đã tạo lập và điều hành Càn Khôn Vũ-Trụ và vạn vật, tuy tên gọi có khác nhau nhưng đều chỉ Đấng hàng hữu ấy mà thôi.

Đấng ấy từ đâu ra ?

Các triết gia tối cổ từ Ai-Cập đến Ba-Tư, Ấn-Độ, Trung-Hoa đều chủ trương Hữu sinh từ Vô.

-Kinh Vệ Đà viết: Thời nguyên sơ của Thần minh Hữu sinh từ Vô.

-Lão tử viết: Hữu sinh ư Vô.

-Trang tử viết : Chiêu chiêu sinh ư minh minh.

Hữu Luân sinh ư Vô Luân.

-Uông Hóa Chân tác giả Đơn Đạo Mạn Đàm bình rằng: Hữu Luân là Thái Cực nhập vào vạn hữu, Vô-Luân là Vô cực khi chưa có đất trời.

Tóm lại các nhà huyền học Đông Tây đều công nhận rằng khi chưa có chi trong Càn Khôn thế-giới thì khí Hư Vô sinh ra chỉ có một mình Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.

Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn thế-giới.

Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, gọi là chúng sanh. Bây giờ ta biết được Thiên tức là Thượng Đế tạo lập ra Càn Khôn vạn vật.

Cơ : là cơ-quan, là hành tàng của Đấng Thượng Đế, là sự xếp đặt theo một trật tự nào đó để điều hành cả Càn Khôn vũ-Trụ thí dụ như Luật Nhân Quả Luân Hồi, Nhứt tán vạn, vạn qui nhứt (phóng phát và phản phục).







Tóm lại Thiên Cơ là hành tàng của Thượng-Đế. Thượng-Đế là đấng vô hình , hành tàng của Thượng-Đế cũng vô hình (Vô vi nhi dịch sử quần linh) thì làm sao tìm ra dấu vết? Nhưng xuyên qua thời gian và không gian, những hành tàng ấy đã rọi lại những dấu vết mà các nhà huyền học (đã đắc đạo) , các nhà tôn-giáo đã tìm được và truyền bá qua kinh sách từ xưa đến nay.




Những kinh sách được ghi chép về hành tàng của Thượng-Đế, quyển Kinh dịch là đầy đủ rõ ràng nhất từ khi tạo Thiên lập Địa đến giờ và mãi mãi về sau.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo Thầy đã xác định :” Đạo Thầy không có chi lạ, chỉ có Âm với Dương- Thần với Khí, không ngoài hai lẽ đó”

Kinh Dịch là quyển Kinh dựa vào (dấu vết) sự biến chuyển của Âm Dương mà dẫn giải ra được mọi ngọn nguồn của cơ sanh hóa Càn Khôn Vũ Trụ thwo qui luật phóng phát và phản phục (Nhứt điểm tán vạn thù, vạn thù qui nhứt điểm).








Qua đồ hình của 12 quẻ sau đây chứng minh qui luật phóng phát và phản phục của Âm Dương cứ tuần tự xoay vần liên miên bất tận, cũng như ngày đêm, sáng tối, bốn mùa qua lại không bao giờ dứt.


	Cầu	Độn	Bĩ	Quan	Bác	Khôn
						
Tháng	5	6	7	8	9	10
	(Âm Trưởng Dương Tiêu) Phóng Phát					


	Phục	Lâm	Thái	Tráng	Quải	Càn
						
Tháng	11	12	1	2	3	4
	(Dương Trưởng Âm Tiêu) Phản Phục					


Đồ hình 12 quẻ trên nói lên lẽ biến dịch, tiết tấu của vũ-tru, lịch-sử của nhân sinh và vạn vật.


1- Về vũ-tru:


- Bát thuần khôn:  chỉ thời kỳ hỗn mang, gọi là Vô Cực, chưa có Thái cực hay là thời Tiên Thiên.
- Địa Lôi Phục:  Phát ra tiếng nổ " Big beng" Thái Cực xuất hiện, giao điểm của Tiên Thiên và Hậu Thiên.
- Địa Trạch Lâm:  Thái Cực sanh Lương Nghi, Lương Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng.
- Địa Thiên Thái:  Âm dương giao hòa phát sanh vạn vật, phân ngôi định vị.
- Lôi Thiên Đại Tráng:  Sức phát triển mạnh mẽ như sấm sét, nhưng phát triển theo chiều hướng thượng.
- Trạch Thiên Quải:  Sức phát triển tinh-thần tới hồi cuối cùng để sự minh triết lên ngai, sự u tối diệt vong.
- Bát thuần Càn:  Nguyên, hanh, lợi, trinh tròn đầy, thái bình an cư lạc nghiệp, an hưởng mùi đạo đức.

-Thiên Phong Cấu:  Sương lâu sanh chán, bắt đầu nghĩ đến việc tư thân tư lợi, bắt đầu hướng ngoại.

-Thiên Sơn Độn:  Vật chất lấn lướt tinh-thần-Tiểu nhân xuất hiện, quân tử mai danh.

-Thiên Địa Bĩ:  Tiểu nhân lộng hành hãm hại trung thần, Đất Trời riêng rẽ, vạn vật tiêu điều.

-Phong Địa Quan:  Vật chất lấn lướt tinh-thần. Phân biệt, quan sát chánh tà, nếu không sẽ sa đọa vào ác đạo.

-Sơn Địa Bác:  Bác là bác lạc, suy vi, điêu tàn. Thời kỳ vật chất khuynh đảo, cang thường đạo lý suy vi. Dọn đường đi đến thời hỗn mang. Chừng nào Thái cực đứng ra chủ trung để tác động guồng máy Âm Dương vận chuyển trở lại.

-Thời kỳ mạt kiếp thì chính Thượng-Đế phải hoàng dương đạo pháp chớ không có Đấng nào làm được. Cho nên trong Tam Kỳ Phổ-Độ phải là Thượng Đế đứng ra khai đạo và chỉ có Thượng-Đế mới có quyền Đại Ân Xá để độ rỗi toàn thể chúng sanh mà thôi.

-Mười hai quẻ trên đã chỉ sự vận chuyển tuần hoàn của guồng máy âm dương, của tiết khí cũng như mô tả sự doanh hư tiêu tức, thịnh suy, tụ tán của vũ trụ và vạn vật.

Sáu quẻ từ Cấn, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn. Khôn làm chủ nên Dương biến thành Âm (chiều phóng phát).

Sáu quẻ từ Phục, Lâm, Thái, Tráng, Quải, Càn. Càn là chủ nên Âm biến thành Dương (chiều phản phục).

Đó là sự biến hóa hai chiều, hai mặt của một thực thể là Thái Cực.

-Về phương diện lịch-sử: Đó là sự tương quan giữa hai phạm trù vật chất và tinh-thần. Vật chất thịnh thì tinh-thần suy, ngược lại tinh-thần thịnh thì vật chất suy, tiếp tục đáp đối qua lại mãi mãi với thời gian.

-Về phương diện thời gian: Lấy thời gian trong một năm làm bối cảnh:

Phóng phát: Cấu là tháng 5 có một hào âm, đến Độn là tháng 6 có hai hào âm cho đến Khôn là tháng 10 thuần âm.

Phản phục: Phục là tháng 11 có một hào dương, qua tháng 12 là Lâm có hai hào dương, cho đến tháng 4 là Kiển thuần dương.

Cứ tuần tự hai chiều phóng phát và phản phục luân phiên nhau để giữ bền cơ sanh hóa: Sanh, Trưởng, Thu, Tàn hay là Thành, Trụ, Hoại, Không liên miên bất tuyệt. Trong một năm có 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông luân chuyển liên miên không dứt.

-Qua phần trên ta được biết Bản Thể Tuyệt Đối của Càn Khôn Vũ-Tru là Đấng Thái Cực Thánh Hoàng tuy được gọi bằng nhiều tên khác nhau nhưng cũng để chỉ Đấng duy nhất ấy đã tạo ra càn khôn thế-giới và vạn vật.

Bây giờ chúng ta mới hiểu tại sao Thượng-Đế chọn ngày 15 tháng 10 để làm lễ Khai Minh Đại-Đạo là bởi vì tháng 10 là tháng thuần Âm (Bát thuần Âm) mà ngày 15 tháng 10 là chí Âm, hay là Âm cực đại, tất sẽ sanh Dương để tiếp theo con đường phản phục. Có nghĩa là chiều phóng phát đã đến hồi kết thúc, sẽ chuyển lại con đường phản phục (Dương trưởng Âm thối).

Dương tượng trưng cho Trời, Thiên Lý, Tinh-thần, thanh cao . . . Âm tượng trưng cho Đất, nhơn dục, vật chất, phiền trược Trong Đại Thừa Chơn Giáo Thầy cho biết:

“Vậy như loại bước qua thời kỳ này là thời kỳ qui nhứt thống, đại luân hồi của Thiên Địa đó. Mà ngày nay đã đúng số nhứt định của tạo đoan, đã tới ngưỡn cuối cùng của Thiên Địa, vì tính ra thì đã mười hai vạn chín ngàn sáu trăm năm (129.600 năm) nên đã tới thời kỳ tạo Thiên lập Địa một lần nữa.”

Chúng ta cũng nên biết qua cách tính của người Trung cổ xưa:

- Một nguyên(Nguyên):129.600 năm=12 Hội(hội:10.800năm)
- Một Hội : 129.600 tháng = 30 Vận (Vận: 360 năm).
- Một Vận : 129.600 ngày = 12 Thế (Thế: 30 năm).
- Một Thế : 129.600 giờ = 30 năm (Năm: 12 tháng).
- Một Năm : 129.600 phân = 12 tháng (Tháng:30 ngày).
- Một Tháng : 129.600 ly = 30 ngày (ngày: 12 giờ Tàu)
- Một Ngày : 129.600 hào = 12 giờ (Tý, Sửu. . . Hợi)
- Một Giờ : 129.600 ti.

Cho nên Thượng Đế chọn đúng giờ Tý ngày 15 tháng 10 để làm lễ Khai Minh Đại-Đạo , có nghĩa là Thầy đã minh thị cho nhơn sanh biết rằng sự biến chuyển cần khôn đã hết thời kỳ phóng phát và sẽ trở lại con đường phản phục. Mà hễ phản phục thì khí Dương sanh.

Cũng nên biết rằng chúng ta đang ở trong thời kỳ đại trọng trước, nghĩa là bầu khí quyển của trái đất chúng ta đang sống quá trước rồi, con người hít thở trước khí đã quen , nên khi dương khí phát sinh sẽ không chịu nổi , giống như loài cá quen thở không khí dưới nước , khi đem cá lên khô , cá chỉ chịu đựng được trong thời gian ngắn rồi phải chết.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo Thượng Đế cho biết:

“Thầy mới đến đây lần chót mà đem các con sang qua thế giới nhẹ nhàng, còn những đứa mê muội , ngổ ngang , tội tình thì bị tiêu tan ra gió bụi. Các con phải có ngày tận tuyệt. Đứa nào thuận thiên cơ , biết đạo-đức, thiện từ thì Phật Tiên chịu rước, còn đứa nào ác độc, trước trần khó mà an thân ngày chót.

Nạn tiêu diệt lẽ nào ? Các con có biết chăng?

-Một ngày kia những con nào biết đạo đức , ăn chay lạt, thân thể nhẹ nhàng , hiệp với Tiên Thiên thì lúc dương sanh mới có thể chịu nổi với khí áy mà còn vững vàng sống đặng, còn những con vô đạo bị cả khí Hậu Thiên nên tới ngày Âm tuyết Dương sanh ấy, chúng nó sẽ không bao giờ hứng chịu nổi khí Chơn Dương, nên phải dứt hơi liễu mạng.

Vậy thì ngày nay thế-giới đã đúng luật tuần hườn Thầy đến đặng sẽ đem các con vào một thế-giới khác mà cho an nghỉ hầu tầm cơ siêu xuất đến cảnh Thần Tiên . Các con chẳng

nên khinh lời ấy là dị đoan , một ngày kia sẽ có . . . “

THI

Thái Cực lâm trần buổi hạ ngươn,
Giơ tay độ chúng lại đường chơn.
Con nào thấu đáo cơ mầu nhiệm,
Thấy vậy không lo lại biếng lờn.

Trong Thi Văn Dạy Đạo có bài thi tứ tuyệt :

Ký thành một cuốn gọi Thiên Thơ,
Khai Đạo muôn năm trước định giờ.
May bước phải gìn cho mạnh trí,
Nắm đuôi phượng phụng đến dương bờ.

Như vậy việc Thầy khai mở Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ngày giờ năm tháng đã được định sẵn nơi Thiên Thơ và đây là lần chót cho nhưn sanh nương theo trên con đường phản phục . Cho nên nhân loại nếu muốn thăng tiến trên đường tấn hóa chỉ duy có noi theo Tam Kỳ Phổ-Độ chứ không có con đường nào khác .

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cũng cho biết rất rõ khi giảng cơ ban cho Tam Kỳ Phổ-Độ bài kinh Di Lạc . . .” nhưt thiết chư Phật từng lịnh Di Lạc Vương Phật , năng chiếu diệu quang tiêu trừ nghiệp chướng . Nhược hữu chúng sanh văn ngã ứng đương thoát nghiệp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng từng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ-Độ , tất đắc giải thoát luân hồi , đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn . Nhược nhưn đương sanh, nhược nhưn vị sanh , nhược nhưn hữu kiếp, nhược nhưn vô kiếp , nhược nhưn hữu tội, nhược nhưn vô tội , nhược nhưn hữu niệm, nhược nhưn vô niệm, thính đắc ngã ngôn phát tâm thiện niệm tất đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề tất đắc giải thoát. . . “

Trong một bài Thánh Giáo khác Đức Thích Ca nói: “ Ta đến

với huyền diệu này thì từ đây, Ta cũng cho chư Tăng dùng huyền diệu này (tức Pháp Điều của Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ) mà học hỏi. Ngày sau đừng đổ tội rằng vì thất học mà chịu thất kỳ truyền. Chư Tăng từ đây chẳng đặng nói Phật giả vô ngôn nữa.”

Chúng ta thường nghe người ta nói đến chữ Thời. Như làm ăn thất bại người ta nói là không gặp Thời. Làm ăn phát đạt thì nói gặp Thời, hợp Thời. Còn kẻ tu hành thì sao?

Trước khi Thượng-Đế khai mở Tam Kỳ Phổ-Độ, trên thế-giới cũng có nhiều kẻ tu hành, như tu thì có tu mà thành thì không có thành vì bị Lôi Âm (Cực Lạc Thế-Giới) phá Cổ, Bạch Ngọc Kinh bác luật” tức là không gặp Thời. Ngày nay Thượng-Đế dựa vào Thiên Cơ vận chuyển đến ngươn cuối cùng của Thiên Đạo. Lựa đúng giờ, đúng ngày, đúng tháng, đúng năm mà khai mở Đạo cho nhơn sanh từng theo Thiên Cơ mà tu hành như vậy chẳng phải là Thời Cơ sao?

Vậy ai là người tự cho mình là kẻ tu hành mà còn chần chờ gì nữa mà không chịu nương cơ vận chuyển tuần hoàn của Thiên Địa mà bươn bả cho kịp thời, kịp lúc.

Làm được kiếp người là đã trải qua trăm ngàn kiếp rất khó khăn (Giai nhơn nan tái đắc). Mà trong một kiếp sống, gặp được một nền chánh đạo khai mở lại càng khó hơn:

Trong bài thài dâng hoa cho Đức Chí-Tôn:

“Từ Bi giá ngự rạng môn thiên.

Đệ tử mắng nay hữu huệ duyên...”

Nếu còn đua đòi vật chất, danh vọng huệ duyên kia khó hưởng Mong rằng con cái Đức Chí-Tôn nên suy cùn nghĩ cạn hầu trước khi tự cứu mình, sau đó cứu người, hầu làm nghĩa vụ của đệ-tử Đức Chí-Tôn.

Kính mong,

Đạt Thông Dương Văn Ngừa

THAM ÁI * SÂN HẬN * SI MÊ

HT Lê Văn Thèm

(Tiếp theo từ TSTĐ 15)

Mục đích của việc giữ gìn giới cấm là để cho con người tránh được tham lam. Chính tham lam đã làm cho chơn tâm con người mờ tối, niệm niệm dấy lên, vọng trần bao phủ.

Vì bị vọng trần bao phủ nên con người sanh ra chấp trước và càng tham đắm. Sự tham đắm này, một khi bị cản trở hay không được thỏa mãn, con người dễ trở nên điên đảo, từ đó sanh ra sân hận và si mê.

Si mê, sân hận và tham lam mà thông thường người đời gọi tham, sân, si, là ba thứ độc đã trở bước đường tu hành không biết bao nhiêu người, và cũng chính tam độc này đã khiến con người làm bao nhiêu điều tội ác, tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp chướng lành.

Càng ham muốn con người càng tham lam. Nói khác hơn là dục vọng đã đánh động lòng tham, rồi cũng chính dục vọng đã làm con người đảo điên mê muội.

Để diễn tả sự đảo điên, mê muội do tham ái, sân hận, si mê gây ra, đã có nhiều câu chuyện, thí dụ và hình ảnh trong dân gian, thoát nghe qua đường như vô lý, nhưng nếu nghiền ngẫm kỹ, nhìn kỹ lại hay nhớ kỹ lại những gì mình đã chứng kiến hay đã trải qua, thì chắc nhiều người sẽ tự hỏi không biết vì sao mà khi bị mê mờ bởi dục vọng, khi quá đảo điên vì sân hận con người có thể làm được những việc như vậy. Sau đây là những câu chuyện liên quan đến tham, sân, si.

A. THAM LAM

Nói về tham lam, sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư có câu chuyện như sau: Tý và Sửu là đôi bạn thân, Một hôm trên đường đi dạo chúng nhặt được một quả búa. Cả hai giành

nhau, ai cũng bảo quả bứa là của mình. Tý nói nó thấy quả bứa trước nên quả bứa đó thuộc về nó. Sửu cãi lại rằng chính tay nó nhặt được quả bứa đó nên quả bứa đó là của nó. Cả hai cứ cãi nhau mãi đòi được nguyên vẹn quả bứa, chớ không chịu chia nhau ăn.

Vừa lúc đó có Giáp đi ngang qua. Thấy hai đứa cãi nhau Giáp bèn phân xử. Giáp chẻ quả bứa ra làm hai và bảo rằng công của Tý thấy trước và Sửu nhặt được, vậy mỗi đứa được phân nửa vỏ quả bứa. Còn ruột quả bứa thì thuộc về Giáp vì Giáp có công phân xử. Nói xong Giáp để ruột quả bứa vào miệng ăn. Tý và Sửu dù không đồng ý nhưng cũng phải đành chịu vì Giáp lớn hơn, cả hai không làm sao đánh lại.

Câu chuyện trên cho thấy chỉ vì lòng tham: tham tiền, tham sắc, tham danh, tham ăn uống, tham ngủ nghỉ tức tham ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thù mà người ta bị mất mát và phải hứng chịu phiền não. Chính lòng tham để làm cho con người mê muội. Tham ái dục vọng đúng là nhân tố gây khổ đau. Ngày giờ nào con người xa lìa được tham lam là ngày ấy phiền não và khổ đau sẽ không còn nữa. Câu chuyện kế tiếp sau đây cho thấy do tránh được tham lam, xa lìa được ngũ dục mà phiền não và khổ đau không làm sao có được.

Vào đời nhà Đường bên Tàu, có một vị mà người đương thời thường gọi là Lữ Công, quê ở Hà Dương. Tên thật của Lữ Công là Lữ Đồng Tân. Lữ Đồng Tân sinh trong một gia đình giàu có, dòng họ nhiều người làm quan. Lữ Công cũng muốn tiếp nối sự nghiệp cho ông, học để làm quan, nên nhiều lần đi thi Trang Nguyên nhưng không đỗ đạt. Ông chán nản bỏ học, đi dạo chơi đó đây.

Một ngày nọ ông đến núi Hoa Sơn. Tại đây ông gặp Hán Chung Ly, một tướng của nhà Tấn đang chạy đến đó tránh nạn và học được phép Tiên. Hán Chung Ly khi gặp Lữ Đồng Tân muốn độ Tân tu Tiên nên dùng tài thí để thử Tân.

Một hôm, nhân khi Lữ Đồng Tân đứng hầu một bên, Hán Chung Ly bèn nhặt một hòn đá rồi lấy thuốc bôi lên, làm phép để hòn đá đó biến thành một cục vàng ròng. Xong Hán Chung Ly đưa cho Lữ Đồng Tân và bảo cất để chi dụng

khi hữu sự. Tân hỏi Ly vậy chớ cái này có bị hư hoại không. Ly bảo phải sau 500 năm mới hoại. Lữ Đồng Tân bèn liệng bỏ cục vàng giả đó và nói rằng nó chỉ để làm kích động lòng tham và gây lầm cho kẻ khác, tức dùng nó để gạt người chỉ vì lòng tham.

Dùng vàng thử Tân nhưng thấy Tân không tham tài, Hán Chung Ly bèn dùng sắc đẹp. Một lần nọ Ly sai Tân lên núi hái thuốc. Trên đường đi của Tân, Ly biến hóa ra một túp lều tranh xinh xắn trong đó có một thiếu nữ đang cư ngụ. Khi Tân đến gần thiếu nữ ra chào đón và mời mọc vào nhà. Thiếu nữ cười cợt lả lơi và tâm tình rằng thân lẻ loi một mình ở nơi hoang vắng thấy cô đơn quá, vì chồng nàng đã mất từ lâu, nay gặp quân tử xin đừng ruồng bỏ. Nàng vừa nói vừa tiến gần lại Lữ Đồng Tân và nắm lấy tay Tân. Tân gạt tay ra và bảo chớ đem nhan sắc mê hoặc ta. Tân vừa nói xong thì thiếu nữ biến mất và hiện ra đó là Hán Chung Ly. Câu chuyện này cho thấy chỉ vì không tham lam ngũ dục mà Lữ Đồng Tân không bị đọa mà còn được Hán Chung Ly dạy dỗ cách tu Tiên và trở thành một trong tám ông Tiên mà người đời thường gọi là Bát Tiên đó vậy.

B. SÂN HẬN:

Câu chuyện kế tiếp liên quan đến sân hận: Có một gia đình nọ gồm có ông nội, đứa con trai và đứa cháu nội, con của đứa con trai. Một hôm đứa con trai ra đồng làm ruộng. Ở nhà chỉ có hai ông cháu. Ông đưa cháu hai đồng bạc lẻ và hai cái chén bảo đi ra quán mua một đồng nước mắm và một đồng dầu phộng. Đứa cháu cầm hai cái chén và hai đồng bạc ra đi. Một hồi lâu sau, đứa cháu quay trở về nhà và hỏi: “Ông ơi, đồng nào mua dầu phộng, đồng nào mua nước mắm?” Ông nội giận thẳng cháu sao mà ngu muội quá, bảo rằng đồng nào mua hổng được, và la nó bảo nó đi mua về cho mau. Đứa cháu vội ra đi và đi được một lúc lâu sau lại trở về nữa và hỏi thêm rằng: “Ông ơi, chén nào đựng nước mắm, chén nào đựng dầu phộng?” Ông già giận thẳng cháu sao

quá ngu nên rút roi đánh thẳng nhỏ.

Vừa lúc ấy, cha của đứa bé tức con trai của ông già từ ngoài ruộng trở về. Trong lúc mệt nhọc và thấy ông già đánh con mình nên tức giận bèn lấy roi dóc đánh trâu quất túi bụi vào đầu, chân và mình mẩy của mình, vừa đánh vừa nói rằng: “Ông đánh con tôi, tôi đánh con ông cho ông biết.”

Ông già trong cơn tức giận, thấy vậy càng tức giận thêm bèn la lên rằng: “Mày dám đánh con tao, mày tính giết con tao, vậy tao giết cha mày cho mày thấy.” Nói như thế xong, ông leo lên bàn thắt một cái vòng vào trần nhà để treo cổ tự tử.

Nghe câu chuyện này có người không khỏi nực cười. Câu chuyện có tính cách trào lộng, giả tưởng và vô lý. Quả thật, nó có vô lý đối với người tỉnh, tâm tịnh, tâm bình. Nhưng nó sẽ là sự thật đối với ai lòng tràn đầy, dục vọng, tham lam và sân hận. Con người khi đã nổi sân thì mê mờ và điên đảo, không còn có thể tự kiểm soát được mình nữa, do đó họ có thể làm những việc mà khi tỉnh lại họ cũng không biết tại sao mình đã có thể làm như vậy được. Cái mà người đời cũng như người tu lo sợ nhất đó là tâm sân. Vì lý do này nên mới có câu: “Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chuông môn khai” hay “Một niệm sân đốt cháy cả rừng công đức.”, mà sự thật đã chứng minh là có nhiều người đã tạo được bao nhiêu phước, làm được bao nhiêu điều lành, thế mà chỉ vì một lúc điên đảo do sân hận phải tiêu tan tất cả.

C. SI MÊ:

Câu chuyện thứ ba được kể liên quan đến đệ tam độc si mê, còn được gọi là mê mờ, u tối, ngu si hay nói theo tiếng nhà Phật là vô minh. Chuyện như sau: Thuở nọ, ở một xứ xa xôi kia, có một ngôi nhà bỏ hoang từ lâu. Tin đồn rằng trong nhà ấy có quỷ dữ khiến ai cũng sợ mà không dám đến gần. Một hôm, có một người từ phương xa đến, nghe nói như vậy bèn bảo rằng mình không hề sợ và sẽ vào nhà đó ngủ lúc ban đêm. Anh ta vào nhà ấy thật và ở lại ngủ.

Trong lúc đó, tình cờ cũng có một người khách thứ hai đến. Người này cũng như người trước, cũng tuyên bố mình không sợ ma quỷ gì cả và cho biết cũng sẵn sàng vào nhà đó ngủ lúc ban đêm.

Đêm xuống, người thứ hai đến mở cửa vào trong lúc người thứ nhất đã ở sẵn trong nhà. Người thứ nhất tưởng là con ma đi đâu về nên không cho vào và chặn cửa lại không chịu mở. Người thứ hai thấy cửa bị chặn lại, không chịu cho mở, tưởng rằng có con ma ở trong nhà đang chặn cửa, do đó cố gắng sức mở cửa ra để đánh con ma. Hai bên dần co mãi đến một lúc sau người thứ hai xô ngã cửa và vào được trong nhà. Vì tưởng người thứ nhất đang ở trong nhà là con ma nên người thứ hai khi vào được liền xông tới đánh túi bụi. Người thứ nhất ở trong nhà tưởng là con ma về và vào được đánh mình nên cũng hăng hái đánh lại. Hai người quần thảo nhau suốt đêm đó cho đến khi trời sáng thì cả hai mới vỡ lẽ ra rằng cả hai đều là người chớ nào phải là ma.

Câu chuyện trên đây được rút ra từ kinh Bách Dụ của đạo Phật. Qua câu chuyện này Phật muốn đưa ra thí dụ người mê lầm hay vô minh cũng giống như người ở trong đêm tối. Vì ở trong tăm tối mê mờ nên cái giả mới tưởng là cái thật, cái vọng cứ tưởng là chơn để rồi cái chơn, cái thật lại không làm sao nhận ra được. Vì không nhận ra được người thật mà cứ tưởng là ma, là người giả nên hai bên mới liều sống chết đánh nhau chí tử. Đó là do đêm tối mịt mờ không thấy rõ thật hư, giống như người mê lầm, vô minh, không làm sao nhận ra được đâu là chơn, đâu là vọng. Sự mê muội, vô minh nó tai hại như thế.

Cũng trong kinh Bách Dụ, có một chuyện khác: Có một anh chàng nọ, một hôm cha mẹ đi xa dặn dò ở nhà phải chớ kỹ coi chừng cửa ngõ. Anh vâng lời và khi cha mẹ vắng anh ở nhà cứ ngồi nhìn mãi cánh cửa chánh và hai cánh cửa sổ vì sợ nó mất. Sau vài ngày, một hôm có một gánh hát bội dờ đến hát ở đình làng kế cận nhà anh. Anh rất ham coi hát và nghĩ ra một cách mà anh cho là vẹn toàn. Chiều hôm đó, anh gỡ cánh cửa chánh và hai cánh cửa sổ ra rồi khuan đến

rạp hát ngồi trên đó coi hát. Anh nghĩ như vậy là anh đã trông coi cửa ngõ kỹ lắm rồi. Kết quả là sau khi vắng hát ra về, nhà anh ba cánh cửa vẫn còn nguyên nhưng đồ đạc trong nhà đều biến mất.

Trên đây là câu chuyện của một người mê mờ, ngu muội, vô minh. Câu chuyện có vẻ không hữu lý nhưng được rút ra từ kinh Phật. Đại để, Phật muốn cho biết là khi con người đã mê mờ, tăm tối, ngu muội, vô minh con người có thể làm nhiều việc mà đối với người tỉnh giác thì không làm sao tưởng tượng hay hình dung được. Sự vô minh, mê lầm nó rất tai hại.

Vì sự tai hại này mà đức Phật mới nói không gì đáng sợ bằng vô minh. Ngài nói không sợ đọa vào địa ngục, làm nga quỷ hay súc sanh mà chỉ sợ vô minh thôi. Lý do, vì nếu đọa vào địa ngục thì còn có ngày ra, làm nga quỷ hay súc sanh thì còn có ngày chuyển kiếp. Nhưng nếu vô minh thì không biết chừng nào mới thoát khỏi luân hồi. Vô minh hay si mê nó tai hại không lường được.

Đến đây, câu hỏi được nêu lên là làm sao tránh khỏi vô minh hay si mê và vấn đề si mê, tham ái, sân hận được đặt ra như thế nào trong giáo lý của đạo Cao Đài.

I. SI MÊ, THAM ÁI, SÂN HẬN trong GIÁO LÝ ĐẠO CAO ĐÀI

Si mê, tham ái, sân hận là ba ác sau cùng, trong thập ác. Dù vậy, thuần chất và cường độ của chúng lại mạnh nhất, tàn độc nhất. Đây cũng là ba ác khó tránh nhất, vì thế chúng mới được gọi là tam độc.

Thật vậy, với thất giới gồm có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói thêu dệt, nói đâm thọc, nói lời độc ác, người tu nên cố hành trì giới cấm thì có thể tránh được, mặc dù bốn giới về ngôn khó tránh hơn ba giới về thân. Nhưng, khó tránh nhất đó là tam độc, nhất là đệ nhất độc si mê hay vô minh.

Si mê, mà đạo Phật gọi vô minh, là mơ màng mê muội,

u mê tẩm tối, và nghĩa chính của nó là lằm hay quên.

Nói lằm vì người si mê vô minh thấy giả cứ cho là thật, thấy vọng cứ tưởng là chơn, để rồi từ chỗ mê lằm này mà cứ ung dung tạo nghiệp khiến phải chịu khổ nảo nổi trôi trong lục đạo luân hồi.

Nói quên vì người si mê hay vô minh không còn nhớ quê hương nguồn cội của mình nữa. Đó là nơi Hóa Nhân phải tu để đạt quả, Nguyên Nhân cần tu để cứu vị quý hồi, đúng như Đức Cao Thượng Phẩm và Bát Nương thường xuyên giảng cơ dạy đạo kể từ năm 1950 đến 1952 với đề tài Bát Hồn và Tam Thế Xác Thân.

Ngoài việc giảng cơ dạy đạo của đức Cao Thượng Phẩm và Bát Nương, trong giáo lý đạo Cao Đài, si mê còn được dạy qua kinh và nhiều đàn cơ khác nữa. Như trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, tại đàn cơ ngày 21-1-1927. Đức Chí Tôn đã dạy rằng: “Nguồn Tiên, nẻo Phật từ trước đến giờ vẫn chờ kẻ hữu phần, hữu đức, hữu công, tu thân, dưỡng tánh mà lánh khỏi thế đời mê muội này. Biển khổ lằm chơi vơi mà khách phàm hằng đeo đuổi. Đài nghiệt cảnh rọi chẳng biết bao nhiêu tội tình, mà chốn tội tình lằm người đưa chân tìm đến. Kiếp phù sinh không mấy chốc, đời mộng ảo chẳng là bao. Sanh đứng nên người, chen vai vào vòng thế cuộc, có khác chi bị đày vào biển khổ, để làm xong nhân sự đặng chuộc rửa tội tiền khiên. Bao nhiêu tiếng khóc câu cười, thế lộ bước đã mòn mà giấc mộng trần chưa thức tỉnh...”

Quá thật vậy, giữa a cuộc thế này, có biết bao nhiêu khách trần vẫn còn mê mà chưa chịu tỉnh. Họ cứ lo đua chen trong vòng thế tục, giữa chốn phồn hoa. Họ không thấy được rằng đời chỉ như là một giấc mộng, giấc mộng Huỳnh Lương nào có khác gì, như Thánh Ngôn đã dạy:

“Huỳnh Lương một giấc cuộc đời in, (1)
Có trí có mưu phải xét mình.

Biết số biết căn tua biết phận,
Đường xưa để bước lại Thiên Đình.”

Để có thể trở gót lại Thiên Đình, điều cần thiết là con

người phải biết tu hành, mà muốn tu hành được mau tinh tấn, trước tiên người tu phải dẹp được si mê. Chính si mê là đầu mối, là nguồn gốc của mọi khổ đau. Vì si mê mà con người ái thủ, chấp hữu.v.v. Một khi đã dẹp được si mê rồi thì tất cả tâm thức khác cũng theo đó mà chuyển đổi hay rã tan. Người không còn si mê sẽ không chấp thọ, tham ái, chấp thủ.v.v. nói rõ hơn, nếu hết si mê thì con người sẽ không còn tham lam nữa. Mà đã không còn tham lam, không còn chấp thủ, chấp hữu nữa thì chuyện được hay mất còn có ăn thua gì, như vậy làm sao có sân hận do được vui, mất buồn để tạo ra nghiệp chướng, làm sao để có cảnh “Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai”

Vậy, tránh được si mê là tránh được tất cả. Sẽ không còn tham, sân gì cả. Nhưng muốn tránh được si mê thì phải làm sao? Điều duy nhất và cần thiết là người tu phải có chánh kiến. Như vậy chánh kiến là gì và làm sao để có được chánh kiến.

(1) Giác mộng Huỳnh Lương: Kể lại một câu chuyện liên quan đến một thư sinh tên Lư Sanh vào đời Đường.

Lư Sanh đi thi bị rớt. Trên đường về quê, Lư Sanh ghé vào một quán bean đường. Trong lúc nằm chờ cơm chín để ăn, Lư Sanh ngủ quên. Trong giấc ngủ, Lư Sanh thấy mình lấy đặng vợ giàu sang đẹp đẻ, thi đậu Trạng Nguyên làm quan lớn, đi dẹp giặc, danh tiếng lừng lẫy.

Sau khi dẹp loạn xong, Lư Sanh trở về triều. Thấy quan Tế Tướng đương thời là Lý Lâm Phủ lạm quyền Lư Sanh dâng sớ hài tội. Tế Tướng Lý Lâm Phủ bị cách chức.

Làm quan tại triều, Lư Sanh được nhà vua trọng vọng. Lư Sanh có đủ con trai con gái. Gái thì lấy chồng phải chỗ. Trai làm quan đến phẩm tột bậc. Lư Sanh sống đến 80 tuổi và cháu trai cháu gái không thiếu gì.

Bỗng có tiếng khua mạnh, Lư Sanh giật mình thức dậy mới hay đó chỉ là một giấc chiêm bao và nổi kê nấu hời anh ta còn thức bây giờ hầy chưa chín. Vì vậy nên mới có câu “Giấc Huỳnh Lương chưa chín một nổi kê” ý nói giấc mộng ngắn ngủi và cuộc đời của con người cũng giống như giấc mộng vậy.

II. CHÁNH KIẾN

Đến đây câu hỏi được đặt ra là tại sao chánh kiến có thể dẹp được si mê, tham ái và sân hận? Làm sao để có được chánh kiến và chánh kiến là gì?

A. Định nghĩa Chánh Kiến:

Chánh Kiến là sự thấy biết đúng, khác với tà kiến. Nói rõ hơn, chánh kiến là cái thấy, cái biết chơn chánh, đúng với sự thật, đúng với chơn lý. Người có chánh kiến là người thấy được sự thật, thấy được chơn lý, thấy được Đạo. Đây là cái thấy, cái biết bắt đầu đưa khách phàm phu trở nên Hiền hay Thánh.

B. Làm sao để có được Chánh Kiến:

Như vừa nói trên, chánh kiến là yếu tố tâm linh vi diệu có thể đưa người phàm phu trở nên Hiền hay Thánh. Vì thế, đối với người tu, điều quan trọng trước tiên là phải có chánh kiến nếu muốn được siêu thăng hay giải thoát. Như vậy, để có được chánh kiến người tu phải làm gì.

1. Thứ nhất là phải giữ gìn giới cấm:

Người tu mà không nghiêm chỉnh hành trì giới cấm thì chẳng khác nào em bé học trò muốn gạch giấy mà chẳng có cây thước vậy. Thí dụ này mới nghe qua có vẻ ngây ngô thô kệch nhưng thật ra nó diễn tả đúng thực trạng. Biết bao nhiêu tu sĩ bỏ đạo mà người đời hay gọi là “nhảy rào” hay hoàn tục. Biết bao nhiêu thiền khách dù cố công thiền tập nhưng giới cấm chẳng giữ gìn cứ để tâm vọng động, chạy theo toàn cảnh để rồi từ đó vọng tưởng ào ạt nổi lên làm cho tâm tán loạn đảo điên sanh ra gây đại mà người đời thường bảo tu thiền điên hay tẩu hỏa nhập ma. Giới cấm quan trọng như thế. Vậy người tu phải cố gắng giữ gìn.

Do giữ gìn giới cấm nghiêm nhặt, không có nghĩ quấy, nói quấy hay làm quấy mà người tu mới không bị chao đảo hay lo âu tán loạn. Vì không bị tán loạn hay chao đảo nên người tu vẫn bình tĩnh. Đó là do giữ được giới mà có bình tĩnh và đi lần đến định. Rồi lại chính nhờ bình tĩnh hay có

định mà người tu đạt đến sáng suốt hay huệ. Đây là một chuỗi dài tâm thức liên tục tự nhiên vì có ai tâm tư nóng giận, tán loạn mà sáng suốt được bao giờ. Chỉ có định hay bình tĩnh mới đem lại sáng suốt được. Nói khác hơn nhờ bình tĩnh hay đạt được định nên người tu có được sáng suốt hay đạt được huệ, mà người ta thường bảo giới, định, huệ là vậy.

Cuối cùng, từ huệ hay nhờ có sáng suốt mà con người phát triển được chánh kiến. Nói rõ hơn, chánh kiến chỉ có khi nào con người giữ được giới và lo tu để có định huệ. Chánh kiến không khi nào đến với bất cứ ai phạm giới, tâm tư rối ren tán loạn rồi sanh ra u mê tăm tối tức vô minh. Tóm lại, muốn có chánh kiến, điều cần thiết và quan trọng trước tiên là phải giữ gìn giới cấm.

2. Phải gần người hiền đức hay là thiện tri thức.

Phải lắng nghe và thường xuyên tụng đọc giáo lý, kinh, cơ, luật, luận.

* **Thứ nhất:** như người đời thường nói “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.”, có nghĩa bất cứ ai nếu thường gần thiện tri thức, tức người hiền lành, hiểu đạo, lâu thông kinh cơ giáo lý thì chắc chắn trí tuệ người đó sẽ được thấp sáng thêm hơn để giúp cho họ thấy được đâu là thật, đâu là hư, đâu là chơn lý, và như vậy mới có được cái thấy với chánh kiến.

* **Thứ hai:** do tụng đọc kinh cơ, lắng nghe giáo lý, người tu sẽ tự thấp sáng được “văn huệ” của mình. Chữ văn ở đây có nghĩa là nghe, cùng một nghĩa với chữ văn trong câu “phản văn văn tự tánh” một giáo pháp để đạt đạo của đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Từ “văn huệ” có được nhờ cố công lắng nghe giáo lý tụng kinh cơ, người tu sẽ đạt đến “tư huệ” đó là thực hành hạnh tư duy quán tưởng chân lý đã hiển lộ qua kinh cơ để mà lo tu. Tu mà luôn cận kề “văn huệ, thường xuyên tư duy quán tưởng “tư huệ” thì người tu sẽ đạt đến “tu huệ”. “Tu huệ” là giai đoạn chót, do cố công tinh tấn tu tập hành trì văn huệ và tư huệ để rồi tìm lại được huệ căn của chính mình. Riêng

chánh kiến, ngay từ bước đầu, khi “văn huệ” được bồi đắp, và xuất hiện thì chánh kiến cũng đồng thời hiển lộ với huệ văn. Nói rõ hơn, không phải đợi đến khi tu hoàn toàn phát được huệ căn người tu mới có được chánh kiến, mà chánh kiến xuất hiện ngay từ khi văn huệ bắt đầu, tức sau khi người tu biết lắng nghe giáo lý, cố tìm hiểu nghĩa lý và thường xuyên tụng đọc kinh, cơ, luật, luận.v.v.

C. Thế nào gọi là có được Chánh Kiến:

1. Thấy Nhân quả:

Người có chánh kiến là người trước tiên thấy được lý nhân quả.

Lý nhân quả ngày nay đã trở thành một định luật hiển nhiên và người thấy được lý nhân quả đó là người thấy được sự thật, thấy được chân lý, là cái thấy với chánh kiến.

2. Thấy Ngôn, Ngã, Pháp không thật:

a/ Danh Ngôn: Người còn chấp ngôn, chấp ngã, chấp pháp là người còn si mê. Phải phá chấp được danh ngôn, phá chấp được tướng ngã tướng như, thấy được tâm chơn tâm vọng thì lúc đó con người mới hoàn toàn sống được với chánh kiến. Dù vậy, đầu tiên khi đến với “văn huệ” tức lắng nghe giáo lý kinh kệ, con người thấy được ngôn ngã và đó cũng là lúc con người bắt đầu sống với chánh kiến.

Về danh ngôn không thật- và để phá chấp danh ngôn- một phần đã được trình bày ở mục “Những nét vi tế về giới và ngôn ngữ, vọng ngữ trong giáo lý đạo Cao Đài”. Dù vậy, nhằm cũng để tiếp tục chứng minh danh ngôn không có thực tướng, không thật và không phải là sự thật, xin được kể tiếp ra đây một câu chuyện như sau:

Tại một thôn nọ có một ngôi chùa, mà người trụ trì là một từ kheo đạo cao đức trọng. Ông gìn giữ giới cấm rất nghiêm nhặt và cố gắng công phu thường nhật đầy đủ. Người trong thôn rất kính nể ông, gọi ông là “Ông Phật sống”.

Bỗng một hôm nọ, có một cô gái trong thôn có chửa hoang rồi sanh con và câu chuyện xảy ra cũng gần tương tự như chuyện Quan Âm Thị Kính vậy. Cô gái ấy nói rằng đứa

bé đó là con của ông sư và mẹ của cô ta mang đến bỏ trước cổng chùa để giao cho ông.

Ông sư âm thầm nhận đứa bé, không cái chính không thanh minh, và hằng ngày đi khất thực ông ẵm đứa bé theo để ra thôn làng xin cho bú thếp. Bây giờ dân trong làng không còn gọi ông là Phật sống nữa mà gọi ông là “Ông Phật chết”. Dù được gọi thế nào đi nữa, ông vẫn âm thầm lo tu hành và nuôi dưỡng đứa bé.

Bỗng một ngày nọ, cha ruột của đứa bé đi xa từ lâu nay trở về làng và đến chùa xin nhận đứa con. Lúc đó mọi người mới chưng hững, mới biết rằng nhà sư bị hàm oan và mới thấy rõ rằng ông không phải là Phật chết mà quả là Phật sống thật sự. Vậy cuối cùng họ vui mừng, và tất cả đều kêu ông là “Ông Phật sống” trở lại.

Câu chuyện trên đây một lần nữa cho thấy danh ngôn không thật và cũng không phải là sự thật. Danh ngôn không có thực thể, tức thực hữu nội tại chắc chắn trường cửu, và danh ngôn chỉ là giả lập, giả danh tạo thành giả tướng chớ không cố định, chỉ tương đối mà thôi. Danh ngôn hay lời nói hoàn toàn do duyên hợp chớ không có tự tánh tức bản tánh thực sự của nó là không. Nó hoàn toàn hữu lậu mà bất cứ cái gì hữu lậu thì phải thành trụ hoại không hay sinh trụ di diệt.

Tóm lại, đối với người tu, vấn đề quan trọng trước tiên là phải làm sao phá chấp được danh ngôn. Có phá chấp được danh ngôn thì phiền não khổ đau mới dứt được, mới có thể thấy được thực hư, chơn vọng, thấy được thế nào là chánh kiến. Chính nhờ phá chấp được danh ngôn mà nhà sư trụ trì mới giữ được tâm thanh tịnh trước bao nhiêu thăng trầm trần thế. Gọi ông là Phật sống chưa hẳn là vui. Gọi ông là Phật chết chưa hẳn là buồn. Rồi gọi trở lại ông là Phật sống thì cũng thế thôi. Ông vẫn là ông. Tâm ông vẫn thanh tịnh, từ bi và hỷ xả. Danh ngôn hay lời nói nào có cắt được da, xẻ được thịt, làm cản trở bước đường tu của ông đâu. Đó là nhờ ông có được chánh kiến, thấy được lẽ thật sự thật nên phiền não khổ đau không làm sao vây hãm ông được và đường tu của

ông vẫn rộng mở thân thang. Đó là nhờ ông giữ được sự tịch tĩnh mà tránh được hiểm họa của đa ngôn, đúng như lời của Đức Lão Tử đã nói với chương 5 của Đạo Đức Kinh là: “Đa ngôn sắc cùng, bất như thủ trung”. Nghĩa là muốn đến được với Đạo thì điều cần thiết là phải giữ tâm khẩu tịch tĩnh, không phân biệt, không chấp trước, không nhị ngã, nhị nguyên, hành bất ngôn chỉ giáo tức cứ làm đừng nói vì càng nói càng đa ngôn thì chỉ cốt mang lại phiền não, khổ đau và khốn cùng cho mình thôi. Thấy được, hiểu được và làm được như lời Đức Lão Tử dạy, đó là không đa ngôn, và do không đa ngôn mà mình giữ được đạo Trung Dung để tránh cho mình si mê, tham ái và sân hận, cũng như mọi khổ đau và phiền não. Đó cũng đúng là có chánh kiến nên phá chấp được danh ngôn. Rồi càng phá chấp được danh ngôn thì càng làm tăng trưởng chánh kiến.

b/ Ngã hay Thân:

Theo thường tình, người ở thế gian ai cũng quý trọng thân mình. Mỗi một con người tự coi mình là một trung tâm vũ trụ mà tất cả sinh vật hay vật thể chung quanh chỉ là phương tiện để thỏa mãn cho trung tâm vũ trụ đó mà thôi. Đây cũng là một lý thuyết triết lý phát nguồn ở Tây Phương được trình bày qua triết thuyết gọi là Epiphénomélogie.

Lý thuyết triết lý vừa nói không phải chỉ là một lý thuyết suông thôi đâu mà đó là cách sống của phần lớn con người trần thế, nhất là những người thiếu căn cơ và những người không có tâm tìm về với đạo.

Thật vậy, chỉ vì thiếu căn cơ và chỉ vì tham ái, bám víu, đa dục để rồi phải bị bao vây bởi ngũ dục, lục trần nên nhiều khách phàm đã đánh mất cái tâm nguyên ủy, cái tâm bất sinh của mình để rồi không còn có chút chơn tâm biết tìm đường về với Đạo. Các vị trên đây quý trọng cái thân mình hơn tất cả mọi thứ trên đời mà đã quên rằng thân này chỉ giả tạm thôi. Nó chỉ huyễn hóa thôi, có nghĩa là nó có nhưng chỉ có một thời gian rồi hoại, chớ nó không có thực tánh, không có thực hữu nội tại vĩnh cửu, thường hằng. Nói rõ hơn, nó không có thực tánh mà chỉ có giả tướng tạm thời thôi, tức nó

hữu vi và hoàn toàn bị chi phối bởi luật vô thường là sinh, lão, bệnh, tử vậy.

Để chứng minh cho sự giả tạm này, trong giáo lý đạo Cao Đài, Đức Hộ Pháp qua nhiều lần thuyết đạo đã chỉ rõ tư tánh huyền hóa giả tạm của thân. Đức Ngài nói: “Oi! Kiếp sanh tại thế mang xác thịt, hỏi sống được mấy lát! Nội một giấc thức, giấc ngủ là thấy sự chết sống của kiếp con người, mang thi hài bóng dáng này là GIẢ. Cảnh thiệt không phải ở đây, mà cảnh thiệt ở nơi chỗ khác kia. Sao không tìm cảnh thiệt là cảnh tồn tại, lại chạy theo bóng?” (thuyết đạo đêm 1 tháng 2 Mậu Tý (1948) tại Đền Thánh.

Hơn thế nữa, Ngài còn nói thêm: “...Ví như mỗi phen có một đám xác đi qua, thì dường như người quá cố nhắc nhở chúng ta một điều gì? Người chết ấy nói với ta rằng: “Tôi đi đây là đến cảnh thiệt, còn quý Ngài ở lại đó là cảnh giả đa nghe!” và Ngài dặn con em ngài “phải sáng suốt đặng phân biệt thiệt giả, mới bền giữ cơ nghiệp thiêng liêng, chớ đời sống phạm gian là một khổ hải đa nghe.” (thuyết đạo tại Đền Thánh, thời Tý đến 19 tháng 2 năm Mậu Tý (29-3-1948).

Qua những lời dạy nêu trên, Đức Ngài kêu gọi con em của Đức Ngài phải sáng suốt để thấy được thật giả, nghĩa là nếu chưa hành trì được tư huệ và tu huệ để hoàn mỹ huệ căn thì ít nhất cũng đừng quên văn huệ, vì văn huệ tức sự lắng nghe giáo lý, kinh, cơ, luật, luận sẽ giúp người tu có được chánh kiến, mà có chánh kiến là thấy được sự thật, là thoát khỏi được si mê, đê nhứt độc trong tam độc đã làm cho con người bị miên mang trôi nổi trong dòng luân hồi, không dừng, không dứt.

Cũng vậy, như những gì Đức Hộ Pháp đã dạy, Thiên Sư Vạn Hạnh vào thời nhà Lý trước kia cũng có làm một bài kệ biểu lộ quan điểm của Ngài về nhơn thân hay tự ngã huyền hóa tạm bợ của con người. Ngài nói như sau:

“Thân như điện chớp hữu hoàn vô.

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy

Thịnh suy như lộ thảo đầu thô.”

nghĩa là cái thân của con người có gì là bền bỉ đâu. Có người mới thấy đó thế rồi mất đó. Nó mong mạnh như làn điện chớp, như giấc mộng dài, có rồi mất, chẳng khác nào mùa xuân cây cối tươi tốt thế rồi lại úa tàn lúc thu sang. Thế sự hay cuộc đời cứ hết thịnh đến suy và mọi sự thịnh suy cũng chỉ là giả tạm mà thôi. Thịnh suy nào có khác chi hạt sương buổi sớm, long lạnh trên đầu cây ngọn cỏ để rồi khi mặt trời lên thì tan đi và biến mất. Nếu người tu thấy được cuộc đời như vậy, thân con người như vậy, như điện chớp có rồi không thì cái thấy đó chính là chánh kiến nghĩa là thấy biết sự thật. Nói khác hơn, nhờ có chánh kiến người tu sẽ rời được vọng để trở về chơn, bỏ hư về thật, thoát khỏi được si mê; mà nếu không còn si mê thì tham ái và sân hận sẽ rã tan cũng như vô minh khi đã diệt được thì một chuỗi dài của Thập Nhị Nhân Duyên là hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử cũng sẽ lần lượt và tuần tự rã tan tất cả.

c/ Pháp:

Chữ pháp ở đây có nghĩa là mọi sự, mọi vật trên thế gian này.

Theo giáo lý đạo Cao Đài qua đàn cơ đêm 29-12-1926 thì “các pháp thế gian đều vô thường không bền, hay bị hư hỏng hoặc tan hoại ngay sau khi con người bị cướp mất sự sống”.

Cùng với ý nghĩa này, để chỉ sự thành, trụ, hoại, không của vạn pháp thế gian mà trong một đàn cơ khác vào ngày 26 tháng 6 năm Bính Dần (4-8-1926). Đức Chí Tôn có dạy như sau: “Thầy đã khiến các con đi Đế Thiên Đế Thích đặng xem cho tạn mặt hữu hình nơi thế gian này, ngày nay ai cũng nhìn nhận cho là tối đại, mà con thấy nó bền vững được chăng? Lòng đạo đức con Thầy thấy rõ, nhưng thời giả dối đã qua, thời kỳ chân thật đã đến, Thầy không muốn các con hao tài, tổn của mà giữ gìn sự giả dối”.

Qua hai đàn cơ trên Thầy đã dạy rằng tất cả những gì trên thế gian hễ hữu hình thì hữu hoại. Chúng vô thường chớ không trường cửu vĩnh hằng.

Cũng vậy, giáo lý nhà Phật cũng có những lời dạy trên.

Theo kinh Kim Cang thì bất cứ cái gì hễ có hình có tướng đều là mọi pháp thế gian có rồi mất, sinh rồi diệt. Chúng như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như làn điện chớp, như hạt sương mai vừa le lói rồi vụt tan biến dưới ánh mặt trời. Nói khác hơn, chúng đều vô thường và không thoát khỏi luật hữu vi thành trụ hoại không hay sinh trụ dị diệt, được diễn đạt qua câu nói của Đức Phật như sau: “Nhất thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, diệt như điện, ung tác như thị quán”.

Tóm lại, theo giáo lý đạo Cao Đài cũng như giáo lý nhà Phật thì vạn vật trên đời đều vô thường. Ai thấy được như vậy là người có chánh kiến là người thấy sự thật, thấy rõ cái “bổn lai vô nhất vật” ở thế gian, thấy rõ công danh, phú quý nào khác chi một giấc mộng dài, tan biến mau nhanh như màn sương buổi sáng mà trong đạo Phật có bài kệ như sau:

“Công danh cái thế màn sương sớm.

Phú quý kinh nhân giấc mộng dài.

Chẳng biết bổn lai vô nhất vật

Công phu luống uổng một đời ai”.

và trong đạo Cao Đài, Thánh Ngôn Hiệp Truyền cũng có dạy rằng:

“Thế trần mộng mị có ra chi

Giành giựt rồi qua hỏi được gì

Tốt phước gắng gìn nhưn nghĩa trọn.

Chông gai xa lánh cảnh sầu bi”.

có nghĩa sống ở trần thế này cũng giống như đang trải qua một cơn mộng mị. Nó có ra chi. Vậy thì con người thôi đừng giành giựt nhau chi, bon chen bám víu làm gì để rồi khi xuôi tay nhắm mắt để cho xác thân này trở về với cát bụi, hỏi vậy chớ con người còn có giữ lại được gì đâu. Bây giờ đây, ngay trong cuộc đời này, nếu ai nhờ có được phước tốt, được “Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn” (Kinh Sám Hối) vậy xin nhớ thương nhưn sanh đồng loại, còn rất nhiều người do căn cơ thiếu kém

nên đau khổ vẫn còn vậy thì nên thương yêu nhau, giúp đỡ cứu độ nhau với tất cả tấm lòng, tất cả từ tâm.

Từ tâm là đức tánh mà bất cứ ai cũng cần phải có. Từ tâm và chánh kiến là hai tâm thể không thể thiếu được đối với người tu. Thiếu từ tâm và không có chánh kiến, người tu sẽ không khi nào đạt đạo được. Chính cuộc đời của Đức Phật Thích Ca là một biểu tượng, là hiện thân của từ tâm và chánh kiến.

Nhờ có từ tâm nên Đức Ngài không chấp mà trái lại còn yêu thương, tội nghiệp cho những ai đã gây hại cho Ngài đã mắng chửi Ngài. Và nhờ có chánh kiến mà Ngài thấy rõ được rằng thế nhân mỗi một con người đều có căn cơ khác nhau, cũng như ở trong những hoàn cảnh gia đình, văn hóa, xã hội khác nhau vì vậy mà phải có những ý nghĩ, hành động khác nhau, có khi hung dữ gây tai hại cho người khác.

Rồi cũng nhờ có chánh kiến mà Ngài thấy rõ, danh ngôn là giả lập, thôi chấp làm gì, tướng ngả tướng như đều là giả tướng, vạn vật là vô thường, thôi bám víu làm chi. Chính vì thấy biết như vậy mà Đức Ngài luôn luôn từ bi hỉ xả, thương yêu tất cả muôn loài và xả bỏ được tất cả mọi bám víu phiền trước thế gian mà câu chuyện sau đây trong cuộc đời của Ngài đã chứng minh điều đó.

Đức Phật Thích Ca thành đạo năm 31 tuổi và tịch diệt khi Ngài được 80 tuổi (có nhiều sách ghi không hoàn toàn giống nhau nhưng vị chi chỉ khác nhau vài năm).

Trong thời gian 49 năm sống ở thế gian, Ngài là một vị Phật sống nhưng mang xác thân như bao nhiêu phàm nhân khác. Ngài thường đi lại đó đây để phổ độ chúng sanh.

Một lần nọ Ngài đến một tiểu quốc mà phần lớn người nơi đó thuộc đạo Bà La Môn. Sau nhiều lần nghe Ngài thuyết giảng giáo lý, nhiều tín đồ Bà La Môn cải đạo và theo Phật giáo. Việc này đã làm cho các vị trong hàng giáo phẩm Bà La Môn rất phiền lòng.

Một hôm, nhân khi Ngài khát thực, một số người có phận sự trong đạo Bà La Môn đi theo và chửi Ngài tại sao

lại đến đây để giành giật tín đồ của họ. Mặc dù bị chửi mắng, Ngài vẫn cũng âm thầm lặng lẽ tiếp tục đi.

Khi đi đến một ngã ba đường, nhóm người Ba La môn chạy ra trước và chặn đường Ngài lại. Họ hỏi Ngài rằng: “Cù Đàm, chúng tôi chửi ông, ông có nghe không?”

Đức Phật trả lời là “có nghe”.

Nhóm người Ba La Môn hỏi: “nghe sao ông không trả lời gì hết vậy?”

Đức Phật hỏi nếu tôi trả lời các ông chịu nghe không? Các người Ba La Môn nói nghe và như vậy Đức Phật nói như sau:

“Giả dụ khi nhà quý ông có đám giỗ mời bà con chòm xóm đến dự. Sau khi tiệc tàn thực khách ra về mỗi người được tặng một gói quà bánh. Nhưng có một người khi được quý ông trao cho quà thì không nhận, như vậy gói quà đó thuộc về ai?”

Các vị Bà La Môn đồng nói: “Nếu không nhận thì còn của chúng tôi thôi chờ của ai được”.

Đức Phật bèn nói: “Cũng vậy. Quý ông chửi tôi nhưng tôi không nhận thì thôi chờ có gì đâu”. Nói xong Đức Phật mỉm cười bỏ đi, để lại đó toàn người Ba La Môn tần ngần tư lự.

Câu chuyện trên cho thấy Đức Phật quả là vị Phật sống khi còn tại thế. Ngài không chấp, vì danh ngôn hay ngã tướng, pháp tướng, tất cả đều giả lập, vô thường có gì đâu mà phải chấp nê bám víu làm gì. Đó là Ngài đã thấy với chánh kiến. Hơn thế nữa, Ngài còn sẵn sàng tha thứ và thương yêu tất cả những người đã chửi Ngài, bước ra đi với nụ cười từ ái, hành xử với tất cả từ tâm.

Từ tâm và chánh kiến là hai đức tánh không thể thiếu được đối với người muốn đạt đạo. Người có từ tâm sẽ luôn luôn vị tha thay vì vị kỷ, chỉ biết có riêng mình. Người có từ tâm, đến người khác với lòng từ ái, thường chỉ thấy cái tốt của người khác, muốn mang lại hạnh phúc cho người khác, đó là trước tiên đã tạo được hạnh phúc cho mình rồi. Người có từ tâm sẽ không bao giờ cô đơn, vì đến với người khác

bằng tình thương vị tha, với tấm lòng cởi mở thì sẽ luôn luôn được mọi người đón nhận. Đây là dịp tốt để người tu có từ tâm được nhiều cơ hội tạo nên phước đức. Nói khác hơn, từ tâm giúp người tu tạo phước, còn chánh kiến làm phát triển và cũng có huệ căn. Ta mà có chánh kiến và từ tâm, đó là phước huệ song tu, là con đường đi đến đạt đạo./.

Hiền Tài Lê Văn Thêm

(tiếp theo trang 9) Chức Sắc Tiên Khai

Ông qui vị lúc được 33 tuổi. Về sau, *Bát Nương Diêu Trì Cung* giáng cơ cho Hội Thánh biết Ông Tá Lý Bùi Ái Thoại đã *đắc quả phẩm Phối Thánh* và khuyên nên ghi vào *lịch Đạo để nêu gương cho hậu thế*.

Với 38 tuổi đời, 19 tuổi Đạo, 19 năm công quả mà Ngài Bùi Ái Thoại đã được *đắc Thánh* thì quả là một ân huệ vô cùng to lớn của Đức Chí Tôn.

3.- Hiền Nhơn LÊ VĂN TRUNG.- Ông Lê Văn Trung nhập môn năm 1927 và sau đó được cử vào chức *Phó Trị Sự*. Ông lập được nhiều công quả và lần lượt được thăng nhiều phẩm trong hàng *Chức Sắc Phước Thiện*. Sau cùng Ông được *Đức Hộ Pháp* (đã *đăng Thiên*) giáng cơ thăng lên phẩm *Hiền Nhơn* vào năm 1973, qui vị năm 1976.

Hiền Nhơn đối phẩm với *Phối Sư* bên Cửu Trùng Đài. Theo lời thuật của Ngài Chơn Nhơn Phạm Duy Hoài thì Tiên bối cho biết Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung là *Nhạc Phi* đời Nhà Tống tái kiếp.

HT Nguyễn Trung Đạo



VƯỜN THƠ

Thi Đoàn Vườn Huệ Trắng phụ trách

TỘC PHẠM MÔN

Trong uẩn khúc buổi đầu cơ Đạo,
Những gian nguy ẩn áo cao minh.
Nguyện lòng vì Đạo quên mình,
Hiển dăng kiếp tạm hi sinh ngại gì.
 Lộ trình khó không vì gian khổ,
 Mà chỉ vì nội bộ bất hòa.
 Vừa kết hợp lại chia xa,
 Ly đầy thêm nước chảy ra lan tràn.
Không tự chế giữa hàng huynh đệ,
Không tỉnh tâm nào dễ cảm thông.
Một khi nghĩ tưởng bất đồng,
Khư khư bảo thủ khó mong dung hòa.
 Tuy thử thách phong ba không nản,
 Cũng khiến nên ngao ngán nơi lòng.
 Nhịn nhường đợi lúc hanh thông,
 Lui vào thanh tịnh lập dòng chơn tu.
Khổ Hiền Trang muôn thu ghi tạc,
Phú Mỹ thôn khởi phát Phạm Môn.
Dù bao trở ngại dập dồn,
Vượt qua gian khổ bảo tồn Đạo cơ.
 Tạm ẩn thân đợi chờ Thiên lệnh,
 Tuyệt đối không toan tính riêng tư.
 Chơn tâm thiện tánh bi từ,
 Đức tin trụ vững khư khư một lòng.

Qua cơn bĩ ánh hồng quang chiếu,
Giải mối nghi trung hiếu nhiệm hành.
Phạm Môn vốn sẵn căn lành,
Chuyển lập Phước Thiện chiêu anh trạch hiền.

Cửa hằng sống thiêng liêng rộng mở,
Quy linh căn hỗ trợ môn sanh.
Nên chẳng muốn được tiến nhanh
Hưởng vào tâm nội tịnh thanh tu trì.

Cơ tận độ quyền nghi linh động,
Thức căn sinh giải mộng trần gian.
Giáo dân, hành thiện, tịnh an,(1)
Là ba lối tiến huy hoàng song song.

Hiệp Thiên Đài thông công cõi thượng,
Lập Cửu Trùng thống chương cơ quy.
Phước Thiện thể hiện từ bi,
Phạm Môn tâm pháp huyền vi nhiệm mầu.
Tịch Thanh Hương mở đầu thể tướng,
Tịch Đạo Tâm quy hướng tâm linh.
Tâm linh soi sáng lộ trình,
Tâm linh thông đạt quang vinh Đạo Trời.

Ngươi hội mới người người tìm Đạo,
Không chỉ tìm huấn giáo cao thâm.
Chơn sư dù ẩn sơn lâm,
Nhiều người tìm đến cầu tầm pháp tu.

Giáo lý đạo hiển u thâm diệu,
Giúp linh căn thấu hiểu huyền vi,
Nhưng phần tâm pháp tu trì,
Nếu không thì lại khác gì xưa nay.

Mãi khăng khăng Cao-Đài Đại-Đạo,
Lập quả công phục đáo cự ngời.
Giáo dân vi thiện đủ rồi,
Ngồi thiền tịnh luyện lời thôi ích gì.

Với thái độ hoài nghi chấp tướng,
Việc đối trao càng chương ngại thêm.
Giữ tình hoà hảo êm đềm,



Mỗi phần mỗi việc ngày đêm liệu lường.
Xin Ông Trên yêu thương dịu dất,
Tạo cảm thông thất chặt thâm tình.
Đạo Trời vi diệu triết minh,

Tộc Phạm Môn an bày trọng nhiệm,
Hạnh người tu đốn tiệm dung hòa.
Cao-Đài tổng hợp tinh hoa,
Thiền Tông Tâm Pháp Thiên Toà tứ ân.

HT Bùi Đông Phương



Chú Thích : (1)

Trong quyển giảng pháp về con đường thiêng liêng hằng sống Đức Hộ-Pháp cho biết trong cơ tận độ kỳ ba Đạo Cao-Đài mở rộng ba con đường dịu dất linh căn trở về lại cội nguồn:

-Hành-Chánh Đạo : là con đường thứ nhất gồm cứu phẩm thần tiên.

-Phước Thiện : là con đường thứ hai gồm thập nhị đẳng cấp thiêng liêng.

-Phạm Môn : là con đường thứ ba tu chơn tịnh luyện thăng tiến tâm linh.

(Hành Chánh giáo dân hương thiện, Phước Thiện cứu khổ ban vui, Phạm Môn trau dồi linh tánh.)

Tâm Hưởng

Tùng phong thủy nguyệt minh,
Vô ảnh diệt vô hình.
Sắc thân giá cá thị,
Không không tâm hưởng thanh.
Minh Trí

Dịch thơ: Tìm Tiếng Vọng

Gió cành thông, trăng lồng đáy nước,
Bóng hình này lưu được bao lâu.
Sắc thân cũng thế, có đâu,
Như tìm tiếng vọng giữa bầu hư không.
Nguyễn Tấn Hưng dịch

Minh Trí Thiền Sư (? - 1196): Họ Tô, trụ trì chùa Phúc Thánh. Ban đầu lấy pháp hiệu Thiền Trí, sau theo học sư Đạo Huệ, nhờ tinh thông các kinh Viên Giác, Nhân Vương, Pháp Hoa nên được thầy đổi pháp hiệu cho là Minh Trí.

尋 響
明 智 禪 師
松 風 水 月 明
無 影 亦 無 形
色 身 這 個 是
空 空 尋 響 聲

Tâm Không

Thân như tường bích dĩ đôi thì,
Cử thể thông thông thực bất bi.
Nhược đạt tâm không vô sắc tướng,
Sắc không ẩn hiện nhậm suy vi.

Viên Chiếu

Dịch thơ:

Tâm Không

Thân này vách đồ tường xiêu,
Buồn lo tất bật bao nhiêu cho cùng.
Tâm không ví hiểu là không,
Sắc không dời đổi mặc lòng sắc không.

Nguyễn Tấn Hưng dịch

色
空
隱
現
任
推
移

若
達
心
空
無
色
相

攀
世
奴
奴
孰
不
悲

身
如
塼
壁
已
頹
特

心
空
圓
照

Viên Chiếu Thiền Sư: (999- 1091) tên là Mai Trục, người đất Phúc Đường, huyện Long Đàm, là cháu của Hoàng Hậu Linh Cảm (mẹ vua Lý Thánh Tông), Thuở nhỏ thông minh, lanh lợi và rất chăm học.. Sư theo học thầy là sư Định Hương ở núi Ba Tiêu.. Trong vòng 3 năm lĩnh hội được rất sâu về Phật Học, lại có tài thuyết pháp., khi ra kinh đô có rất đông học trò theo học. Sư đứng ở vị trí đầu thế-hệ thứ bảy dòng thiền Quan Bích.

法性本相同。
 過現未來佛。
 人空我亦空。
 般若真無宗。
 般若 李太宗

Bát Nhã

Bát Nhã chân vô tông,
 Nhân không, ngã diệt không.
 Quá hiện vị lai Phật,
 Pháp tính bản tương đồng.

Lý Phật Mã (Vua Lý Thái Tông)

Dịch thơ:

Bát Nhã

Chẳng gốc nào sinh trí tuệ ra,
 Không là ai, cũng chẳng là ta.
 Phật nay, Phật trước, nghìn sau nữa
 Cũng chỉ là sen nở một toà.

Nguyễn Tấn Hưng dịch

Lý Thái Tông: (1000-1054) tên là Lý Phật Mã, con trưởng của vua Lý Thái Tổ, làm vua trong thời thịnh trị của nhà Lý. Ngài là người thông minh, lập được nhiều chiến công, thích nghiên cứu sách vở, thơ văn, âm nhạc, nghiên cứu và am hiểu đạo Phật, luôn luôn quan tâm đến đời sống của dân chúng, coi trọng việc mở mang kinh-tế. Ngài thường hay bàn bạc về giáo-lý nhà Phật với các bậc thiền lão. Trong một cuộc đàm đạo Ngài nói: " Bàn về nguồn gốc cái tâm của Phật, thánh hiền xưa còn chưa khỏi bị chê bai hướng chỉ những kẻ hậu học.

BÀNG HOÀNG

Sương tơ ướm lạnh lòng lữ khách,
Trần trọc đêm khuya bạch lập tàn.
Mây đen Nam đỉnh chưa tan,
Khiến lòng ray rức bàng hoàng . . .thâu canh.
Đời tranh lẩn trên đà thắm khóc,
Đạo dĩ hòa khuyến học tu tâm.
Gieo tình bác ái phù trầm,
Chan hòa màu sắc lương tâm an bình.
Sinh sôi dấy động cầu tranh bá,
Vạn mạch sầu . . . nào sá cân phân.
Những mang nghiệt ngã vô ngần,
Đua tranh giành được cao phần thì hơn.
Cơn nhiễu loạn chập chờn trước mắt,
Giải thế nào ? Thất chặt tình thương . . .
" Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong nơn loại phải thương nhau cùng."

Nhật Tân

Thi Đàn Vườn Huệ Trắng- Fontana-CA

THU HOÀNG CỐ QUỐC

Mùa thu, buồn nhớ quê hương,
Hương về quê cũ trùng dương mịt mờ.
Ngồi trông đợt sóng vỗ bờ,
Quê tôi chẳng biết bây giờ ra sao?
Thương về nghe chạnh lòng đau,
Lệ lưng trông lạnh, tóc màu tuyết pha.
Tôi nay tuổi xế bóng tà,
Làm dân vong quốc xót xa phận mình.
Bao giờ trời trở bình minh ?
Quê hương tươi thắm thanh bình nở hoa.

Lưu Quốc Minh
Holliday- Florida

HIỀN TÀI NGUYỄN LONG THÀNH

(1942-1998)



Ngày sinh: 29-03-1942 (8-2- Nhâm Ngọ)

Nơi sinh: Long Phụng, Cần Giuộc, Long An.

Thân phụ: Nguyễn Văn Kiến

Thân mẫu: Phan Thị Vĩ

Nhập môn vào Đạo Cao Đài: 6-2-Giáp Thìn (dl 19-3-1964) tại Thánh Thất Đô Thành (Sài Gòn), đến năm 1966 được bổn Đạo cử lên làm Thông Sự ở Quận 2,

• Hiền Tài Khóa II

Học vấn: Tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Cấp Tốc ban Anh Văn, được bổ nhiệm làm giáo sư Anh Văn tại trường Trung Học Tây Ninh 19-6-1966.

Trong thời gian này ông nghiên cứu giáo lý Đạo Cao Đài, tham gia giảng dạy giáo lý cho học sinh tại Đạo Đức Học Đường và trường Trung Học Lê Văn Trung, đồng thời bắt đầu viết sách về đề tài: Tìm Hiểu Giáo Lý Cao Đài (12 tác phẩm).

Từ 1-12-1976 đến 20-4-1981, ông bị giam tại khám đường Tây Ninh và Bàu Cỏ.

Sau khi được trả tự do, sức khỏe ông rất kém, chỉ nằm nhà dưỡng bệnh. Tuy thể xác đau yếu, nhưng đời sống tâm linh rất phong phú, được các Đấng Thiêng Liêng mặc khải cho biết nhiều điều và làm nhiều việc.

Đức Hộ-Pháp có cho ông bốn câu thơ:

*Thuyền Đạo giờ đây vắng bóng Thầy,
Đàn em Chức sắc cũng buồn lây,
Đỡ nâng nghiêng ngửa trong đôi lúc,
Dụng đỡ THÀNH LONG nhắc ý Thầy.*

Nguyễn Long Thành qui liễu ngày 19-4-Mậu Dần (dl 14-5-1998), được đưa vào Khách Đình trong Nội ô Tòa Thánh để làm lễ tang, hưởng 57 tuổi.

Nguyễn Long Thành từ ngày ngộ Đạo, chí quyết hy sinh phụng sự cho Đạo pháp, cho nhân sanh, không lập gia đình, không nhà cửa, không tài sản, tất cả đều không.

*Một mình một bóng giữa đêm đông,
Khép kín tư phòng để trống không,
Không, không, tất cả đều không cả
Không cả cuộc đời Đạo pháp thông.*

Trích Tủ Sách Đại-Đạo

<http://www.personal.usyd.edu.au/~cdao/tusachdd.htm>

Con đường của người đệ tử Cao-Đài

Hiền Tài Nguyễn Long Thành

(Tiếp theo từ TSTD 17)

III./- SỰ TRAU GIỎI TÂM LINH

Cho dầu chúng ta đi trên con đường nào cũng vậy, tâm linh vẫn là căn bản cho mọi hành động. Vì vậy hằng ngày người đệ tử Cao Đài có bốn phận phải trau giồi tâm linh cho đến mức độ lòng yêu thương, sự công chánh của Thượng Đế thấm nhuần trong tư tưởng. Đó là những nguyên tắc căn bản hết sức đơn giản, nhưng huấn luyện cho tinh thần người đệ tử trở nên đầy lòng yêu thương và công chánh lại là việc làm vô cùng khó khăn có lẽ còn khó khăn hơn lập một quốc gia nữa.

Có những phương pháp giúp người đệ tử tự trau giồi tâm linh mình dưới hình thức những hình luật của Giáo Hội và những bài kinh cho mỗi cá nhân trong những giờ hành lễ cũng như trong lúc làm việc hằng ngày, nó giữ cho tư tưởng và tình cảm của người đệ tử gắn với Thiên lý. Hình luật thì nghiêm cấm việc này việc nọ, khuyên nhủ điều kia, nếu ai vi phạm sẽ bị trừng phạt nghĩa là có người trông chừng giữ gìn hành vi của chúng ta. Vì lòng sợ hình phạt mà người đệ tử tự kiểm chế lấy mình và đi trên đường ngay chánh; còn kinh kệ thì dùng năng lực tinh thần của chính mình của người khác, của Thượng Đế và các Đấng trọn lành mà đánh thức lòng mình, lập lại lời kêu gọi thống thiết một cách thương xuyên. Buổi đầu tâm linh nghe lời kêu gọi trong những giờ giấc nhứt định nhưng về sau nó càng được thúc giục nghe tiếp, những lời kêu gọi của Thượng Đế nhiều hơn và rộng rãi hơn trước khi hành động.

Sự trau dồi tâm linh không có giới hạn nào, chúng ta có thể ở cương vị một người tín đồ suốt đời, nhưng trình độ tấn hóa thì không bị ràng buộc trong tước phẩm.

Về luật hình thì có Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Qui áp dụng cho tất cả tín đồ, dầu ở cấp bậc nào cũng vậy.

NGŨ GIỚI CẤM:

1-Nhứt bất sát sanh là chẳng nên sát hại sanh vật.

2-Nhì bất du đạo là cấm trộm cướp, lấy ngang lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.

3-Tam bất tà dâm là cấm lấy vợ người, thả theo đảng điểm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt [vợ chồng không gọi tà dâm].

4.-Tứ bất tửu nhục là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon bụng mơ đồ mỹ vị.

5-Ngũ bất vọng ngữ là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người khoe mình, bầy lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mãng thô tục, chửi rủa người, hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa.

TỨ ĐẠI ĐIỀU QUI

1/- Phải tuân lời dạy của bề trên chẳng hổ chịu cho bậc thấp hơn điều độ, lấy lễ hòa người, lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

2/- Chớ khoe tài đừng cao ngạo quên mình làm nên cho người, giúp người nên Đạo đừng nhớ cừu riêng chớ che lấp người hiền.

3/- Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả, đối với trên dưới đừng lớn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4/- Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi lại khi sau.

Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngồi mà xem không để lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung, pháp- luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên để dưới, đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Còn về kinh kệ thì ngoài những bài xưng tụng công đức của Đức-Chí-Tôn, các vị Phật, Tiên, Thánh đọc trong các thời cúng như định, còn có những bài kinh khác có tác dụng nhắc nhở người đệ tử biết kính trọng quyền năng thiêng-liêng hằng ở bên mình, tự kềm chế lấy mình, sửa lại lỗi lầm, mở rộng lòng yêu thương...v..v. đó là những bài kinh

-Sám hối.

-Giới tâm kinh.

-Xưng tụng công đức Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Tôi đặc biệt chú ý đến những bài kinh Thế-Đạo mà phần đông tín-đồ dường như quên lãng hoặc vì lười biếng hoặc vì bận rộn với sinh kế hằng ngày. Sau đây là những ý tưởng chánh rút ra từ những bài kinh đó, trong bản Việt Ngữ xin để nguyên văn.

KINH KHI THỨC DẬY

Vừa mở mắt giựt mình thức dậy,

Con mang ơn cúi lạy Từ-Bi.

Tử sanh, sanh tử là chi,

Gãm trong giấc mộng cũng bì như nhau.

Đây tới sáng xôn xao dưới thế,

Những đua chen kiếm kế sanh nhai.

Có thân giữa chốn đọa đày,

Đếm ba vạn sáu ngàn ngày khó khăn.

Xin Từ-Phụ ra ân cứu độ,

Tặng huyền-linh giác-ngộ chí thành.

Rõ phước đức biết tội tình,

Nắm tâm đắp vững mặt thành Càn-Khôn.

Trên nhờ có Chí-Tôn che chở,

Thần, Thánh, Tiên, Phật hộ thân hèn.
Đường tu nổi bước cho quen,
Xa trần tẩm tối cận đèn Thiêng-Liêng.
NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT
[Niệm 1 lần]

KINH KHI ĐI NGŨ

Các vật-dục xay ra một buổi,
Cả hành vi lầm lỗi khôn ngừa.
Sấp mình cúi lạy xin thưa,
Ớn trên Từ-Phụ cho chừa tội khiên.
Trong giấc mộng nghỉ yên hồn phách,
Đấng Thiêng-Liêng năng mách bảo dùm.
Bồng-Lai Cực-Lạc chỉ chừng,
Đẩy đưa xác tục dựa gân cõi linh.
NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

KINH KHI RA ĐƯỜNG

Thân vận động trong trường thế sự,
Đạo như luân cư xử cùng đời.
Đòi phen lúc biến khi dời,
Thân như bèo bọt giữa vời linh đình.
Dòm thấy cuộc kinh-dinh dưới mắt,
E trở tâm tánh bất đổi thay.
Con xin nương bóng Cao-Đài,
Bước ra một bước cảm hoài căn tu.
Gót chơn đưa rũi như sát mạng,
Vật hữu linh phàm nhãn khôn soi.
Xin tha họa gởi tai rơi,
Hồn linh nhờ có ơn Trời chứng minh.
Đại-Từ-Phụ oai linh bảo hộ,
Những chông gai quét ngõ ven đường.
Đi an-khương, về an-khương,
Cõi Thiên, cảnh tục cũng đường chung nhau.
NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

KINH KHI VỀ

Cảm-tạ ơn trên đầu đũa đỡ,
Từ khi đi khi trở lộn về.
Đặng xong phận sự mọi bề,
Tâm tu lại vững chẳng hề lãng xao.
Những nhớ bước động Đào buổi trước,
Những nhớ khi Hồn rước Diêu Trì.
Gần-Ta-Ca, đỡ bước đi,
Ra thành Phật-Tổ gặp kỳ ly cung.
Dẫn xe trâu Côn-Lôn trở bánh,
Lý Lão-Quân mong lánh phong trần.
Núi Ô-Li-Vê để dấu chân,
Gia-Tô Giáo-Chủ giải phần hữu sanh.
Con nguyện xin khuôn linh giúp sức,
Bước ta-bà giục thức huệ quang.
Lòn thân dưới phép sấu than,
Tìm phương cứu khổ mở đàng giải căn.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

KINH VÀO HỌC

Đại-Từ-Phụ xin thương khai khiếu,
Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ.
Gần điều nên lánh lẽ hư,
Nương gương thần huệ đặng trừ nghiệt căn.
Dò đường Thánh khó khăn chẳng ngại,
Tùng khuôn hồng nhỏ dại lớn khôn.
Buộc yêu thương bạn đồng môn,
Nghĩa nhân vẹn giữ xác hồn trăm năm.
Nguyện tam cang gìn tâm trọn Đạo,
Nguyện ngũ thường hiếu thảo làm khuôn.
Nguyện nên hương hỏa tông đường,
Nguyện thương lễ thứ trong trường công danh.
Cầu khẩn Đấng Chơn-Linh nhập thể,
Đủ thông minh học lễ học văn.
May duyên gặp hội Long-Vân,
Thuyền thơ ngọn gó Các-Đằng xuôi đưa.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

KINH VÀO ĂN CƠM

Giữa vạn vật con người một giống,
Phải uống ăn nuôi sống thân phàm.
Từ-Bi ngũ cốc đã ban,
Dưỡng nuôi con trẻ châu toàn mảnh thân.
Công Thần-nông hóa dân buổi trước,
Dạy khôn ngoan học chước canh điền.
Nhớ ơn bảo mạng Huyền-Thiên,
Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

KINH KHI ĂN CƠM RỒI

Nguyện nhớ ơn Nông-canh nhần nhọc,
Nguyện ơn người lúa thóc giã xay.
Ngâm cơm ơn ngâm hàng ngày,
Nên người con nguyện ra tài lợi sanh.
Con cầu xin mãnh hình tráng kiện,
Giúp nên công xây chuyển cơ Đời.
Trên theo pháp luật Đạo Trời,
Dưới thương sanh chúng một lời đình ninh.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

Ngoài ra còn có kinh thuyết pháp, kinh nhập hội, xuất hội và nhiều bài kinh khác nữa, đọc vào các dịp tang, hôn. Kinh cứu khổ, cầu khẩn sự hộ trì của Thiêng-Liêng khi gặp nạn ốm đau hay điều chi thống khổ.

IV/- SỰ HUẤN LUYỆN THỂ XÁC

Song song với sự trau dồi tâm linh bằng phương pháp thần quyền và tâm lý, tôi nhận thấy có vài lời chỉ dẫn về một phương pháp tập thể dục dưỡng tượng như phép yo-ga áp dụng cho các tín đồ ở bậc hạ thừa. Tuy nhiên phương-pháp này không được phổ thông vì nó đòi hỏi sự cố gắng triền miên của cả thể xác lẫn trí não và một thời giờ rảnh rỗi tối thiểu.

Theo sự nhận xét của riêng tôi, sự luyện tập này nhằm huấn luyện cho thể xác người đệ tử quen với những năng lực thần bí sẽ được thọ truyền sau này nếu họ tỏ ra xứng đáng và tập cho xác thân đủ sức chịu đựng sự sai khiến của trí não khi cái thể này của con người bắt đầu hướng thiện. Sự nuôi dưỡng cơ thể bằng thức ăn chay cũng là một trong những cách luyện tập thể xác nhằm đưa đến mục đích này. Xin nhắc lại rằng khi đệ nhị xác thân tức là cái gạch nối giữa thể xác và linh hồn đã thật sự hướng về Thượng-Đế thì người đệ-tử sẽ cảm thấy những sự thôi thúc kỳ lạ tự nội tâm buộc xác thân phải làm việc này việc nọ, phải hy sinh rất nhiều cho kẻ khác. Nếu thể xác không được huấn luyện dần dần từ trước thì nó dễ chống lại ý muốn của linh hồn và ngăn cản không cho tư tưởng lành trở thành hành động thiện.

Dĩ nhiên không ai tránh khỏi trận chiến theo kiểu này trong đời sống nội tâm, nhưng nếu thể xác được huấn luyện cẩn thận theo đường lối tu hành từ trước thì cường độ ác liệt của sự tranh đấu sẽ giảm bớt và ý muốn của linh hồn sẽ dễ-dàng chế ngự được thể xác từ việc nhỏ nhặt trong đời sống cá nhân đến những quyết định trọng đại giải quyết các vấn đề nhân sinh.

CHƯƠNG – BỐN

VÀI TƯ- TƯỚNG ĐẠI- ĐỒNG

I/- TRƯỜNG HỌC NĂM LỚP:

Đạo Cao-Đài là một trường học có năm lớp ai thích học lớp nào cũng được. Đó là năm lãnh vực hoạt động mà đối tượng là:

- Đời sống cá nhân và gia-đình đối với xã hội.
- Đời sống quốc-gia đối với cộng-đồng quốc-tế.
- Sự thánh-thiện hóa loài người.
- Con người và những hoạt-động trong cõi hư linh.
- Sự giác ngộ chúng sanh

Con người không phải là một cá thể biệt lập, mà là một phần tử của gia-đình, của quốc-gia, của xã-hội, của loài người, của vạn linh và của vũ-trụ. Vì vậy, năm lớp học không phải làm năm lớp học riêng rẽ do năm ông Thầy điều khiển bằng phương pháp riêng của mỗi ông mà phải đứng bên cạnh nhau vì một sự bắt buộc nào đó. Năm lớp học do một ông Thầy điều khiển, ông Thầy lựa chọn môn sinh nào có cùng ý hướng nổi bật về một trong năm đối tượng nầy thì cho học chung một lớp, làm lớp học đầu tiên. Khi người đệ-tử bắt đầu thấy thích học trong trường học nầy ông Thầy sẽ hướng dẫn họ đi qua các lãnh-vực còn lại trong bốn lớp kia, sau cùng người đệ-tử chỉ thấy mình học một trường không phân chia lớp.

Có lẽ chư-huynh thấy đạo Cao-Đài khác với một hội dung hòa các tôn-giáo. Phật-Giáo không còn là một tôn-giáo đứng cạnh bên Khổng-Giáo hay Thiên-Chúa-Giáo với những sắc thái đặc biệt của nó trong cái nhà Cao-Đài. Các bài vở giảng dạy trong năm lớp học mà tôi vừa nêu trên đều cùng đi theo một chiều hướng duy nhất và vì vậy chỉ có một trường đối với môn sinh đã đỗ đạt và dường như có năm lớp đối với học trò mới ghi tên. Xin chư huynh đừng thắc mắc tại sao ngay những dòng giới thiệu của chương nầy đã viết “Đạo Cao-Đài là trường học có năm lớp ai thích học lớp nào cũng được” rồi bây giờ lại kết luận không có năm lớp. Năm ấy là một ấy là năm và dĩ nhiên cũng không phải bất cứ người đệ tử Cao-Đài nào đều thấu triệt được cái tinh hoa giáo lý nầy.

Thường thường khi tiếp xúc với họ chư-huynh có thể nhận thấy sự nổi bật của một vài đối tượng trong tư tưởng họ hoặc vì họ cho rằng cần phải bàn với chư huynh về đề tài nào đó thôi hoặc vì chính họ chỉ thấy một đối tượng nào đó là quan trọng hơn hết.

Có người chỉ chú tâm đến việc *giáo-dục con cái* trong gia đình và dường như họ theo Đạo Cao-Đài chỉ vì mục đích ấy.

Có người thích *ổn định tình thế quốc gia*, tham gia vào các sinh-hoạt chính-trị những mong sẽ dùng ảnh hưởng

của tập thể này mà chấn-chỉnh dần dần các cơ cấu quốc-gia hay ít ra một cá nhân cũng có thể đem cái tinh hoa của giáo-ly Cao-Đài áp dụng vào một lãnh vực giải quyết các công việc nhà nước sao cho thuận cùng Thiên-ý và hợp với nhơn-sanh. Hai quyền năng mà họ phải dung hợp luôn luôn là quyền của Thượng-Đế và quyền của con người khi giải quyết bất cứ việc gì dù nhỏ dù lớn thuộc về đời sống quốc-gia. Thường những người đệ tử tự lao mình vào lãnh vực này phải gánh chịu những hậu quả thể thảm cho xác thân gây ra bởi sự xung khắc về tư tưởng với những kẻ có quyền bính của thế gian muốn xu hướng về đường vật chất. Điều này cũng dễ hiểu vì trong các thế kỷ gần đây hầu hết những nhà cai trị không phải là những “Thái-Tử Sĩ-Đạt-Ta mới” rời khỏi cung vàng điện ngọc đi tìm chơn lý để trở về lên ngai trị vì muôn dân với cái nhìn và nghĩ của kẻ đã giác ngộ. Về phương diện xã-hội những kẻ đầy lòng tham vọng thường chỉ thấy Đạo Cao-Đài như một lợi khí đấu tranh cần phải tiêu diệt hoặc cần phải lợi dụng trong một giai đoạn nào đó, và đây là một vấn đề thuộc khoa học chính trị nên trong quyển sách này không đề cập đến nhiều hơn.

Lại có những người đệ-tử luôn luôn tìm kiếm trong giáo lý Cao-Đài những lời chỉ dẫn về các phương pháp huấn luyện cho *con người trở nên hoàn hảo* hơn. Đối với họ, thiên đàng và địa ngục dường như là cái gì xa xôi lắm, con người mới là quan trọng, làm thế nào cho con người càng ngày càng tốt hơn thế cũng đủ lắm rồi.

Rồi cũng có những người Cao-Đài quanh năm suốt tháng chỉ chú trọng đến *đời sống nội tâm*. Dường như họ lạnh nhạt đối với thế giới bên ngoài. Đối với các nhà xã hội hay chính trị gia, họ có thể là những phần tử không đáng kể nhưng đối với các nhà thần học thì sự có mặt địa cầu này, cũng cần thiết như bàn tay, khối óc sản xuất ra cơm gạo nuôi sống mảnh hình hài vậy.

Và sau cùng chư huynh cũng có thể tìm thấy, dù rất ít những *người đệ-tử đã giác ngộ* mà hành động của họ trải ra

trên khắp các địa hạt, từ đời sống cá nhân, gia đình, đến xã hội, quốc gia, quốc tế, trong các cảnh giới siêu phàm từ lòng đất các loài khoáng chất, cỏ cây, thú cầm, loài người, các đẳng cấp chơn linh, ma quỷ, Thần Thánh, đâu đâu cũng đều có mặt họ. Hành động, tư tưởng, lời nói của họ sự bình an tỏa ra từ người họ thấy đều có tác dụng nâng đỡ cơ sanh hóa, tức là sự duy trì và phát triển đời sống của tất cả mọi sinh vật hậu thiên.

Năm hạng người vừa nêu trên đều cùng đi trên một con đường duy nhất đã được các vị giáo-chủ xưa nay vạch sẵn và bây giờ Đức Chí Tôn giáng trần, Ngài lọc lựa những dị biệt và lấy cái tinh hoa của tất cả giáo thuyết trên hoàn cầu truyền dạy cho chư đệ-tử cùng với một vài tiết lộ về thiên cơ bí ẩn mà loài người đã tiến bộ đến một mức có đủ khả năng hiểu biết và tiếp thu được. Những bức tường ngăn cách do các môn đồ của các vị Giáo-chủ xây dựng nên đã bị Đức-Chí-Tôn phá bỏ trong hệ thống tư tưởng của người đệ-tử Cao-Đài. Ngài đã dạy:

“Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ Chi Đại-Đạo là:

-Nhơn Đạo.

-Thần Đạo.

-Thánh Đạo.

-Tiên Đạo.

-Phật Đạo.

“Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây thành chánh giáo là vì khi trước càn vô đặc khán khôn vô đặc duyệt thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.

“Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng càn khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt.

“Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa”

Chúng ta biết rằng có biết bao nhiêu người từ khắp các nơi trên thế giới đã cố gắng dung hòa tư-tưởng nhơn-loại, họ là những sứ giả của Thượng-Đế báo trước sự xuất hiện

của Ngài trong Tam-Kỳ Phổ-Độ này, chính sự có mặt của Thượng-Đế là yếu tố quan trọng trong sự thành công của Cao-Đài. Ngày xưa Ngài Chưởng-Quản một trường học năm lớp, mỗi lớp trên một phần đất của địa cầu, bây giờ Ngài vẫn làm công việc đó, Ngài mang tất cả những người trên các vùng đất khác nhau đặt chung vào một trường, Ngài hủy bỏ những tấm vách tường phân chia phòng học, Ngài giảng chung cho tất cả đệ-tử những bài học thích hợp cho từng hạng người, tức là áp dụng chân lý vào từng lãnh vực. Trong khung cảnh như vậy tự nhiên Ngài không còn là Thầy của riêng ai mà Ngài là Thầy của tất cả nhơn loại.

Nhơn loại sẽ biết rằng ngày xưa họ đã học với chính Ngài qua hình ảnh của những sứ giả Ngài và bây giờ chính Ngài đến để xác nhận điều đó. Và đó cũng là điểm khác biệt quan trọng giữa Đại Cao-Đài, một tôn giáo do chính Đức-Chí-Tôn sáng lập với một hội dung hòa các tôn giáo có cùng mục đích rất tốt đẹp nhưng do sự cố gắng của con người mà nên.

II/- TRẬT TỰ THIÊN NHIÊN CỦA XÃ-HỘI LOÀI NGƯỜI

Trên mặt địa cầu này không có chi là tuyệt đối. Mọi việc đều đã được an bày theo một trật tự thiên-nhiên bất di bất dịch gọi là Pháp. Một đứa bé sinh ra đời nó lớn lên, già rồi chết. Không một phép lạ nào có thể thổi cho đứa bé trong phút chốc trở thành một cụ già và giữ cho nó sống mãi mãi, không bao giờ chết. Cũng không có một quyền lực nào làm cho một hài nhi vừa lọt lòng mẹ biết suy nghĩ, khôn ngoan như một cụ già tám mươi. Nó phải có thời gian để học những kinh nghiệm khôn ngoan ở xã-hội này. Đó là trật tự của thiên nhiên.

Tổ chức xã-hội loài người cũng thế, Thượng-Đế đã ban cho mỗi cá nhân một linh-hồn hay tiểu linh quang và ban cho toàn thể nhân loại một đại hồn. Mỗi tiểu linh quang phải có thời gian để nó giác ngộ thì cái đại hồn của nhân loại cũng phải có thời gian mới trưởng thành, trật tự ấy dù ta có

nhận hay không, nó vẫn hằng có, nó vẫn im lìm chi phối mọi hoạt động thế gian. Một đứa con ngỗ nghịch trong gia đình nói rằng nó không có cha, tự nhiên mà nó sinh ra, nó là chúa tể của gia đình, dù có nhận sự kiện đó hay không nó vẫn có cha và người vẫn phải lo lắng cho nó vì người là cha của nó.

Đó là trật tự của thiên-nhiên.

Thượng-Đế đã sinh ra loài người nhưng từ ngàn xưa cũng như bây giờ vẫn có những người từ chối không nhìn nhận Ngài và Ngài vẫn tiếp tục ban sự sống thể hài và tâm linh cho họ theo một định luật công bình vì Ngài là cha, Ngài phải làm như vậy. Khối trí thức tinh thần nhân loại dù có ngạo nghễ đến đâu, dù có nói rằng nó là chúa tể của vũ-trụ, nó vẫn phải có nguồn cội về sự khôn ngoan.

May thay, chẳng phải toàn thể nhân loại đều ngạo nghễ như vậy, nếu viện lẽ rằng sự khôn ngoan mà con người đạt được hôm nay là do xã hội truyền lại qua nhiều thế hệ tiền nhân, thì đó chính là trật tự diễn tiến chớ không phải là nguồn cội nguyên thủy. Nếu nói rằng tinh thần tự vật chất mà sinh ra thì sự cấu tạo các nguyên tử vật chất cũng phải theo một trật tự nào đó mới lưu tồn, thử hỏi cái quyền năng nào đủ khôn ngoan bằng bây giờ và làm sao có thể hiểu được rằng các thổ dân ở miền Bắc nước Nga, miền Nam nước Mỹ hay bất cứ một nơi nào khác trên địa cầu vào thời tiền sử lại chính là người bày vẽ ra cái trật tự vận chuyển của các hành tinh, các hạt điện tử, sắp đặt vị trí các vì tinh tú. Chẳng lẽ một khối óc ngu muội tạo huyền bí mà cho đến bây giờ chính con người, khôn ngoan dường ấy cũng chưa hiểu hết?

Dù con người có thừa nhận hay không, trong vũ trụ vẫn có nguồn cội của sự khôn ngoan, và sự khôn ngoan đó biết cách sáng lập trật-tự vận-hành tất cả mọi vật mà con người là một phần tử trong đó. Dù những đứa con thân yêu của Thượng-Đế có cố gắng quay mặt đi chỗ khác, dù nó muốn nhắm mắt lại để không nhìn thấy, dù nó muốn bịt tai lại để không còn nghe ai nói gì về nguồn cội ấy, dù nó tìm đủ mọi cách để bắt trí óc đừng suy tưởng về nguồn cội của trật

tự an bày trong vũ trụ, dù nó có muốn làm gì đi nữa... thì nó vẫn từ đó mà sinh ra. Dù một đứa bé nói rằng nó từ đất nẻ chun lên, nó không có cha, không có mẹ và không thích nghe ai nói gì về cha mẹ nó, người ta biết rằng nó vẫn phải có cha có mẹ. Dù con người có chấp nhận hay không cái trật tự an bày trong thiên nhiên thì sự sống chết của nó vẫn nằm trong định-luật ấy.

Người đệ-tử Cao-Đài gọi nguồn cội của trật tự thiên nhiên ấy là Chí-Tôn, và sự hiểu biết về Ngài cũng phải theo một trật tự mà rõ ràng hơn với thời gian. Đó là lý do khiến có một vài khác biệt cần thiết trong lời giảng dạy của các vị Giáo-Chủ áp dụng cho một số môn đồ nào đó, trong một hoàn cảnh xã-hội nào đó, vào một thời gian nào đó. Các Ngài vẫn đồng nhất trong tâm linh nhưng môn sinh thì khác nhau về trình độ tấn hóa, trật tự ấy đòi hỏi phải có sự khác biệt trong lời giảng dạy. Những đứa con của Thượng-Đế không muốn nhìn Ngài bèn vịn vào đó mà đánh đổ các giáo thuyết và người đệ-tử Cao-Đài hiểu rằng sự tấn hóa của loài người phải trải qua những thời kỳ như vậy.

CHƯƠNG NĂM

SỰ HÒA HỢP GIỮA THỂ VÀ ĐẠO

Đây xin nhắc lại tổ chức Hội-Thánh Cao-Đài có hai cơ quan hữu hình là Hiệp-Thiên-Đài và Cửu-Trùng-Đài. Hiệp-Thiên-Đài và Cửu-Trùng-Đài. Hiệp-Thiên-Đài ấy là phần hồn của Đạo còn Cửu-Trùng-Đài là xác thân. Hội-Thánh tượng hình cho Thánh-thể Đức-Chí-Tôn tại thế nên hai cơ quan ấy tượng trưng cho hai phần vật-chất và tinh-thần của vạn loại. Sự hòa hợp giữa vật chất và tinh-thần là điều tối cần thiết để duy trì sự sống trên mặt địa cầu này.

Sau đây là một đoạn trích trong quyển Pháp-Chánh-Truyền giải thích về điều đó.

“Cơ Tạo-Hóa chỉ có hai bí mật tối trọng, một là quan sát sự hữu hình, hai là xét đoán sự vô vi, quan sát sự hữu hình

thì dễ mà xét đoán sự vô vi rất khó, hữu hình với vô vi chỉ phân nhau với màn bí mật, từ thuở tạo thiên lập địa đầu cho bậc trí thức như sanh đang tấn hóa lên bậc đại giác đi nữa cũng chưa hề có phương thế hé trọn vẹn màn bí mật ấy mà dòm qua phía vô vi cho đặng nhưng như sanh đã có sẵn nơi tay một cái chìa khóa là xem cơ tương đắc của hữu hình và vô vi trong sự sanh hoạt của vạn vật. Vô vi và hữu hình phải hiệp làm một mới thuận theo cơ tạo, Trời đất có âm dương, vạn vật có thể phách, như loại có xác hồn. Sự sống của vạn loại trong Càn-khôn thế-giới chỉ nhờ có vật chất và tinh thần tương hiệp mới thành hình, cả vật chất hồn, thảo mộc hồn, nhưn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn đều khác đẳng cấp nhau, nên hình thể cũng biến sanh ra khác. Vật chất không giống thảo mộc, thảo mộc không giống thú cầm, thú cầm không giống người, người không giống Thần, Thần không giống Thánh, Thánh không giống Tiên, Tiên không giống Phật, Phật không giống Trời, nói tóm tắt một lời hình thể tâm thần đều khác hẳn.

“Vật chất phải tùng linh tinh thần mà lập thành hình tượng. Cái cố hiển nhiên là hình thể nhân loại cũng phải tùng tinh thần mà phân biệt đẳng cấp, kẻ hung bạo thì hình dung cổ quái còn người lương thiện thì tướng hảo quang minh nhờ đó mà cổ nhưn xem tướng đoán tánh người.

“Xác phải phù hợp với hồn cũng như vật chất phải phù hợp với tinh thần. Vật chất vốn hữu hình mà tinh thần lại vô vi, vô vi cùng hữu hình phải tương đắc, thấy hữu hình đoán biết vô vi, biết vô vi mới định quyết hữu hình”

Và trong một dịp khác, Đức-Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc đã thuyết minh trong một bài diễn văn luận về một khía cạnh triết lý của Đạo Cao-Đài hay là sự dung hợp giữa hai chủ thuyết duy tâm và duy vật. Đức Ngài nói:

“Bản Đạo cũng muốn giảng về điều siêu việt về tinh thần đạo-đức hầu tóm cả chơn lý của các tư tưởng đối cùng Đức-Chí-Tôn, nhưng e sợ cao sâu mầu nhiệm nó sẽ quá sức cho sự đoán xét của thánh giả mà biến thành ra tưởng mộng ảo nên quyết lấy cái thuyết hiển nhiên của Đạo đối cùng đời

đương giữa cơn tinh thần phát triển, sâu tằm một mối tư tưởng phù hợp với trình độ trí thức như sanh đương nhiên, hầu giúp hay cho bậc cố tâm tằm Đạo.

“Những cơ quan và những hành vi hiện tượng của các tôn giáo đương nhiên ngày nay như đương biến thành cố vật nên đã mất cái hay để giúp đời tự trị tự giác tâm hồn thiếu an ủi, tư tưởng mất phép chuẩn thẳng, trí thức không phù hợp hành động, biểu sao đời không trở thành một trường não nhiệt rắc rối khó khăn, rồi giục cho cả như sanh dong ruổi trên con đường duy vật mà quên hẳn cái quyền vi chủ của trí thức tinh thần.

“O! Thử nghĩ cái ngày nào trí thức tinh thần đã tiêu tụy thì cái lương tri, lương năng cũng do đấy mà điêu tàn, thì con người đứng giữa cõi trần hoàn này phải trở nên bao nả.

“Chúng ta duy buộc phải trả lời rằng: luật thiên nhiên tự bảo nó sẽ buộc mỗi cá nhân chuyên chú về sự sống. Hại thay! Cái sống ấy do nơi phép duy vật mà lưu tồn, thì con người chỉ sống hèn như con vật mà thôi.

“Bản Đạo chẳng cần luận thuyết chi sự phân biệt xa cách nhau như trời với vực của vật chất với tinh thần thì chư thánh giả cũng đủ hiểu hể vật chất bốn nguyên hữu định thể, còn tinh thần thì tự chủ tự do. Ấy vậy vật chất có giới hạn chớ tinh thần vốn không giới hạn.

“Chúng ta lại thâm hiểu rằng: mỗi điều chi hữu-bốn hữu nguyên hữu định thể, thì cái lớn cái nhỏ của nó, dầu hình dầu bóng cũng phải tùng theo mặt luật pháp định hành tàng. Hể có bốn nguyên ấy có xứ sở cội nguồn, có định thể ấy có khuôn viên sắc tướng, nói tóm tắt hể vật thì có chủ.

“Ấy vậy do quyền có chủ ấy, nó giục thành một trường tranh đấu đua chen mà làm cho mặt thể đã biến thành nơi chốn chiến trường não nhiệt.

“Sống của con vật là phải ăn mà sống, phải mặc mà sống, phải ở mà sống, sống một khuôn luật của sắt đá cỏ cây côn trùng điều thú. Như loại đã nghịch lẫn nhau, tàn hại lẫn nhau, giết bỏ lẫn nhau cũng do bởi chạy theo cái sống của con đường duy vật.

“Trái lại cái sống của tinh thần là cái sống tự chủ tự quyền, thì cái sống ấy không nguồn không cội, không luật, không hình, không bờ, không cội, sống theo gió theo mưa, sống theo Trời theo Đất, sống với Càn-khôn vũ-trụ, sống với Nhật Nguyệt Tinh Quang theo một khuôn luật với cái sống vô ảnh vô hình của các tư tưởng bậc Thánh-hiền từ thượng cổ.

“Cái sống của con vật chỉ có hai bữa ăn mà sống còn cái sống của tinh thần vốn về độ lượng. Cái sống của vật chất ở tại bụng, cái sống của tinh thần ở tại óc, bụng với óc khác nhau thì hai cái sống cũng khác nhau đặc biệt.

“Cái vấn đề tương tranh của hai cái sống ấy, dầu cho trình độ trí thức như sanh đã đặng cao siêu tăng tiến dường nào cũng chưa xử trí và giải quyết thế nào cho đích xác.

“Dường như chúng ta phải biết hẳn rằng: hể bụng no thì óc rỗng, óc cứng thì bụng mềm, cuộc tương tranh này chưa có mặt Ông Tòa nào nghị án nổi.

“Ấy vậy cái thuyết duy vật với tinh thần từ thử chưa có một tôn giáo nào cấm đủ quyền hành dung-hợp.

“Có tôn-giáo thiên về mặt vô-vi phế vong hình thể, tức nhiên là đảng phái của tinh thần, lại cũng có nhiều tôn-giáo khác bị xu hướng hữu hình, còn vô vi thì vong phế là tức nhiên làm môn-đệ của thuyết duy vật đã đành. Hai đảng phái ấy đương đầu, đương tranh đặng bịa vào miệng thế tình những lẽ tà nổi chánh. Cũng vì do thuyết duy-vật tinh thần gây ra lắm điều quyền biến, một đảng là tôi chỉ tùng luật điều khuôn viên duy vật, một đảng thì cậy huyền diệu nhiệm-mầu do tinh thần duy chủ, nhưng như sanh từng giáo hai lý thuyết ấy vốn phải khác xa nhau dường như sao Khuê sao Được.

“Hỏi đã có nảy sanh ra một vị Giáo chủ nào đủ đức tính, đủ quyền năng, đủ phép mầu, đủ trí huệ làm cho hai đảng phái ấy dung hòa mới mong mở đại đồng thế giới hay chăng?

“Nếu chúng ta để cho tịnh tâm tịnh trí đặng tìm chơn lý của hai lẽ ấy cho hẳn hoi thì chúng ta dám cả tiếng phê rằng: sự xung đột của hai tư tưởng ấy thật ra chưa đích đáng, chẳng qua là một trường tranh luận tình cờ của tiền nhân lưu lại.

“Dưới ngọn đuốc văn minh chiếu diệu soi huệ trí sáng ngời giữa thế kỷ hai mươi này, chúng ta đã thấy quả quyết sự tương hiệp thân thiết của cơ quan hình thể với tinh thần thì chúng ta lấy làm ngạc nhiên cho sự quá dị cái nỗi phân chia của thuyết tinh thần đối cùng hình thể. Chúng ta lại còn để tâm nghiên cứu nguyên do của hình vật tương phân bởi đâu mà sản xuất thì chúng ta lại thấy đặng bởi tư tưởng của Nho-giáo và Đạo-giáo mà nảy sanh, chẳng phải do nơi miệng của Đức Khổng-Phu-Tử hay là Đức Lão-Tử mà ra, mà lại do bởi những thuyết của các môn đồ của đôi nhà luận bác.

“Chưa có một quyền hành nào mà chia đặng trí tuệ riêng ra hình vóc của con người, thì chưa có một quyền năng nào cả gan dám phân chia hình vật. Bởi vậy tinh thần và hình thể vốn là hai bộ phận cần yếu trọng hệ của kiếp con người, nếu chiếu theo phép thiên nhiên thì đôi bên cùng một bản, hễ có xác không trí thì diên, mà hễ có trí không xác thì dị.

“Đời là hình duy vật, Đạo là bóng của trí thức tinh thần. Vậy thì phép đời đạo vốn đồng, cơ tạo thế phải có công đời cùng nghiệp đạo.

“Đạo Cao-Đài là một tôn giáo do lương tâm vi bốn lấy cả triết lý của toàn cầu làm căn bốn hầu làm trung gian cho các tư-tưởng hiệp đồng đặng dịu dặt nhưn sanh hồi bốn thiện.

“Ngoài ra pháp luật định quyền luật của thiên lương thì để cho mỗi cá nhân đặng tự do tư tưởng, chẳng cần luận giải chư thánh giả cũng đủ biết rằng cái tư tưởng vốn vô cùng chiếu theo thời thế của đời đặng nâng đỡ trí thức của nhưn sanh tạo thời cải thế, nên hiểu rằng nghĩa lý chữ Đạo là đường duy nhất của tâm lý nhưn sanh, bắt buộc phải nhìn nhận rằng

phải để cho tinh thần đặng tự do tín-ngưỡng, nghịch đạo mới gọi là lý thuyết cao siêu làm cho thái bình tâm lý.

“Thái bình tâm lý đặng, mới làm cho thái bình thiên hạ đặng. Thái bình thiên hạ đặng mới làm cho đại đồng thế giới đặng.

“Giữa buổi hoàn cầu đang xôn xao chen lấn trong bước tiến bộ văn minh loạn hàng thất thứ, tùy theo tài lực của mỗi nước trong vạn quốc, có văn hóa, có dã man, có tài hay, có tục dở, phẩm giá vốn không đồng, nếu lấy giá trị hữu hình của mỗi nước đặng định phân thì ắt khó mong làm cho cả nhơn sanh hiệp chủng.

“Tài lợi không đồng, phương diện không đồng, xã-tắc không đồng tức nhiên buộc chính trị cũng không đồng, cái chính sách hiệp quốc hiệp quần chưa đủ kế hay mà vĩnh cửu, xin nói hẳn rằng nếu đem giá trị hữu-hình của mỗi nước trên cân công bình của vạn quốc toàn cầu đặng định nặng nhẹ thấp cao thì là phép giục thêm hại, so hơn tính thiệt. Tưởng khi dầu cho nhà chính-trị đại tài nào là bôn xu trên con đường vật chất, mong mỗi cho thiên hạ hòa bình thì tỷ chẳng khác nào đem cung trăng thay mặt đất, chẳng qua lập phương lừa dối lẫn nhau, mượn chước khéo đặng tranh quyền giữ thế.

“Ngày nào cả nhơn sanh biết rằng con người chẳng phải sanh ra để vụ tất lấy cái sống theo con vật gọi là hạnh phúc khéo khôn, trái lại phải coi mạng sanh là báu trọng, biết kính nể nhau, biết thương yêu nhau, biết bình vực nhau, biết nuôi sống nhau, lại lấy phận sự cao thượng ấy đặng làm cái Đạo của người thì ngày ấy là ngày của toàn nhơn sanh đều hạnh phúc.

“Tưởng lại tương lai của Đạo Cao-Đài do nơi cái sở hành và cái tư-tưởng cao thượng của nó, ngày nay nó có thể hứa với nhơn sanh rằng chúng ta sẽ hưởng đặng điều hạnh phúc ấy.”

Áp dụng tinh thần triết lý ấy vào việc giải quyết các vấn đề nhân sinh trong hoàn cảnh xã-hội Việt-Nam, người đệ-tử Cao-Đài chủ trương nhập thế trong tinh thần thoát tục. Họ bằng lòng đảm trách hết tất cả mọi công việc từ trong gia

đình đến xã-hội, từ quốc-gia đến quốc-tế, từ đời sống vật chất miếng ăn thức uống manh quần tằm áo đến những pháp thuật huyền-bí và sự tìm tòi những bí mật của Tạo Đoan bằng những cơn thiền định và những chuyến xuất thân viễn-du Thiên cảnh. Tất cả những hoạt động ấy đều nhằm một mục đích nâng đỡ cơ sanh hóa vạn linh và giải quyết cái khó của cuộc đời.

Nhà chính trị, kinh tế gia, các chuyên viên xã-hội, kẻ cầm cương lên ngựa... mỗi hạng người đều có phương thế riêng để giải quyết sự khó của trường đời và họ thường kêu gọi người đệ-tử Cao-Đài đứng về phe của họ mới là đúng. Thực ra bởi triết lý đạo giáo định hướng cho hành động nên người đệ-tử giải quyết các vấn đề liên quan đến chữ khổ trên căn bản dung hợp giữa tinh thần và vật chất, nghĩa là phải làm sao thỏa mãn những đòi hỏi thúc bách của đời sống vật chất mà không rời bỏ giáo điều vốn do tinh thần mà nảy sinh.

Trong đời sống cá nhân, xu hướng cung ứng cho thể xác những khoái cảm triền miên về dục vọng và quên đi đời sống tâm linh cùng những phương pháp huấn luyện để đánh thức linh hồn đang mê ngủ không được chấp nhận.

Trong đời sống quốc tế sự đô hộ về hành chánh hay kinh tế, nắm chặt quyền phân phát áo cơm để buộc xác thân phải tùng phục bạo quyền và giết chết lần hồi đời sống tâm linh bằng cách kềm hãm sự phát triển của nó, cũng không được chấp nhận.

Ngay trong thời kỳ Pháp còn đô hộ Việt-Nam và những người đệ-tử Cao-Đài vẫn nuôi hy vọng quật khởi, hy vọng ấy thành hình sau này khi các lực lượng quốc-gia kháng Pháp nắm được quyền độc lập tạm thời ngày 9-3-1945, trong một đàn cơ Đức-Chí-Tôn chỉ dạy về sự tương ái của hai dân tộc Pháp Việt như sau:

“Thầy muốn sao cả hai được hòa hiệp nhau mãi mãi. Giáo lý của Thầy có mục đích dạy dỗ các con hòa-hợp nhau trong sự sống chung cộng đồng quyền lợi và sinh-hoạt. Vậy các con hãy chung hiệp nhau mãi mãi theo ý muốn của Thầy

và hãy truyền bá khắp hoàn cầu thuyết hòa bình tương thân tương ái.”

Sự hòa hợp giữa tinh thần và vật chất thể hiện rõ rệt nhất trong đường lối Phước-Thiện Cao-Đài. Đó là một tổ chức đời sống tập thể trong cộng đồng kinh tế, có khuynh hướng hạn chế quyền tư hữu cá nhân trên căn bản vì thương yêu mà tự hiến dâng quyền tư hữu của mình để cảm hóa lòng tham của kẻ ác, để gia tăng mức sản xuất hầu có đủ nhu cầu nuôi nấng thi phạm của kẻ ác, của người lành cũng như của chính mình. Người đệ-tử tự mình hiến dâng trọn cuộc sống để làm việc phụng sự vạn linh, cái chức vụ đích thực của họ là một người đầy tớ cho tất cả con cái Chí-Tôn.

Họ sống hợp quần để gây thêm sức mạnh hầu bảo vệ nếp sống đạo-đức để có đủ phương tiện trau luyện đời sống tâm linh cho nên chí thánh mà đoạt phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, tại thế gian này.

Tình yêu thương, sự công bình vẫn là căn bản lý thuyết của đường lối này, ngày giờ nào và bất cứ nơi đâu nếu hai yếu tố đó cùng mất đi thì các nhà xã hội học vẫn có thể thấy một lối sống tương tự như vậy về hình thức, nhưng đó không phải là đường lối Phước-Thiện Cao-Đài.

Ngoài ra một tổ chức khác vừa mới được thành lập cách đây bốn năm nhằm mục đích mở rộng tầm hoạt động của Hội-Thánh sâu vào các tầng lớp quần chúng, trực tiếp liên hệ đến các vấn đề xã-hội, tổ chức này mệnh danh là “Ban-Thế-Đạo” đặt dưới sự hướng dẫn của chi Thế trong Hiệp-Thiên-Đài.

Hoài bão thực hiện sự hòa hợp đạo đời được ghi rõ trong bản qui-điều như sau:

“Ban Thế Đạo là cơ quan thuộc về phần đời bắt nguồn từ cửa Đạo phát xuất làm dây nối cho đạo đời tương đắc, tương liên ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong thời kỳ chuyển thế.

Có bốn phẩm vị dành cho người đệ-tử hành đạo theo lối này là:

-Hiền-Tài.

-Quốc-Sĩ.

-Đại-Phu.

-Phu-Tử.

Hiền tài là một phẩm thấp nhất, những người trong Ban-Thế-Đạo có thể còn đang đảm trách những phần vụ ngoài xã hội và không bắt buộc phải phế đời hành đạo. Phần lớn họ là những nhà trí thức, thương gia, sĩ quan, những nhà chính trị, các danh nhân. Bốn phận của họ là phải tìm đủ phương thế trợ giúp các hoạt động của Hội-Thánh tùy theo khả năng chuyên môn của mỗi người. Họ được phép tham dự tất cả những sinh hoạt nhà nước với tư cách cá nhân hay nhân danh đoàn thể họ tùy trường hợp và tùy sở thích của mỗi người.

CHƯƠNG SÁU

KẾT LUẬN

Tu hành thật sự có giải thoát con người được không? Phần kết luận của quyển sách này sẽ bàn đến. Những con đường vừa trình bày trên đây có đảm bảo một sự thành công chắc chắn cho người đệ-tử không?

Tôn-giáo tự nó chỉ là một môi trường, phương tiện giúp cho con người dễ dàng tháo bỏ những ràng buộc xung quanh mình trong cuộc sống hồng trần hầu đạt đến mức tối cao là sự giải thoát toàn vẹn con người. Không ai có thể ban cho mình sự giải thoát toàn vẹn nếu không có sự cố gắng của chính mình. Đức-Chí-Tôn hay Thượng-Đế chỉ giúp cho con người đạt đến cái đích tối thượng ấy, còn sự thành công hay không tùy ở mỗi cá nhân. Một lời dạy trong giáo lý Cao-Đài đã minh định rõ rằng nếu chúng ta không tu thì chính mình Chí-Tôn cũng không thể bỗng ầm lên đặng. Những lời nói quả quyết về sự thành công khi theo Đạo của nhà truyền giáo khi khuyến dụ kẻ khác nhập môn chỉ có tác dụng tạo cho con người niềm tin vững chắc làm điều kiện cần thiết cho sự thành công mà sự thành công ấy do những cố gắng liên

tục của chính mình cùng với sự trợ giúp từ bên ngoài kể cả quyền lực thiêng liêng.

Con đường của người đệ-tử Cao-Đài cũng như con đường của những môn đồ các tôn giáo khác vẫn phải nằm dưới định luật ấy.

Tôn giáo tự nó không phải là một chướng ngại cho sự tiến bộ của xã hội mà là phương thế giục tấn cho toàn thể vạn linh.

Trong cuộc tranh đấu để sanh tồn trên mặt đất có nhiều yếu tố bị mất đi đồng thời phát sinh những lợi ích. Lẽ vô thường ấy của Tạo-Đoan vẫn chi phối tất cả mọi người dù có tu hay không cũng vậy, nhưng nếu phải lựa chọn giữa cái được và cái mất thì tôn giáo là phương lược lựa một kết quả thích hợp của nhiều lợi và ít hại. Nó được sáng tạo nên bởi những khối óc phi phạm của tiền nhân và bởi huyền-linh của Thượng-Đế để tạo cho xã hội một sự tiến bộ nhanh hơn về thời gian, hạnh phúc hơn về phẩm lượng. Nhưng tiếc thay, vì con người thường hay thích sống cho hiện tại hoặc quá khứ hay tương lai chớ ít khi thích sống trong trường cửu nên chẳng hạn, họ đã bằng lòng:

-Mất hai, được ba để còn một.

Hơn là:

-Mất một được hai để còn một.

Tỷ lệ $2/3$ ($=0,666$) giữa cái mất và được của đời vẫn còn lớn hơn $1/2$ ($=0,500$) của đạo và ngược lại.

Tỷ lệ $3/2$ ($=1,5$) giữa cái được và cái mất của đời vẫn nhỏ hơn $2/1$ ($=2,0$) của đạo.

Thế nên, xã hội vẫn còn đầy dẫy những sự đau khổ, bất công và phi lý. Vậy thì con đường chỉ là con đường mà khách lữ hành mới thật là người đi và sự giải thoát nằm ở cuối con đường ấy và bắt đầu ở từng bước đi./

KIỂM DUYỆT

Ngày 13 tháng 12 năm Kỷ Dậu

(DL. 21 - 01 - 1970)

Trưởng Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách

HIẾN PHÁP HIỆP THIÊN ĐÀI

The Path of CaoDai Disciple

HT Nguyễn Long Thành

(continued from TSTD 17, TSTD 18)

PERFECTION OF THE SPIRITUAL LIFE

Whatever path we follow the spiritual life is always the foundation for all applied actions. Therefore, the Cao-Dai disciple has the duty to perfect his spiritual life everyday to let God's love and equality infiltrate his thoughts, this is expressed by his thoughtful feeling and action. That is a very simple principle but training the disciple's heart to such a degree, in another side, is very difficult, perhaps more difficult than building a nation.

Many ways are available to help the disciple to perfect his spiritual life such as law articles of the Church, prayers in daily services and in the moment of working, they really keep the disciple's thoughts and feelings close to the virtue of God. Law effects by reprimanding, punishing all offenses, that means the disciple may find beside him there exist an observer to look after him permanently. Due to the fear of punishment the disciple tries to control himself and go on the right path. Prayers effect by using mental energy from the disciple himself, from others, from God and Holy Spirits to wake his conscience by repeating divine moving appeals. At first, the conscience listens to the appealing at a definite time in daily services, later it will be urged to hear more and more of God's appealing to a wide extent before acting. No limitation exists in the path – the perfection of the spiritual life – we may retain the title of simple follower through all our life and the evolution is not bound to the titles.

From the Church law the Five Interdictions and the Four Great Rules are applied for all ranks of disciples.

FIVE INTERDICTIONS:

1. No killing of living beings.
2. No coveting, including stealing, robbing, cheating, borrowing without giving
back, storing stolen things, taking lost things for your own use, avaricious thoughts, gaining profit by doing harm to others or playing cards.
3. No bad sexual intercourse, including the intercourse with the husband or wife
of others, whoring, exciting others to come to unlawful sexual intercourse,
sexual thinking on seeing the beauty or flirting words for sexual pleasure.
4. No drinking alcohol – no drinking alcohol and eating the body of an animal
which provokes troubles in the perispirit and makes noise for others, no
greediness, no desire of alcohol and meat.
5. No telling a lie – including insolent words, deceit by word, display of the faults
of others, self bolstering, making true the false, making false the true, mocking,
scorning, speaking ill in the absence of others, making others angry and
quarreling, urging the suing, using impolite words, scolding, deprecating the
religion, forgetting promises.

THE FOUR GREAT RULES:

1. Obey the teaching of the superior, listen to the teaching of the inferior. Live in
harmony with others in ritual essence. Feel sorry and accept your faults.

2. Never be proud of your own talent, never mind your own efforts in helping others to succeed. Help others in perfecting themselves, do not remember your own hate. Do not prevent an honest man from working.

3. Be clear at expenses and income of money, never borrow without giving back.

Be polite to everybody, the superior as well as the inferior in advising and teaching.

4. Treat sincerely in both the presence and absence of others. Never let religious mates go on quarreling without conciliating. Never take common property for your own use, abandon public services for your own services. Do not let your individual opinion make you disobey religious law. Do not use your authority to lower the talent of others.

About prayers, besides the ones glorifying the Supreme Being, Buddha, Saints and Angels read at a definite time in daily services you may find other verses which by reminding the disciple to respect the Divinity always present near him, to control himself, to correct his faults and to widen his love. They are:

- Prayers for repentance,
- Prayers for self correction,
- Prayers for praising the work and virtue of the Holy Spirits.

I pay particular attention to lay prayers which were forgotten by many followers because of the laziness and their daily work. The following are the main ideas derived from the lay prayers.

PRAYERS WHEN GETTING UP:

On awaking, I thank God, My Great Father who did me a favor through the dream. You taught me the lesson of death and living alike, sleeping and awaking.

From this moment of aurora, I will be busy with the life for earning my living.

It is quite a misery, being on this earth, and my life is full of difficulties.

Oh! My Beloved Father, I pray for Your help. Illuminate me by your miracle more and more. Show me the sin and the holiness. Make my conscience clean enough to better this world.

Oh! God, Buddha, Saint, Angel, all superior to me, please help me to follow you, to leave this dark earthen life, to get close to the Divine.

“Nam Mo Cao Dai Tien Ong Dai Bo Tat Ma Ha Tat”.

PRAYERS WHEN GOING OUT:

In the social activities of daily life,

My body, like the bubble floating on the water, must go here and there several times.

Afraid of the denaturation in my heart before the frightening changes of this life, I pray for Cao-Dai's protection in each of my steps going out.

If there happens some killing of living beings by my step on the road, I pray God to forgive my sin, the essence of the killed beings understand my thinking.

Almighty God! Keep me away from thorns on the road,
To go out in safety and come back safe.

May my divine journey from You and back to You the same.

“Nam Mo Cao Dai Tien Ong Dai Bo Tat Ma Ha Tat.”

PRAYERS WHEN COMING HOME:

Thanks for the Superior's help which kept my conscience unchanged to fulfill all my duties from the moment of leaving to coming back.

Now I am being reminded of the departure from Heaven the procession of the Holy Mother by the Hon's dynasty,

Being reminded of Gotama Shidarta on his horse leaving the Royal Palace,

Lao-Tzu secluding off the life and going to the mountain by his buffalo cart,

The presence of God himself by miracle on Oliver Mount

I pray for finding the way to deliver from and by sorrows and miseries.

“Nam Mo Cao Dai Tien Ong Dat Bo Tat Ma Ha Tat”.

PRAYERS BEFORE STUDYING:

I pray God to wake my intelligence to understand easily what is taught by the teacher. Let me live close to the good, far from the bad.

Let me rely on God's Magic Sword of Wisdom to interrupt Karmic fastenings. Help me to follow the Saint's way full of difficulties, train me to obey the saint's rules from early childhood to adulthood.

Make me love my classmates with all kindness through the life and after death.

I pray to follow the three duties to society and the five individual qualifications taught by Confucius.

I pray to glorify all my family relations, dead and alive, to love every person in my social life later.

May be Divine Ego pour down upon me intelligence for understanding letters and rituals.

May God help me to succeed in my studies.

Nam Mo Cao-Dai Tien Ong Dai Bo Tat Ma Ha Tat.

PRAYERS BEFORE EATING:

Like other living creatures, man has to eat and drink to feed the body. Granted rice to keep the body alive, I pray to thank the King “Than Nong” who taught the farming, many thanks for the favor of the goddess “Huyen Thien” who protects my life.

By borrowing this body, I expect to succeed in building an eternal life.

“Nam Mo Cao-Dai Tien Ong Dai Bo Tat Ma Ha Tat”.

PRAYERS AFTER EATING:

I pray to remember the farmer's hard labor forever.

In my daily life each mouthful of rice is a favor which builds my body to produce.

May my body be strong enough to help the society.

I will obey the law of God's Religion and love everybody.

And that is my decision.

Nam Mo Cao-Dai Tien Ong Dat Bo Tat Ma Ha Tat.

PRAYERS BEFORE GOING TO BED:

Through a day living with desires, I know that many misdeeds were done by myself, may God, my beloved father, make me avoid them.

Let my astral body rest in the silence of the dream.

Holy Spirits come and teach me through the dream, show me the way to Paradise, guide this earthly man close to the Divinity.

"Nam Mo Cao-Dai Tien Ong Dai Bo Tat Ma Ha Tat".

Besides, there are prayers for the speaker before giving a speech, prayers for beginning a meeting for all participants, prayers when finishing a meeting and many other types of prayers read at marriage and funerals, prayers to call for divine help when facing sorrows, accidents, disease, etc...

TRAINING THE PHYSICAL BODY:

Besides the perfection of spiritual life by theological methods I notice another method similar to Yoga which is being applied to disciples of the lower rank to train the physical body. However, this method is not popular because it requires a permanent effort of both the mind and the physical body and a minimum spare time to practice. In my opinion, this practice aims to train the physical body of the disciple to get acquainted with mystic energy which will be granted later if the disciple proves himself able to receive it, the training also aims at giving the physical body enough endurance to sustain the orders coming abundantly from the mind when this part of a human being beings to perfect itself after an awakening. The nutrition of the physical body by the vegetarian diet is also one of the ways leading to this purpose. When the second body or the

liaison between the soul and the physical body really tends to God, the disciple will feel a strange urging from his interior which obliges the physical body to do many things, to devote itself to others. If the physical body was not trained gradually before it would disobey the soul's will, it would prevent good thought from becoming good deed. Of course, no one can avoid the interior conflict or some spiritual conflicts of this type in daily life, but if the physical body was trained carefully by religious ways before, the violent intensity of the fighting would be harnessed easily by the soul's will, from tasks of the minor nature in individual life to important decisions solving human problems.

CHAPTER FOUR

SOME IDEAS OF UNIVERSALISM SCHOOL OF FIVE CLASSES

Cao-Daism is a school of five classes, one can choose any of them to follow. The five classes are the five domains of activities in which the objects deal with:

- individual and family life in the society,
- national life in the international community,
- the perfection of human beings,
- man and his activities in the occult world,
- the illumination of all living beings.

Man is not an isolated individual, but an element in the family, the nation, the society, among mankind, among all living creatures in the universe; therefore, the five classes are not separate classes directed by five teachers with their own different methods, who must stand together because of some obligation. The five classes are directed by one teacher, he chooses students having the same tendency and eminence to one of these objects to classify them into one category and let them begin to study in the same class which is the first class of Cao-Daism. When the disciple wants to study in

this school the teacher will guide him through the remaining spheres of the other four classes, at last the disciple will perceive that he is studying in one school without distinction of classes.

Perhaps you have seen that Cao-Daism differs from an association of religious reconciliation. Buddhism is no more a religion with all its special aspects standing by the side of Confucianism or Catholicism in the Cao-Dai house. The lessons taught in the five classes just mentioned lead in the same direction and therefore there is only one school to graduated student though there seem to be five classes to the beginner. Please, do not be concerned that why I began this chapter with the statement that “Cao-Daism is a school of five classes, one can choose any of them to follow”, and now in the conclusion state that there are not five classes. The five classes are one and the one is five, and of course not all Cao-Daist disciples can understand clearly the essence of this doctrine. Usually, in discussions with them you will find the eminence of some objects in their thoughts either because they think it is necessary to argue with you about certain topics or because they themselves consider certain objects the most important of all. Some people pay particular attention to the education of their children in the family and it seems they follow Cao-Daism for that purpose only, others like the arrangement of national affairs, the participation in political activities with the expectation of relying on the influence of the Cao-Dai community to rebuild and improve national policy or at least, they can apply individually the essence of Cao-Dai doctrine in solving governmental affairs consistent with God’s will and human will. They always have to harmonize God’s power with human power in finding a solution for any minor individual job or great problems of national life.

Generally a disciple who had decided to fling himself into this sphere received tragic results for his physical body because of ideological conflicts with earthen governors who have real power and force on the surface of this earth and who tend to the material. It is rather easy to understand because through the last centuries, almost all governors were not new “Gotama Shidarta” who left the royal palace pursuing the truth to come back to his throne later and

ruled their people with the thinking and seeing of an illuminated man. From the social point of view, ambitious men often consider Cao-Daism as a fighting instrument to be destroyed or to rely on during a certain period, however, this is a question best left to the political scientist.

There are also disciples always pursuing the Cao-Dao doctrine for methods of training the man to be better. To them Paradise and Hell seem to be too far, man is more important and to perfect him is enough.

Again, other disciples pay attention particularly to their interior life, they seem to neglect the outer world. They can be incomprehensible elements to the sociologist or politician, but a theologian needs their presence in maintaining life on the surface of the earth, as necessary as the hand and brain producing food to feed the physical body.

At last, you may also find illuminated disciples – through in a small number – whose activities extend to all domains from individual, family life to society, national, international life to supernatural worlds, from life inside the earth, the mineral to plants and trees, animals, mankind to different ranks of spirits, devil, angels, holy spirits... everywhere they exist. Their actions, their thoughts, their words, the peace radiated from them all effect the revolution, that means the maintenance and development of all living creatures.

The five categories of disciples above all go on the unique path under the guidance of past and present religious creators. Now God appears, He excludes differences and keeps the essence of all doctrines from all over the world to teach His followers with some revelations about God's Secret Plan which man, on the course of evolution, has arrived at a level able to accept and understand. The wall of distinction erected by people who follow religious founders is now being erased by God in the system of thought of Cao-Daist disciples.

“Formally”, said God in a divine message, “the people of the world did not know each other and lacked means of transportation and communication, I then founded at different epochs five branches of the Great Way (Dai Dao).

“Nhơn đạo”: The way of Confucius, Plato, Socrates...

“Thần đạo”: Chinese mythology, Egyptian mythology, Greek mythology, ...

“Thánh đạo”: Christianity.

“Tiên đạo”: Taoism.

“Phật đạo”: Buddhism.

“Each based on the particular customs and traditions of the races who practiced them.

“Nowadays, all parts of the world are explored, humanity knowing itself better aspires to real peace. But because of the very multiplicity of these religions men do not always live in harmony. That is why I decided to unite all in one to bring them back to primitive unity. What is more the Holy Doctrines of these religions have been through the centuries denatured by the very persons charged with spreading them to such a point that I now have taken the firm resolution to come to you myself to show the true way”.

We know that many people from all over the world are trying to reconcile human thoughts, they are messengers informing of God's appearance in this Third Revelation. God's presence is the essential element that decides the success of Cao-Daism. Formally He directed a school of five classes, each of them was suitable for a certain region on the earth, now He is still doing the same things, He brings all people from all regions to put them close together into one school, He erases walls of separation between classrooms. He teaches all His disciples lessons suitable for each category, meaning the application of the truth for different domains. In such a vista He is no more my Master, or your Master but He is the Master of all.

Mankind will know that they formally studied with God through the image of His messengers and now He himself comes to so confirm. This is the essential difference between Cao-Daism – a religion created by God himself – and an association of religious groups working toward ecumenicity having the same purpose and which was formed by human efforts.

NATURAL ORDER IN HUMAN SOCIETY:

On the surface of this earth nothing is absolute. Everything was already planned by an everlasting natural order which is called PHAP. A child is born, it grows up, becomes old and dies. No miracle can make a baby instantly become an old man by a blow and keep it alive forever, make it never die. Again, no power can make a baby – be able to think as wisely as an old man of eighty years. It needs the time to learn the experiences of wisdom from this society and that is an order of nature.

So is human society. God delivers each individual a soul or small illumination and gives the whole of mankind a great soul. Each small illumination needs the time to be brilliant, therefore the great soul of mankind also needs the time to become matured. That order, whether it has been accepted or not does exist forever, it participates silently in directing all earthen activities. An insolent child of the family was supposed to say that he had no father, he was naturally born, that he was the chief of the family, whether he accepts the fact of having a father or not he does not have a father who must take care of him because he is his father. That is an order of nature.

God created mankind but there have always been and still are people who refuse to accept Him. Nevertheless He continues to grant the spiritual life and temporal life to everyone according to the law of equality because He is the Father, He acts like this. Although the spirit of mankind often is haughty and claims to be the chief of the universe, there must be a primitive source for its wisdom.

Fortunately, not everybody was so arrogant. If it was said that the wisdom that man possesses today was passed down as a cumulative result from many previous generations, that was the order of procedure, the way to act on the phenomena and not the creative source. If it was said the essence comes from the material, the formation of atoms in material must also follow a certain order to exist, what power is so wise as to create the order in the moving of electrons in the formation of material? It is said that human society was always in progress and naturally man of primitive stages was not so wise as they are now, how can we understand that native

tribesmen in North Russia or Red Indians in South America or prehistoric men anywhere in the world were really creators of the order in the moving of planets, of electrons, in fixing the positions of stars in the universe. Was it possible that such stupid minds of prehistoric men were the real authors of mystical creations which have not been understood completely by the wise minds of today's man?

Whether man accepts it or not, in the universe there must be a source for wisdom and that Great Wisdom knows itself how to create the order for the acts of everything, in which man was found as a particle. Although man, or more accurately beloved sons of God, tried to turn away from Him, to close the eyes for not seeing Him, to block the ears for not hearing about His source, although he looked for all ways to prevent his mind from thinking of the order already planned in the universe, although whatever he did, man did take the source from God by that order. Suppose a child said that he had no father, no mother, he was born out from a crack in the earth that he did not like to her any word about his parents, people also know that he must have a father and a mother. Whether man accepts it or not the source of the order already planned in the nature, the life and death do come to him by that law.

The Cao-Daist disciple calls the source of that natural order God and the understanding about Him must follow an order to be clearer through the course of time. That is the reason why there were necessary differences in the teaching – or more accurately, in the ways of expressing religious thoughts of the former founders – to a certain number of followers, in certain social circumstances, in a certain period of time there must be teaching adapted to them. The founders of religions were the same in their heart, but the followers were different in level of evolution, such an order needed differences in teachings. The sons of God who do not like to accept Him based on those differences to reject religious doctrines and the Cao-Daist disciple knows that human evolution must pass such epochs.

CHAPTER FIVE

HARMONY BETWEEN THE LAITY AND THE TAO

We have been said that Cao-Dai Church has two visible boards in its organization: the “Hiep Thien Dai” or Legislative Board and the “Cuu Trung Dai” or Executive Board. The “Hiep Thien Dai” is the soul of the Church, the “Cuu Trung Dai” is the temporal body of the Church. The disciple considers the Church as the symbol of God’s image on earth, therefore the two boards symbolize the essence and the substance is vital for maintaining life on the surface of the earth. The following translation from the “Phap Chanh Truyen” explains the necessity for such harmony:

“The Divine Mechanism of Creation and Evolution involves two secrets: the form and the non. Observing the form is easy but studying the non is extremely difficult. A veil of secrecy separates the visible and the non. From the first day of the creation of the universe to now even the most illuminated people haven’t been able to pull aside the secret veil to look into the non for a complete observation, but fortunately, man has been granted a key which is the observation of the rapport between the form and the non in the activities of all things. The non and the form must be in accord to be suited to the Divine Mechanism of Creation and Evolution. In the universe there is the Yin and Yang (the positive and negative), in material there exist the shape and the essence animals have the astral and physical body, man has his spirit and temporal body, the formation of everything in the universe occurs by the accord between the substance and the essence. Due to the differences in the level of

evolution among the essence or the soul of minerals, vegetables, animals, mankind, among the spirits of Angels, Saints, Buddha, God... each category takes a different form. Mineral is not like the vegetable, vegetable not like animal, animal not like man, man not like angel, angel not like saint, saint not like Buddha, Buddha not like God, the form and the spirit all are different.

“Material must obey the essence to form the shape. The proof exist in the variety of the conformity between the spirit and form in the human physical body, the wicked has some strange shape in his body, the good has some brilliance in his appearance, our ancestors observe the appearance to foretell our behavior. The physical body must agree with the spirit as the material agrees with the essence, the material is visible, the essence is invisible, the non and the form must be in accord, as a consequence we know the non by observing the form, we confirm the non by the form”.

On another occasion His Holiness Ho-Phap Pham Cong Tac gave a speech discussing one philosophical aspect of Cao-Daism, the reconciliation between spiritualism and materialism. He said:

“I also wanted to discuss the supernatural value of religion to reconcile all facts of the truth found in different doctrines, but being afraid that involving mystical supernaturalness could be beyond the listener’s judgment and as a consequence will become of no value, I then decided to take into consideration the reality of religious life in society to develop an ideology consistent with the present level of intellectual development of mankind in order to give some help to the seeker of the truth.

“The organs and activities of religions today seem to be too old to awake the society which offers no encouragement to the human spirit, no rules for human thought nor accord for thought and action, how can the society fail to become so tumultuous, how can it avoid being urged to follow the way to materialism with a complete disregard for the spirit’s ownership?

“How will man act in this earthen life when the mind has become so weak, the conscience so run down!

“We have to answer that natural law obliges each individual to pay attention particularly to his way of living. How important it is! It life exists only by material law man will live as low as the animals. It’s not necessary to argue about the great distinction between the spirit and material, the listener knows that material has its shape and so it is tired up, while the spirit is quite free, material has limitations but the spirit does not. We also understand that everything, whether small or big, must obey the Law to take its procedure of phenomena, saying that material has its origin there must be the possessor of that origin, saying that is has its shape, there must be the frame, in other words, material has its owner.

“Because of the right of ownership the society is being urged to struggle so tumultuously and violently that the surface of this earth has been transformed into a battlefield.

“The life of an animal is expressed in living to eat, living to adobe, that is the law of living for mineral, for grass and vegetable, for plant and tree, for insect, bird, fish, for animals. Humanity has hated each other, done harm to each other, killed each other because of the pursuit of materialistic life. Contrarily, the spiritual life is originally self controlled, boundless, everlasting with time and space, that is the law of our late saints and sages. The life of an animal has the same meaning as two meals a day while the spiritual life is immeasurable. The animal type of living was founded at the stomach, the spiritual life at the mind, stomach and mind differ, the two ways of living differ. Although man has progressed to such as presently high level of intellectual development he hasn’t found any really satisfactory solution for this conflict between the two ways of living. It seems to us that the mind works harder when the stomach is empty and it becomes lazy when the stomach is full.

“Similarly, so far there haven’t been any religions which have had sufficient effective power to reconcile the material with the spiritual. Some religions tend to the non and neglect the form, they are parties of spiritualism, some tend to the visible neglecting the non, they become disciples of materialism. The two party types are trying to pour into the ears of others what is called right and wrong, coming from the variety of materialism and spiritualism. One

side says that I only obey the material law, the others say that I rely on the miracle which come from the spirit, while the followers of the two ideologies are separated more and more distinctly. We may ask if there have been so far any religious founders who have had sufficient spiritual power, virtue and wisdom, to reconcile the two parties in order to make this society universal. If we try to think in the extreme silence of our mind we will see and dare confirm that such a dilemma is not a real conflict but it is an accidental argument of the predecessors.

“In the intellectual brilliance of the 20th century we perceive clearly the close rapport between the two organs, spirit and material, it seems to be strange to us this division between two spheres, the spirit in confrontation with the material, the non with the form. And if we go on questioning the reason why the distinction appeared, we will see that it was born from the thoughts in Confucianism and Taoism, and it was not really from the very mouths of Confucius or Lao-Tzu but it came from the doctrines of the two great philosophers’ followers. No power can take the intellect away from the human body to exist independent of it, no power dares to separate the non and the form. Spiritual and temporal bodies are two essential organs for human life, according to natural law they both have equivalent value, the body which loses the spirit will be crazy, the spirit which loses the body will be strange.

“Laity is the image of material, religion is the image of the Tao. Laity and religion are equivalent, the mechanism of creating this life requires the service of both laity and religion.

“Cao-Daism is a religion which takes conscience as foundation, it involves all doctrines in the world and serves as a mediatory place for the union of ideologies which is necessary for guiding man to perfection.

“Moreover, the natural law gave conscience the right of freedom of thought and you know that the thought always modifies with the variety of society to support the human mind in bettering life. If we agree that the Tao means the only way for human psychology we must accept that the spirit must be quite free in faith so long as religious activities support the laity and laity does not

contradict religion, such is a sublime doctrine, able to bring peace to human psychology, peace in psychology will bring peace to society, peace in society will bring universality to every people.

“During the period when different nations in the world are unequal in progress, the civilized was found among the barbarous, good customs and traditions among bad ones, if we only take the value of what belongs to the visible of each nation as criteria for comparison it is not easy to unite races. Inequality of national property, differences between national situation require political variety, the attempt to realize a universal world by uniting nation with nation based on such a comparison does not guarantee success. We can say that bringing the value of what belongs to the visible of each country to the international balance in order to judge a country as high or low only causes more harm to society. I think that those who are pursuing materialism with the great hope of bringing to mankind the real peace are doing the same thing as trying to remove the moon to the earth in the universe, it is merely a way to deceive others, a malice to hold the authority.

“Only when mankind knows that humanity was not born to follow an animal type of living as happiness and realizes that he must respect the life of every living creature, love each other, help other, support each other, feed each other and considers these duties as a way of living will he attain the real happiness.

“Cao-Daism by its noble action and sublime ideology can promise that mankind will have such happiness”.

Applying that philosophy for solving human problems in the social circumstances of Viet-Nam the Cao-Daist disciple commits himself to an engagement to all activities in the family as in society, from material life such as food and clothes to the performance of sacraments and even discovering the secrets of nature by meditation and ecstasy to other planes for studying. All these activities concentrate on one purpose which is to support the mechanism of evolution of all created beings as a means to find a solution for the sorrow of life.

A politician, an economist, a sociologist, a soldier... each has his own way of solving the sorrow of life and they usually appeal

to the Cao-Daist disciple to join their group to act and think as they do. In reality, because the action was oriented by the influence of religious philosophy, the disciple's solution for human sorrow is based on the harmony between material and spirit or in other words, they must at the same time satisfy the desires and requirements of temporal life without neglecting the doctrine which was produced originally by the spirit.

In individual life the tendency to offer the physical body permanent satisfaction of sensual desire and to neglect the spiritual life and the methods of training designed to wake up the sleeping soul in the body is not acceptable.

In family life the spiritual bankruptcy of ruining the Mencious Confucian doctrine, regardless of any splendid words of rationalization is not acceptable.

In national life a permanent hate, the killing of each other to maintain a ruling power plus a contempt of individual life which originally takes its source from God equally, and which has the divine right to exist is not acceptable.

In international life any administrative or economic domination expressed by seizing the distribution of food and the clothes with the purpose of obliging the acceptance of domination by the power is not acceptable, it is also not acceptable to gradually kill the spiritual life by preventing its development.

During the period when the French still dominated Vietnam and the Cao-Daist disciple had the intention of standing up – an intention which succeeded when the nationalist groups seized temporary independence on March 9th, 1945, God taught as follows about the mutual love between the two peoples in a communication by “co but”:

“I would like to be united forever. The new doctrine that I teach aims at bringing you to one community of interest and living.

“Be united forever by my will and propagate the peace and mutual love to the whole world”.

The harmony between the spiritual and material is expressed most clearly in the Cao-Dai charitable policy. That is a special organization for economic life in the community tending to restrict

the individual's possessions on the principle that by love the disciple agrees to offer his possessions to the community to convert the covetousness of the wicked and thus help himself by increasing production, by having sufficient necessities to feed the physical body of all members of the community. The disciple devotes himself to serve all living creatures, the real title reserved for him is a servant for all sons of God.

They live in a community to build strength for the protection of their religious life, to have favorable conditions and sufficient means for the success of the spiritual perfections.

The love and equality are ideological principles of this policy, whenever and wherever these two elements are found to be lacking sociologist might see a formally similar way of living but, it is not the Cao-Daist charitable policy.

A new organ was created four years ago, it aims at widening the activities of the Church into the social classes in direct connection with social affairs. This organ is named the "Ban The Dao" (Lay Committee), it is under the guidance of the "The" Branch (Temporal life) in the Legislative Board.

The expectation of realizing the harmony between the Tao and the laity was clearly expressed in a charter as follows:

"The "Ban The Dao" is an organ for social affairs, having its source in the Church, which has duty of establishing liaison for an accord between the Church and society in order to build a peaceful life for humanity in this period which is nearing the end of evolutionary cycle".

The four titles reserved for the disciple serving in this way are:

"Hien Tai", "Quoc Si", "Dai Phu", and "Phu Tu".

"Hien Tai" is the lowest rank of all. Dignitaries of the "Ban The Dao" are not required to leave their actual secular posts for a complete devotion to religious activities. Most members are intellectuals, businessmen, officers, politicians and famous personages. They have the duty to find efficient ways to support the Church activities within their own capacity. They are permitted to participate in all national activities in their own name or in the

name of the Committee depending on each case and on personal preference.

CHAPTER SIX

CONCLUSION

Is there a complete deliverance for religious man? This handbook will be concluded with such a topic. Does it guarantee a perfect success for the disciple going on the path that has been just presented?

Religion itself is surely a place, a mean, to help man to remove the restrictions of the earthen life in order to reach the goal which is complete deliverance for a human being. Nobody can grant us complete deliverance if we lack the effort from within ourselves. The Supreme Being or God only gives us the help to attain the goal but, the success or failure in proceeding to it depends on each individual. One teaching in Cao-Dai doctrine holds that if we do not make an effort to perfect ourselves God alone cannot bring us to Heaven. Decisive words from a preacher about guaranteed success when converting others to the religion result only in building a stable faith which is necessary condition for success and the success itself must result from successive efforts of our own with the help from external sources including mystical powers.

The path of the Cao-Daist disciple or that of other religious believers must be directed under that law.

Religion itself is not a block to the progress of society but it is a way to accelerate the evolution of all living creatures. In the struggle for survival on the surface of the earth, many elements were lost at the same time as advantages appeared. The ever changing nature of the Creator always acts on everyone regardless of whether he becomes a religious man or not but, if a choice between the

regression and progression is given, then religion is a choice for a cumulative and progressive result, for more gains and less lose. It was created by supernatural minds of our predecessors and by the miracles of God to offer this society more rapid progress than it has had, and with more happiness in quantity and quality than the human race has ever really had. But unfortunately because man prefers to live for the present or past or future than for the eternity he often, for examples, agrees to two lost and three gained to get a net of one gained rather than, one lost and two gained to get a net of one gained. The lost to gained ratio of 2:3 (.667) is greater than the 1:2 ratio (.500) which results from following the religious way. Conversely, the gained to lost ratio of 3:2 (1.5) is less than the 2:1 (2.00) ratio of the religious path.

Consequently at the society is still overwhelmed with woe, inequality and absurdity. Thus the path is merely a path, and the passenger is a real traveler. The deliverance begins at each step on the path, the complete goal lies at the end of the path.

The End

Các tác phẩm của Hiền Tài Nguyễn long Thành :

- * Bí Pháp : Các bài giảng Đạo.
- * Con đường của người đệ tử Cao-Đài.
- * Danh hiệu và tiêu-chuẩn Lập Pháp.
- * Đời người.
- * Đời sống của người tín-đồ Cao-Đài.
- * Một số bài viết ngắn.

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Thân mẫu của Hiền Tỷ Lễ Sanh Hương Muội, Thánh Thất và
Điện Thờ Phật Mẫu Mountain View, Texas là:

Giáo Thiện

PHẠM THỊ GỌN

Đã qui vị vào ngày 18-07-2003 (nhằm ngày 19-06 năm Quý Mùi)
tại Toà-Thánh Tây-Ninh, Việt-Nam

Hưởng thọ 93 tuổi

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Hiền Tỷ Lễ Sanh Hương
Muội và tang quyến.

Thành tâm nguyện cầu Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng
Thiên Liêng độ rỗi linh hồn cố Giáo Thiện Phạm Thị Gọn được
cao thăng Thiên vị.

Thành kính phân ưu.

HT Đại Diện Ban Thế-Đạo Hải Ngoại tại Texas và

- | | |
|------------------------|---------------------------|
| -HT Nguyễn Văn Diệu | HT Trịnh Quốc Thế |
| -HT Nguyễn Ngọc Nương | HT Nguyễn Hoàng Chung |
| -HT Lâm San Hà | HT Ngô Văn Vội. |
| -HT Đoàn Thanh Vân | HT Nguyễn Văn Điện. |
| -HT Lê Thành Hưng. | HT Châu Văn Hai |
| -HT Phan Văn Rắc (LA) | HT Võ Ngọc Sương. |
| -HT Lê Thị Huệ Hường. | HT Nguyễn Thừa Long (LA) |
| -HT Đặng Quang Tâm | HT Lê Ngọc Biết |
| -HTDP Trần Văn Điều | HTDP Trần Công Bé |
| -HTDP Võ Ngọc Diệp | HTDP Lý Trường Thọ |
| -HTDP Trần Ngọc Trang | HTDP Nguyễn Sơn |

Niên Trưởng Văn Thành Cao

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại và Tập-San Thế-Đạo

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Thân mẫu của Hiền Tỷ CTS Thái Kim Ngọc và là Nhạc Mẫu của Hiền Huynh PTS Đặng Minh Dương là:

Cụ Bà

NGUYỄN THỊ TRƯỞNG

Đã qui vị vào lúc 01 giờ ngày 05-07-2003 (nhằm ngày 06-06 năm Quý Mùi) tại Ba Tri (Bến Tre), Việt Nam.

Hưởng thọ 92 tuổi

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng HTỷ Thái Kim Ngọc và Hiền Huynh Đặng Minh Dương cùng tang quyến.

Thành tâm nguyện cầu Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi linh hồn Cụ Bà Nguyễn Thị Trương được siêu thăng tịnh độ, an nhàn nơi miền Cực Lạc.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại Châu Đạo California.
& Tập-San Thế-Đạo Tộc Đạo- BTS và đồng đạo các
Ban TD Nam California Thánh Thất- ĐTPM Orange-
TâyNinh ĐồngHươngHội Santa Clara- San Jose - San
Đại-Đạo ThanhNiên Hội Diego-Little Saigon-Anaheim-
Westminster.

Hội Ái Hữu

Cựu Học Sinh Đạo-Đức Học Đường và Lê Văn Trung

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Trưởng Nữ của Hiền Huynh CTS Ngô Thành Tâm là
Cô

NGÔ BẠCH TUYẾT

Đã qui vị vào lúc 0 giờ 30 ngày Thứ Bảy 05-07 -2003 (nhằm ngày 06-06 năm Quý Mùi) tại Saigon, Việt Nam.

Hưởng dương 55 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Hiền Huynh Ngô Thành Tâm và tang quyến.

Thành tâm nguyện cầu Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi linh hồn Cô Ngô Bạch Tuyết được siêu thăng tịnh độ, an nhàn nơi miền Cực Lạc.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại	Châu Đạo California.
& Tập-San Thế-Đạo	Tộc Đạo- BTS và đồng đạo các
Ban ĐĐ Nam California	Thánh Thất- ĐTPM Orange-
TâyNinh ĐồngHươngHội	Santa Clara- San Jose - San
Đại-Đạo ThanhNiên Hội	Diego-Little Saigon-Anaheim-
	Westminster.

Hội Ái Hữu

Cựu Học Sinh Đạo-Đức Học Đường và Lê Văn Trung

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Nhạc phụ HH Hiền Tài Lê Thanh Liêm và là Thân phụ của Hiền Tỷ CTS Trần Kim Phụng là:

Cựu Chánh Trị-Sự

TRẦN VĂN QUẢN

Đã qui vị ngày 13-05--2003 (nhằm ngày 13 tháng 04 năm Quý Mùi) tại ViệtNam.

Hưởng thọ 92 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Hiền Tài Lê Thanh Liêm, Hiền Tỷ CTS Trần Kim Phụng và tang quyến,

Xin thành tâm cầu nguyện Đức Chí-Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố Chánh Trị-Sự Trần Văn Quản sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Tộc Đạo và
Bàn Trị-Sự News Orleans, Louisiana

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và
Tập-San Thế-Đạo

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Ái nữ của Hiền Huynh Hiền Tỷ Nguyễn Văn Hải, Thư-Ký
Châu Đạo California, Thư-Ký kiêm Thủ Quỹ Tây-Ninh
Đồng Hương Hội USA, là:
Đạo hữu

NGUYỄN THỊ HÒA

Thành viên Đại-Đạo Thanh-Niên Hội California.

Đã qui vị vào lúc 8.45 PM ngày 06-05-2003 (nhằm ngày
06-04 năm Quý Mùi) tại Bệnh Viện Saint Joseph, Orange
County, California.

Hưởng dương 36 tuổi.

Chúng tôi thành tâm chia buồn cùng HH HTỷ Nguyễn
Văn Hải và tang quyến.

Cầu xin Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng
Liêng ban hồng ân cho hương linh cố đạo hữu Nguyễn Thị
Hòa được sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại **Châu Đạo California.**
Ban Thế-Đạo Nam CA **Tộc Đạo & ĐTPM Orange.**
Ban Thế Đạo Bắc CA **Tộc Đạo San Diego.**
Tập-San Thế-Đạo **Tộc-Đạo Santa Clara &**
 ĐTPM San Jose
 ĐDTNH California

Tây-Ninh Đồng Hương Hội
Hội Cựu Sinh Đạo-Đức Học Đường & Lê Văn Trung

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Hiền Huynh

TRẦN HỮU KHOẺ

Cựu Sĩ-Quan Quân-Đội Cao-Đài
Cựu Trung-Tá Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hoà.

Đã qui vị vào ngày 26-04-2003 (nhằm ngày 25-03 năm Quý Mùi) tại Bệnh Viện Loma Linda, Riverside, California.

Hưởng thọ 80 tuổi.

Chúng tôi thành tâm chia buồn cùng tang quyến.
Nguyện cầu Đức Chí-Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng
Thiên Linh ban hồng ân cho hương linh hiền huynh Trần
Hữu Khoẻ được nhẹ nhàng siêu thoát sớm trở về nơi cõi
Thiên Linh Hằng Sống.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

& Tập-San Thế-Đạo

ĐBTTNH California

Tây-Ninh Đồng Hương Hội

Châu Đạo California.

Tộc Đạo & ĐTPM Orange.

Tộc Đạo San Diego.

Tộc-Đạo Santa Clara &

ĐTPM San Jose

Hội Cựu Chiến Sĩ Cao-Đài

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động và thương tiếc khi được tin:

-Thân mẫu của Hiền Huynh Võ Ngọc Dũng , ngụ tại 4322 Central Dr, Stone Mountain, Georgia là:

Giáo Thiện

NGUYỄN THỊ LIÊM

Đã qui vị vào ngày 16-04-2003 (nhằm ngày 15-03 năm Quý Mùi)
tại xã Long-Thành Trung, Huyện Hòa Thành, tỉnh Tây-Ninh.

Hưởng thọ 87 tuổi.

-Hiên phu của Hiền Tỷ Nguyễn Thị Nho, ngụ tại Laurel Cir, Morrow, GA là:

LÊ VĂN CÁC

Cựu Trung Tá Không quân QLVNCH

Qui vị ngày 21-06-2003 (nhằm ngày 22-05 năm Quý Mùi) tại
Bệnh Viện Henry, bang Georgia.

Hưởng thọ 74 tuổi

Chúng tôi chức việc Bàn Trị-Sự và đồng đạo tiểu bang Georgia xin thành kính phân ưu cùng gia-đình Hiền Huynh Võ Ngọc Dũng và tang quyến, gia-đình Hiền Tỷ Nguyễn Thị Nho và tang quyến. Xin thành tâm cầu nguyện hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho hương linh Giáo Thiện Nguyễn Thị Liêm được cao thăng Thiên Vị , và Hiền Huynh Lê Văn Các được siêu thăng tịnh độ.

Thành kính phân ưu.

Atlanta, ngày 21-04-2003

TM. Bàn Trị-Sự và đồng đạo GA

Chánh Trị-Sự

Nguyễn Văn Hưởng

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Phu quân của Hiền Tỷ Nguyễn Thị Nhạn là:

Hiền Huỳnh

LÊ HỒNG ĐÔ

Đã qui vị vào lúc 14.55 giờ ngày 11-04-2003 (nhằm ngày 10-03 năm Quý Mùi) tại tư gia thuộc Hương Đạo Springvale, bang Victoria, Úc Châu.

Hưởng thọ 66 tuổi

Chúng tôi chức việc Bàn Trị-Sự và đồng đạo thuộc Tộc-Đạo Melbourne, Australia, xin thành kính phân ưu cùng gia-đình Hiền Tỷ Nguyễn Thị Nhạn và tang quyến.

Xin thành tâm cầu nguyện hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho hương linh Hiền Huỳnh Lê Hồng Đô được sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

TM. Bàn Trị-Sự và đồng đạo hương đạo Springvale
PTS Nguyễn Văn Kiểm.

ĐẠO CAO ĐÀI

MỘT CON ĐƯỜNG HÒA HIỆP

HT. BS. Bùi Đắc Hùng

Chúng sanh có khuynh hướng say mê vật chất và sanh nghịch lẫn nhau để tranh giành quyền lợi, bạc tiền, danh vọng vật chất và cũng vì sự khác biệt Tôn Giáo, phong tục . . đã gây ra chia rẽ vợ chồng, anh em, bè bạn.

Vì vậy Đức Chí Tôn mới dùng huyền cơ diệu bút mở ra một nền Đạo mới tại Việt nam vào năm 1926 với nguyên lý: Vạn Giáo Nhất Lý, hay là mọi Tôn Giáo đều là Một, cùng một nguồn gốc Đấng Thượng Đế, cùng một Nguyên lý, và là những hình thể “Hữu hình” của cùng một Chân lý.

Cao Đài nghĩa là cái Đài cao, nơi Thượng Đế ngự. Chữ Cao Đài được dùng để làm danh xưng của Đức Chí Tôn “ Đức Cao Đài” và cũng là danh xưng của mỗi Đạo mới “Đạo Cao Đài”.

Danh xưng chánh thức của Đạo Cao Đài là “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.

- Đại Đạo là một mối Đạo lớn, bao gồm tất cả mọi Tôn Giáo. Chữ Đạo có hai nghĩa: Một nghĩa chánh là mối Đạo Vô vi; là con đường dẫn Chúng sanh đến sự hiệp nhất cùng Đức Chí Tôn. Nghĩa thứ hai là Tôn Giáo, là hình thể, cấu trúc hữu hình của mối Đạo Vô vi.

-Tam Kỳ là lần thứ ba. Nói như vậy là phải có Kỳ thứ nhất và Kỳ thứ nhì.

Thật vậy, nền Đại Đạo được hoàng khai lần thứ nhất qua các Sứ giả sau đây:

Niên Đấng Cổ Phật khai Ấn Độ Giáo (một hình thức Đạo Phật), Thái Thượng Đạo Quân khai Đạo Tiên, Vua Phục Hy khai Nhân Đạo, Moses khai Thánh Đạo (Dưới hình thức Do Thái Giáo).

Và lần thứ nhì nền Đại Đạo được hoàng khai qua các Sứ giả tiếp nối:

Đức Thích Ca Mâu Ni trùng tu Phật Đạo, Đức Lão Tử trùng tu Đạo Tiên dưới hình thức Lão Giáo, Đức GiêSu, Mohamed trùng tu Đạo Thánh dưới hình thức Đạo Thiên Chúa và Đạo Hồi. Đức Khổng Tử trùng tu Nhơn Đạo dưới hình thức Đạo Nho.

Và lần thứ ba, chính Đức Chí Tôn dùng huyền cơ diệu bút đích thân mở Đạo Cao Đài để đem tất cả mỗi Đạo Đông Tây trở về sự hòa hiệp với nhau, hay là quy Tam Giáo Hiệp Ngũ Chi.

-Phổ Độ là cứu vớt tất cả mọi sanh linh, không phân biệt. Đạo Cao Đài được chính thức khai mở (Đăng ký) vào năm 1926. Khi mở Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn có dạy rằng: “Trước khi Thầy mở Đạo, Thầy đã cho Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đến khắp nơi trên Thế giới để phát huy đường lối Đại Đồng.”

Thật vậy, trước đó vào năm 1862, Đạo Bahai được mở tại Ba Tư, năm 1875, Đạo Thông Thiên học được Helena Blavatski mở tại Newyork, năm 1893, Đại Hội Tôn Giáo toàn cầu được mở tại Chicago, năm 1900, Đại Hội Quốc tế về Lịch sử Tôn Giáo được tổ chức tại Paris, năm 1939 Radhakhrisan bắt đầu giảng dạy khoa Tôn Giáo đối chiếu tại Đại Học Oxford.

Tại sao Đạo Cao Đài ? Thêm một Tôn giáo nữa? Nhân loại hiện không có đủ Tôn giáo sao?

Thật ra thì nhân loại đang có quá nhiều Tôn giáo riêng rẽ nhiều đến nỗi những Tôn giáo ấy cạnh tranh kỳ thị, hiềm khích lẫn nhau đến nỗi gây nên thù hận, chiến tranh giữa

người và người. Chính vì vậy mà Đức Chí Tôn đã phải đến để đem nhiều nền Tôn Giáo trở về hòa hiệp với nhau.

Đức Cao Đài dạy rằng:

“Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là:

Nhơn Đạo

Thần Đạo

Thánh Đạo

Tiên Đạo

Phật Đạo.

Tùy theo phong hóa của Nhân loại mà gây Chánh Giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì Nhơn loại duy có hành Đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định Quy Nguyên Phục Nhứt.”

Lịch sử Đạo Cao Đài

Năm 1920, Đức Chí Tôn dùng huyền cơ diệu bút độ Ngài Ngô văn Chiêu, lúc Ngài làm quan Phủ đảo Phú Quốc. Lúc đầu không ai hiểu ý nghĩa hai chữ Cao Đài là gì. Đức Chí Tôn mới giải thích Cao Đài là cái Đài cao, nơi Đức Chí Tôn ngự và dùng hai chữ Cao Đài để tượng trưng Đức Chí Tôn. Và sau này hai chữ Cao Đài dùng làm tên của nền Tôn Giáo mới.

Đức Cao Đài dạy Đức Ngô văn Chiêu rằng “ Mọi Tôn giáo đều là Một và sứ mạng của Đạo Cao Đài là qui Tam Giáo hiệp Ngũ Chi hay nói cách khác, đem những mối Đạo của Thế gian về với nhau trong sự hòa hiệp. Đức Chí Tôn còn dạy Ngài Ngô văn Chiêu dùng Thiên Nhân để thờ và cũng là biểu hiệu của Đạo Cao Đài. Sau đó vào năm 1924, Ngài Ngô văn Chiêu được đổi về Sài Gòn. Nơi đây, Ngài truyền

dạy cho những người có căn cơ Pháp môn Thiên định do Đức Chí Tôn truyền dạy.

Cũng ở tại Sài Gòn, vào năm 1925, phong trào cầu Cơ rất thịnh hành, có một nhóm công chức thường họp nhau để xây bàn cầu Cơ. Lúc đầu có vong linh của thân nhân các vị hầu đàn về, sau đó có các chư Tiên, chư Phật giáng Cơ dạy Đạo. Sau rốt, có một vị Tiên Ông xưng danh là AẢẢ, giáng Cơ làm thơ họa vịnh.

Vì cầu Cơ bằng cách xây bàn rất chậm chạp bất tiện, Đức AẢẢ dạy Chư vị hầu đàn dùng Ngọc Cơ thay thế để có thể viết chữ mau lẹ hơn. Ngọc Cơ được đan bằng vỏ tre, các cây dương liễu, đầu chạm hình chim loan, cây cọ bằng mây dùng để viết chữ xuống mặt bàn Cơ. Đến đêm 24-12-1925, Đức AẢẢ giáng Cơ cho biết Ngài là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, bấy lâu nay mượn tên AẢẢ để độ dẫn Chư đệ tử vào đường Đạo. Ngài thân Chư vị hầu Đàn làm Đệ tử và giao phó phận sự truyền Đạo Cao Đài tại phương Nam. Trong số Chư vị hầu đàn có Quý Ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Trương hữu Đức và Nguyễn Trung Hậu.

Thánh Ngôn đêm 24-12-1925.

“Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ tron biên”

“Đêm nay 24-12, các con phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây. Ta rất vui lòng mà đặng thấy Đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà nầy sẽ đầy ơn Ta. Giờ ngày gần đến, đợi lệnh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa”

Nguyên Lý Đạo Cao Đài

“Vạn Giáo Nhất Lý” hay là mọi Tôn Giáo đều là một, có cùng một nguồn gốc, một Nguyên lý và là những phản ảnh khác nhau của cùng một Chơn Lý.

Có người có thể hỏi rằng làm sao mà mọi Tôn Giáo có thể là Một được trong khi bề ngoài từ nghi thức sinh hoạt, luật lệ đều khác nhau?

Tiếng Việt dùng chữ Đạo với hai nghĩa: Đạo với ý nghĩa là Đại Đạo là Vô vi với mục đích hướng dẫn Chúng sanh về hiệp nhất cùng Đức Chí Tôn.

Đạo với ý nghĩa là Tôn giáo là hình thức bề ngoài với nghi lễ, luật lệ khác nhau.

Nếu nhìn theo ý nghĩa Tôn giáo thì mọi Đạo đều có muôn vạn hình tướng khác nhau. Nếu nhìn vào khía cạnh Vô vi thì muôn Đạo đều là Một.

Thử xét những quan niệm về Đức Chí Tôn của những Tôn giáo khác nhau.

Đạo Cao Đài quan niệm rằng Khí Hư Vô sinh ra Đức Chí Tôn và Ngôi của Đức Chí Tôn là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Dương Nghi (Âm và Dương) và từ đó tạo ra Càn Khôn Thế giới.

Âm Quang thì lạnh lẽo tối tăm (TNHT., trg 190, 1972) mịt mờ không sanh không hóa.

Còn Dương Quang thì ấm áp sáng sủa. Nơi nào ánh Dương Quang rọi đến thì Âm Dương kết hợp tạo nên Càn Khôn Thế giới trong đó Dương là Chủ của phần Vô hình (Chơn Linh, Chơn Thần) còn Âm là mẹ của phần hữu hình.

Theo Tiên Giáo, Đức Lão Tử có dạy rằng:

“ Có vật hỗn độn mà nên, sanh trước Trời Đất, yên lặng trống không, cô đơn tột bậc, không đổi thay, nhưng Đấng ấy luôn luôn đến cùng vạn vật và được coi như là Mẹ Sanh của vạn vật. Ta không biết tên, gương gọi đó là Đạo” (Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sanh. Tịch hê, liêu hê, độc lập bất cãi châu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ Mẫu. Ngộ bất tri kỳ danh cường tự chi viết Đạo)

Đạo sanh Một

Một sanh Hai

Hai sanh Ba

Ba sanh vạn vật

(Đạo sanh Nhứt, Nhứt sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh vạn vật)

Phật giáo gọi là Đấng Bất Sanh, Bất diệt, gọi là Bharmakaya, là Chân Lý Tuyệt đối, là cõi Vô vi.

Vì cho Đạo và con người là không có gì cả nên người thế gian hiểu lầm cho rằng Phật Giáo không công nhận Thượng Đế. Nhưng thật ra các Tôn Giáo phương Tây cũng có đồng quan điểm cho rằng Thượng đế là Hư vô.

Do Thái Giáo gọi Đấng Sáng Tạo là Elohim là một trạng thái vừa hữu giác vừa vô giác, vừa hữu cảm vừa vô cảm hay nói cách khác là trạng thái Hư vô và trạng thái Hư vô đến từ trạng thái hỗn độn..

Đạo Thiên Chúa thì cho rằng “Trước khi có Trời Đất thì đã có Đạo. Đạo ở cùng Đức Chúa Trời và Đạo là Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời tạo ra muôn vật..”

Thượng Đế là nguồn sáng, soi sáng khoảng trống tối tăm.

Hồi Giáo thì cho rằng: Thượng Đế (Thánh Allah) là nguồn sáng của Trời và Đất. Nội Giáo của Hồi Giáo (Sufism) quan niệm Thượng Đế là chân lý duy nhất gọi là Huệ, Quang, Tình Thương yêu, Hư Vô.

Đạo Bà La Môn cho rằng Thượng Đế là Linh quang đem ánh sáng cho muôn loài. Năng lực nguyên thủy là Đấng Brahman. Đấng Brahman thì vô thí, vô chung, siêu tuyệt..

Đạo Sikhism gọi Thượng Đế là Chân Lý, là ánh sáng của muôn loài.

Khổng Giáo cho rằng: Trời có nói gì đâu mà bốn mùa xây chuyển, vạn vật sanh sôi nay nở. Trời có nói gì đâu?

Đức Cao Đài dạy rằng:

“Khí Hư vô sanh ra có một Thầy, còn mấy Đấng Thầy kể đó ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn Thế giới này, mà nếu không có Hư vô Chi khí thì không có Thầy”

Khi giải thích ý nghĩa của Thiên Nhân, Đức Cao Đài dạy rằng:

Mắt là chủ của lòng (Nhân thị chủ Tâm)

Hai nguồn sáng (Âm và Dương) là chủ tế (Đấng Tạo hóa sanh ra Trời Đất và Vũ trụ).

Thật vậy hai luồng Âm quang và Dương quang tương ứng với Âm điện tử và dương điện tử là yếu tố tạo thành vũ trụ (Luồng quang Chủ tế).

Ánh sáng là Thần (Quang thị Thần)

Thần là Trời (Thần thị Thiên)

Trời là Ta vậy (Thiên giả Ngã giả)

Tóm lại, Đức Chí Tôn được mọi Tôn giáo công nhận là đến từ Hư vô, hay chính là Hư vô và được gọi với nhiều tên khác nhau: Hư Vô, khoảng không, Nguồn Sáng, Linh Quang, Huệ Quang, Tình Thương Yêu, Chân ngã, Đại Ngã, Đấng Tuyệt Đối, Đạo, Thái Cực, Nhất..

Còn việc tạo thành Vũ trụ, Đức Chí Tôn dạy rằng: “Khi tạo nên Càn Khôn Thế Giới rồi, Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, Thảo mộc, côn trùng, Thú cầm gọi chung là Chúng sanh. Chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha sự sống. Thầy là các con, các con là Thầy...”

Còn muôn vật trong Càn khôn Thế giới đều có từ Âm và Dương. Tùy theo tỉ lệ Âm dương mà con người được ở cõi cao hay thấp. Những linh hồn tinh tấn có nhiều Dương quang thì nhẹ nhàng khinh thoát sẽ được ở cõi nhẹ nhàng yên tĩnh tốt đẹp sáng tươi

(Có thể gọi là Thiên Đàng).

Còn linh hồn sa đọa thì nặng trước có nhiều Âm hơn Dương sẽ ở cõi thấp tối, nặng nề lạnh lẽo (Có thể gọi là Địa ngục) Về phương diện Tâm linh, mọi chúng sanh đều thọ điểm Linh quang từ Đức Chí Tôn (Mà người đời gọi là Lương Tâm). Điểm Linh quang ở trong lòng của con người.

Về phương diện vật chất, muôn vật đều có một thể xác hữu hình cấu tạo bởi Âm Dương (Âm điện tử và dương điện tử)

Chẳng những Tôn Giáo có cùng một quan niệm về Đấng Tạo hóa và Tạo Thiên lập Địa, khoa học cũng có cùng một quan điểm. Khoa học cho rằng Vũ trụ được tạo thành từ Hư vô và câu chuyện Tạo Thiên lập Địa được bắt đầu như sau:

“Một ngày kia, khi chưa có không gian và thời gian...Thời gian không phải là một dòng vô tận từ quá khứ cho tới tương lai mà là dính liền với không gian nhất là vật chất và trọng lực. Không ai có thể bàn cãi gì trước khi có hiện tượng Big Bang vì lúc ấy chưa có thời gian. Hiện tượng Big Bang xảy ra 13 tỉ năm về trước.

Từ Hư Vô, một yển Linh quang nhỏ bé cực kỳ chói sáng hiện ra vô cùng nóng và bên trong khối lửa ấy là không gian. Cùng với không gian là dòng thời gian. Và không gian hợp với thời gian để tạo thành Vũ trụ.

Khi mới được tạo thành, Vũ trụ sơ sinh vô cùng nóng quay quẩn trong bức xạ cực mạnh. Công thức nổi tiếng của Einstein $E=mc^2$ cho rằng năng lượng và vật chất có thể hoán chuyển lẫn nhau từ thể này qua thể kia.

Trong thời kỳ phôi thai này, các tia phóng xạ vô cùng mãnh liệt biến thành vật chất dưới hình thức nguyên tử với Âm điện tử và Dương điện tử.

Hiện nay, Đại học Standford cũng vẫn còn tiếp tục các thí nghiệm để tạo thành vật chất từ các Âm điện tử và Dương điện tử.

Như vậy, khoa học cũng đã tiến tới kết luận rằng Đấng Tạo Hóa đi từ Hư Vô và ở dưới hình thức Linh Quang và Vũ trụ được tạo thành cũng là Linh Quang.

Khoa học cũng cho thấy rằng vật chất dù trông ra như bất động vô tri giác, nhưng trong cấu tử nhỏ bé nhất của nó cũng có những nguyên tử với các Âm điện tử chuyển động không ngừng. Phải chăng trong vật chất vô tri cũng có sự sống?

Khi Vũ trụ được lập thành, các tầng Trời gồm những Tinh cầu, tùy theo tỉ lệ Âm dương mà có quả trược, quả thanh, quả nặng, quả nhẹ. Tinh cầu nào có nhiều Dương quang thì nhẹ nhàng ấm áp nằm ở trên cao gần với Đức Chí Tôn. Quả nào nhiều Âm quang thì ở vùng lạnh lẽo tối tăm nặng trược ở tầng thấp nhất của Vũ trụ. Linh hồn con người cũng vậy. Linh hồn nào có nhiều Dương quang với những đức tính tốt đẹp cao thượng sẽ được nhẹ nhàng về cõi trên.

Linh hồn nào nhiều Âm quang trọng trược với nhiều lục dục thất tình tham sân si sẽ trở nên nặng nề và sẽ ở những tinh cầu ở cõi thấp. (Địa ngục).

Lục dục thất tình như nhiều chiếc áo choàng. Càng choàng nhiều áo lục dục thất tình linh hồn càng nặng thì sa vào cõi thấp. Linh hồn nào bỏ được các chiếc áo khoác lục dục thất tình thì trở nên nhẹ nhàng và sẽ được về cõi cao hơn (Hay là Thiên Đàng)

Khi con người ở thế gian còn mang xác phàm thì Thiên Đàng hay Địa Ngục đều ở trong lòng của mình. Khi làm điều tốt, lòng thấy nhẹ nhàng như thể được về cõi Tiên. Khi làm điều tội lỗi lòng thấy nặng nề ray rứt khổ sở chẳng khác nào ở Địa ngục.

Trong thời gian tại thế, Đức Phật và Chúa GiêSu há chẳng như ở Thiên Đàng?

Nếu con người biết tu Tâm dưỡng Tánh kèm chế lục dục thất tình trở về nội Tâm tìm thấy sự yên tĩnh, trống không, không bị ràng buộc bởi thị phi thế sự, tức là đã như là được về cõi Niết Bàn.

Phần đông triết lý Đông phương cho rằng Trời có chín cõi. Đạo Cao Đài được dạy rằng Trời có 12 cõi. Ngoài 9 cõi Trời Tạo hóa do Đức Diêu Trì Kim Mẫu chưởng quản, còn có 3 cõi Hư vô là Hồn Nguơn Thiên, Hội Nguơn Thiên và Hư Vô Thiên tương ứng với thời Hồn độn đến thời Hư Vô, trước khi tạo Thiên lập địa (Thời kỳ Tiên Thiên). Trong thời kỳ này chỉ có Ngôi Thái Cực.

Sau khi Ngôi Thái Cực phân định Âm dương (Thời kỳ Lương Nghi, Đức Diêu Trì Kim Mẫu dụng khí Âm dương để tạo nên Càn Khôn Vũ trụ với 9 tầng Trời Tạo Hóa (Thời kỳ Hậu Thiên). Chín tầng Trời này do 9 Vị Nữ Phật chưởng quản dưới quyền của Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Thiên Cung xuất vạn linh từng pháp
Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh

.....

Chủ Âm quang thường từng Thiên mạng

.....

Âm dương biến tạo Chơn Thần

Lo cho nhơn vật về phần hữu vi . . .

Do đó sau khi chết, Đạo Cao Đài tổ chức 9 Cửu để làm lễ Cầu siêu. Mỗi cửu cách nhau 9 ngày để cầu nguyện cho Linh

hồn qua được 9 cõi Trời. Hai trăm (200) ngày sau Cửu thứ 9 là Lễ Tiểu Tường để cầu nguyện cho Linh hồn lên được cõi Hư vô Thiên. và sau đó 300 ngày, là Lễ Đại Tường để cầu nguyện cho Linh hồn được về cõi Hồn Nguơn Thiên (Tầng Trời Hỗn Độn).

Tóm lại, khoa học và Tôn Giáo đã gặp nhau trên quan niệm về cấu tạo của Tạo Hóa và Chúng sanh và về sự đồng nhất thể của Trời Đất cùng vạn vật.

“Trời và người đồng thể Linh quang”.

Chỉ có một điều là Linh Quang của Đức Chí Tôn thì chí Dương, chí Thánh, chí Thiện, còn Linh quang của con người thì bị bao phủ bởi màn Vô minh nằm sâu trong xác thịt thân phàm đầy rẫy thất tình lục dục.

Nếu con người biết Tu tĩnh Tâm hồn giảm bớt Âm quang, phá được màn Vô minh của Tham, Sân, Si, lục dục thất tình thì chắc chắn sẽ tìm được Phật tánh, Chân Như Bản thể hay là được hiệp Một cùng Đức Chí Tôn trong lòng của mình.

Trong Đạo Cao Đài, phương thức tu Tâm, luyện Tánh gồm có cầu nguyện, thiền định, ăn chay, làm lành, lánh dữ. Tất cả những phương thức này làm cho lòng con người càng được nhẹ nhàng thoát tục gọi nhuần điển Dương quang.

Về phương diện siêu hình thì mọi Tôn Giáo cùng khoa học đều gặp nhau trên một quan điểm. Nhưng về phương diện thực tế và phương thức hành Đạo, có thể những nghi thức có khác nhau nhưng nguyên tắc căn bản cũng vẫn là Một.

Mọi Tôn Giáo đều có cùng một ngôn ngữ để thông cảm với nhau. Đó là sự Thương yêu và sự Công Bình.

Đạo Bahai có dạy:” Tình thương yêu là ánh sáng soi đường trong tối tăm kết chặt Trời và Người. Đừng tạo cho kẻ khác

gánh nặng mà mình không muốn gánh vác. Đừng làm cho kẻ khác những gì mình không muốn làm cho mình. Chúng sanh đều là lá của một cội cây và là những giọt nước của cùng một Đại dương”.

Phật Giáo:

“Điều toàn mỹ thứ 9 là Tình Thương yêu. Vì nước mát làm cho mọi người đỡ khát đồng đều và rửa sạch con người như nhau không phân biệt kẻ tốt người xấu. Vì vậy đối với kẻ thù hay đối với bè bạn, ta nên đối đãi với họ như nhau với cùng một Tình Thương Yêu.

Đừng làm cho kẻ khác những gì làm chính mình đau đớn. Linh hồn của vạn vật là cùng một thể, một thể chung cho tất cả..

Đức tính thiên nhiên của Linh hồn là bất sanh và bất diệt.”

Đạo Cao Đài thì dạy rằng:

“Các con là cơ thể của sự Thương Yêu
Thiên Thượng Thiên hạ, Bác Ái Công bình
Thầy là các con, các con là Thầy”

Đạo Thiên Chúa có dạy:

“Thượng Đế là tình thương yêu. Ai sống trong tình thương yêu là sống trong Thượng Đế.

Đừng làm cho kẻ khác những gì mình không muốn cho mình. Có một thể xác, một linh hồn, một Đấng sáng tạo, Một niềm tin, một Thượng Đế ở trên tất cả và trong tất cả”

Đạo Bà la Môn:

“Chân Đạo là tình thương vì Thượng Đế yêu cả muôn loài dù lớn dù nhỏ.

Hễ mình đau, đừng làm đau kẻ khác.”

Hồi Giáo:

“Ta không phải đến để trừng phạt kẻ phản bội mà là để yêu thương loài người.

Không ai có thể cho rằng mình có Đức tin thật sự nếu mình không mưu cầu cho người Anh em của mình những gì mình mong muốn cho chính mình.

Thượng Đế ở khắp nơi dù Đông hay Tây..”

Do Thái Giáo:

Yêu người láng giềng như yêu mình.

Đừng làm cho kẻ khác những gì mình không muốn cho mình.

Hởi Dân Tộc Israeal, Đấng bất diệt là Thượng đế, là Đấng duy nhất. Đấng bất diệt của muôn loài là Đức Thượng Đế ở trong tâm khảm của con người.

Lão Giáo:

“Hãy dùng Tình Thương yêu để đo lường tình bè bạn.

Muốn cai trị thế gian, hãy thương người như thương mình.

Ta cùng Trời Đất đồng sinh,

Ta cùng muôn vật đều là Một

Unity and Diversity Council:

Chúng ta đều là con cái của Thế gian

Mọi người đều là Một.

Tôn giáo thì nhiều. Đạo chỉ có Một.”

Bái Hỏa Giáo: (Zoroastrianism)

“Thượng Đế yêu cả muôn loài. Trả lại, người phải yêu Thượng Đế.

Đời chỉ đẹp khi mình đừng làm cho người khác những điều không tốt cho mình.

Linh hồn người tốt được thánh thơi nơi cõi thọ...”

Các dẫn chứng trên đã chứng tỏ rõ ràng rằng Tôn giáo đều có cùng một Nguyên lý, một Nguyên lý quan trọng nhất cho kiếp sống của con người. Ngoài ra xét về sự tương quan giữa Trời và Người, phần đông các Tôn giáo cũng cùng gặp nhau

ở một quan điểm chung, tin tưởng rằng **con người ai cũng có Trời Phật ở bên trong.**

Con người gọi Đấng cao cả bên trong của mình là Lương Tâm, thần Lương Tâm..Trên thực tế, ai cũng có một linh hồn hay là Chơn linh do Thượng Đế ban cho.

Đạo Bái Hỏa gọi là Tiểu Linh quang.

Ấn Độ Giáo gọi là Chơn Tâm

Phật Giáo gọi là Phật Tâm.

Lão giáo gọi là Thiên Tâm

Thiên Chúa giáo gọi là Linh hồn

Thần Đạo (Shinto) ở Nhật gọi là Rei

Islam gọi là Nafs-e-mutamannah,

Cao Đài gọi là Tiểu Linh quang.

Đức Cao Đài dạy rằng “ Khi lập Càn Khôn Thế giới rồi, Thầy phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, thú cầm và nhân loại gọi là Chúng sanh. Vậy các con đủ hiểu rằng mỗi vật hữu sanh nơi thế gian đều do Chơn linh Thầy mà ra. Có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha sự sống và Thầy là các con, các con là Thầy.”

Ấn độ Giáo có dạy rằng: “Khi con người dẹp bỏ hết phàm Tâm (ham muốn), dục vọng thì sẽ gặp được Đấng Chí Tôn (Brahman)

Người nào thấu hiểu được sự vinh diệu của Chân Tâm bên trong cái xác phàm giả tạm, sẽ nhận thức được rằng con người

là một với Đức Chí Tôn (Brahman) , đấng Chúa Tể và Tạo hóa của muôn loài.”

Chân nhân nhỏ tựa ngón tay,
Nằm trong tâm khảm muôn loài thụ sinh.
Tâm thần trí lự bao quanh,
Ai mà biết được trở thành Thần Tiên
(BS. Nguyễn Văn Thọ dịch).

Lão giáo dạy rằng:

Tâm là Đạo, Đạo là Tâm
Trở về nội Tâm thì tìm thấy Đạo

Con người có thể hiểu được cả thế gian
Mà không cần bước ra khỏi cửa.
Con người có thể hiểu được cả Vũ trụ
Mà không cần nhìn ra khỏi khung cửa sổ.
Thật ra càng đi xa, càng thấy ít
Thánh nhân chỉ cần nhìn vào nội Tâm,
Tìm được Chơn như bản thể.
Là thấu hiểu được mọi chuyện ở Thế gian.
(Đạo Đức Kinh)

Đạo Thiên Chúa dạy: “Chỉ có một Đức Chúa Cha ở trên tất cả và ở trong tất cả “(Eph 4:6)

“Nước Trời ở trong lòng người”. (Luke 17:21)

Con người là nhà của Thượng Đế. Đức Thượng Đế ở trong ngôi nhà của Người”. (1 Cor 3:16)

Dù chưa có ai thấy được Thượng Đế, nhưng nếu con người thương yêu nhau, sẽ cảm nhận được Thượng Đế trong lòng của mình và tình thương của Người trong ta nảy nở mạnh thêm. Ngài đã chiết Chơn linh của Ngài và đặt để trong Tâm khảm con người như một bằng chứng hùng hồn rằng con người luôn sống với Thượng Đế và Thượng Đế luôn ở trong ta.” (I John 4:12-13).

Phật dạy rằng:

“Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành”.

“Chúng sanh đều có Phật tánh trong lòng”

“Tâm tức Phật, Phật tức Tâm”

Hồi Giáo dạy:

“Thượng Đế ở gần con người hơn tấc mạch cổ của người”
(Koran 50:16)

hãy trở về nội Tâm, người sẽ tìm thấy Thượng Đế” (Sufism)

“ Ta thấy Thượng Đế bằng mắt của lòng.

Ta hỏi: Người là ai?

Thượng Đế trả lời: Người”

(Martin Lings. What is Sufism 1995).

Đức Cao Đài dạy:

Thầy là các con, các con là Thầy.

Niên Đãng Cổ Phật thị Ngã.

Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,

Thái Thượng Nguơn Thỉ thị Ngã

Kiên viết Cao Đài.

Phật Trời, Trời Phật cũng là Ta

Nhánh nhóc chia ba cũng một Già.

Thích Đạo Gia Tô tay chưởng quản

Thương dân xuống thế độ lần ba

Thật là diệu diệu huyền huyền,

Trời Người có một chẳng riêng khác gì.

Con là một Thiêng liêng tại thế.

Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang

Khóa chìa con đã sẵn sàng,

Khi vào cõi tục khi sang Thiên đình.

Đạo là Ngôi Nhất Nguyên Chủ tể,

Đạo cùng là đồng thể vạn linh.

Rằng ta là một cái Tâm chung,
Rộng lớn bao la ở khắp cùng.
Tuy chẳng có Ta mà vẫn có,
Có Ta, Ta vẫn cái Tâm chung.

Thật là tuyệt vời khi thấy mọi Tôn Giáo gần gũi nhau như vậy!. Nếu ta để thì giờ nghiên cứu tận tường mọi Tôn Giáo, nghiên cứu thâm sâu vào cốt lõi thực sự (Bỏ qua những hình thức khác biệt bề ngoài), ta sẽ cảm nhận rằng mọi Tôn Giáo đều là Một..

Trong tình thế hiện tại của Chúng sanh, mọi Tôn giáo đều đua nhau tranh giành ảnh hưởng, **Đạo Cao Đài chỉ mong muốn trao cho Chúng Sanh một Thông điệp duy nhất: “VẠN GIÁO NHỨT LÝ”** hay là: **“Mọi Tôn Giáo đều là Một, một nguồn gốc, một Chơn Lý và chỉ là những phản ảnh khác nhau của một Chơn Lý duy nhất”**.

Để tóm tắt qua những quan niệm của những Tôn Giáo khác nhau, ta thấy có những điểm chung sau đây đúng với quan niệm Vạn Giáo Nhứt Lý:

- Mọi Tôn Giáo đều bắt nguồn từ một Đấng Thiêng Liêng.
- Mọi Giáo Lý đều dựa trên Nguyên Lý: **TÌNH THƯƠNG YÊU** và **SỰ CÔNG BÌNH**.
- Mọi Chúng sanh đều là con cùng một Cha.
- Chúng sanh có thể được giải thoát trở về hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn qua các phương thức tu hành trở về nội Tâm.
- Ở hiền gặp lành.

Mục đích cao thượng của Đạo Cao Đài: Nhơn Đạo Thái Bình- Thiên Đạo Giải Thoát.

Nhơn đạo Thái Bình:

Hướng dẫn Chúng sanh đến một nền Hòa bình Thánh đức dù thuộc bất cứ Tôn giáo nào. Đạo Cao Đài không có tham

vọng kêu gọi mọi người bỏ Đạo của mình vì quan niệm rằng mọi Tôn Giáo đều là một (Như câu: Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã, Thích Ca Mâu Ni thị Ngã, Thái Thượng Nguyên Thi thị Ngã, kiêm viết Cao Đài). Chỉ có một hy vọng khiêm tốn là Chúng sanh cởi mở xem nhau như anh em cùng một nhà, cùng một Đấng Cha Trời, cùng đi trên một đoạn đường lữ thứ để rồi cùng về hiệp Một với Đức Chí Tôn.

Nếu Chúng sanh cởi mở được, để thì giờ nghiên cứu những Tôn giáo khác, để thì giờ tìm hiểu làm quen với người anh em Chúng sanh đồng hành, đối thoại cởi mở với nhau tất nhiên mình sẽ có dịp hiểu nhau hơn, nhìn nhau qua những khía cạnh đẹp đẽ hơn, và sự hiểu biết lẫn nhau là một công cụ tốt đẹp và hữu hiệu nhất để dẹp bỏ những hiểm khích và củng cố tình bè bạn.

Ngoài ra, ai cũng có một xác thân vật chất. Tục ngữ Việt Nam có câu: " Một Tâm hồn trong sạch trong một xác thân trắng kiện." Con người cần hiệp chung lại với nhau thành lập những tổ chức từ thiện để phục vụ giúp đỡ người trong cộng đồng về phương diện vật chất. Có được như vậy, dù thuộc mọi sắc dân nào, dù thuộc mọi Tín ngưỡng nào, con người cũng chỉ nhìn thấy nhau như Anh em một nhà, sống chung nhau trong nền Hòa bình Thánh đức.

Thiên Đạo giải thoát:

Hiện tại Chúng sanh cũng có một số ít có khuynh hướng trở về nội Tâm. Liên Hiệp Quốc có thành lập một Thiên Đường ở Newyork để đón tiếp mọi người không phân biệt sắc dân và Tôn giáo để cùng nhau trở về nội Tâm để được hiệp Một cùng Đức Chí Tôn.

Mục đích tối hậu của Đạo Cao Đài cũng là trở về với Vô vi. Ngày đầu mở Đạo, Đức Chí Tôn có dạy: " Đạo vốn Vô vi, nhưng Thầy dùng hữu hình để dẫn các con tới Vô vi..".

Tại địa phương, sự thành lập Tịnh Thất là một biện pháp để đưa mọi Chúng sanh thuộc mọi Tôn Giáo về cùng một mái nhà để cùng đi trên con đường Thiên Đạo giải thoát.

CaoDai, a way to harmony

HT.BS. Bùi Đắc Hùng

Definition:

Human beings have a tendency toward materialism. They discriminate against each other because of physical differences between cultures and religions; they fight, and kill each other under the form of religious wars; the relationship between parents and children, husband and wife, brothers and sisters, friends becomes controlled by materials desires and money.

In order to bring peace on earth, in 1926, via spiritism, the Supreme Being founded a novel faith called CaoDai in Vietnam with the principle that all religions are one, have one same origin, one same principle, and are just different manifestations of one same truth.

“CaoDai” literally means high palace or Supreme Palace or Abode on High where God reigns). Figuratively, the phrase Cao Dai (two words) is used as God’s symbolic name, and CaoDai (one word) as the path being taught. The philosophy of CaoDai is the oneness between the Supreme Being and universe including humanity and religions.

The official name of CaoDai is DAI DAO TAM KY PHO DO

Dai Dao is the great way, including all religions. The word Dao has two meanings, one is the Tao (Spirit), the way that leads living, beings to become One with God, the other is the

religion, a physical organization with diverse physical appearances, rituals, and laws. The Tao is invisible and religion is the visible physical counterpart.

Tam Ky means the third time. Saying the third time denotes that there had to be the first and the second times.

Indeed, the first revelation of the great way consists of diverse messengers representing diverse religions who were Nhien Dang Co Phat (Dipankara Buddha) founding Hinduism or the way of Buddhas, Thai Thuong Dao Quan (previous life of Lao Tse) founding Taoism or the way of Immortals, King Fu Hsi founding humanism, Moses founding the way of Saints which is Judaism, the precursor of Christianity, and Islam.

The 2nd revelation of the great way consisted of Sakya Muni or the Buddha Gautama representing the way of Buddhas, Lao Tse the way of Immortals, Jesus, Mohammed the way of Saints, and Confucius the way of humanism.

The 3rd time is the revelation of CaoDai, or the time for all religions, all the previous ways from East to West to be together in harmony.

Pho Do means universally saving, saving all humanity regardless their culture backgrounds.

CaoDai was officially founded in 1926. Regarding this 3rd revelation CaoDai said: "Before I founded CaoDai I have sent Angels, Saints, Immortals, and Buddhas to all over the world to promote religious unity."

Indeed, various movements of religious unity happened at many places in the world: in 1862, Baha'i was founded by Balla'Ulla in Persia, in 1875, Theosophy was founded by Blavatski in New York, in 1893, the 1st Parliament of the world's religions was organized in Chicago, in 1900, the 1st International Convention on religion's history was held in Paris, in 1939,

Radhakhrisnan taught Comparative Religion at Oxford University.

Why CaoDai? One more faith? Don't people have enough religions?

There are in reality more than enough religions in the worlds, so that religious competition, discrimination have lead humanity to hatred, conflict, wars with each other. Because of this "too many religions," of the conflict between humanity, God has come to offer a way to bring people, religions together in harmony.

CaoDai said:

"Formerly, people lacked transportation and therefore did not know each other, I then founded at different epochs and in different areas, five branches of the Great Way: the way of humanism, the way of Geni (or of Angels), The way of Saints, the way of Immortals, and the way of Buddhas, each based on the customs of the race. In present days, transportation has been improved, and people have come to know each other better. But people do not always live in harmony because of the very multiplicity of those religions. That is why I have decided to unite all those religions into one to bring them to the primordial unity."

History of CaoDai.

In 1920, Cao Dai the Supreme Being revealed to Ngo Van Chieu, the then governor of Phu Quoc, a beautiful island in the gulf of Siam. Ngo was leading a life of seclusion and wisdom.

With the assistance of a mediumistic form of worship, he maintained contact with the spiritual realm. An apparition which revealed an identity of "Cao Dai" appeared. From the beginning, the name Cao Dai, which literally means high

abode, or roofless tower, was given as a symbolic name of the Supreme Being.

The Supreme Being informed Ngo that all the world's religions should return to the One from which they originally sprang. This message was to be delivered to the world. Ngo asked CaoDai for permission to worship Him under a tangible form. He then had a vision of the All-Seeing Eye and was subsequently ordered to use it as the symbol of Cao Dai. Ngo returned to Saigon in 1924. To those interested in self-cultivation, he taught the philosophy and esoteric practice he had learned from Cao Dai during his stay in Phu Quoc.

In mid 1925, totally separated from Ngo Van Chieu, three minor civil officials

in Saigon - Cao Quynh Cu, Pham Cong Tac, and Cao Hoai Sang - were together practicing spiritism. One spirit contacted was singled out for His wonderful virtues and outstanding knowledge. He introduced Himself as AAA. (AAA are the first three letters of the Vietnamese alphabet).

On Christmas eve of 1925, AAA finally revealed that He was the Supreme Being, coming under the name of Cao Dai, to teach the Way. He said

: "Rejoice this day, it is the anniversary of My coming to the West to teach the Way (God came to the Middle East in the form of Yeshua - Jesus - Christ to found Christianity). This house will be filled with blessings. You will see more miracles which will lead you to further belief. For some time, I have used the symbol AAA to lead you to religious life. You soon are to found a unique religion under My instructions."

Principle of CaoDai.

The principle of CaoDai is that "All religions are one, have

one same origin, one same principle, and are just different manifestations of one same truth.”

One may wonder how all religions can be one while they look so different.

The Vietnamese word used to call religion is “Dao” which has two meanings. The first meaning is “The Tao” or the way which is invisible that leads living beings to the unification with the Supreme Being; the second meaning is religion, a physical organization, or a physical visible counterpart of the Tao with physical structures, rituals, laws in order to guide humanity to the Tao.

Therefore, if one is talking about religions, one would see them under myriad different appearances; but when one is talking about the Tao, or the esoteric aspects of religions, one would see them as one.

Regarding the Supreme Being, CaoDai believes that before the creation of heavens and universes, the cosmic ether was a kind of stillness, quietness, nothingness; and at the same time a kind of primordial chaos, indistinct and shadowy with mixtures of pures and impures which is called “the Tao” or pre-creation ether. In this cosmic ether appeared a great source of Divine Light called “Thai Cuc” (Monad) or the Supreme Being. The Monad then created Yin and Yang, the two opposite logos: “Am Quang” (Yin Darkness) and “Duong Quang” (Yang Energy). Yin is heavy, dark, cold, dense, negative, inactive... while Yang is clear, bright, warm, pure, positive, active... Yin and Yang interact with each other to form heavens and universes, of which Yang being the origin of the invisible spiritual part, and Yin being the mother of all visible physical manifestations.

Taoism calls this as *“The Tao begets One, One begets two, two begets three, three begets ten thousands beings; ten*

thousand beings carry Yin on their back and hold Yang in front, blending these two vital breaths to attain harmony."
(Tao Te Ching, 42)

Taoism calls the Creator the Tao, and the Tao is nothing but the nothingness:

"There was something nebulous, existing before the heaven and earth, silent, empty, standing alone, altering not, moving cyclically without being exhausted, which may be called the mother of all under heaven." (Tao Te Ching, 25)

Regarding the Creator, Judaism considers God or Elohim as a state of consciousness that pertains neither to perception nor to non perception or in other words, the state of consciousness perceiving Nothingness. In the beginning of the King's authority, the lamp of darkness engraved a hollow in the Supernal Luminescence...and the hollowing of the Divine Essence occurs on Tohu and Bohu. (Chaos and Void)

"He stretches the north on Chaos, He hangs the earth on Nothingness (Beli-mah)" (Job 26:7)

Similarly, **Christianity** says:

In the beginning was the Word and the Word was with God and the Word was God. All things are made by Him; and without Him was not anything made that was made. (John 1:1-3)

God is light and in Him is no darkness at all. (John 1:4)

Islam says: *Allah is the light of the heavens and the earth.*
(Koran)

Sufism: "In the widest sense Islamic mysticism may be defined as the consciousness of the One Reality – Be it called Wisdom, Light, Love or Nothing." (Annemarie Schimmel, Chapel Hill, 1975, *Mystical dimension of Islam*)

Hinduism says: *He is the one light that gives light to all. (Katha Upanishad) Primal energy is Brahman. That Brahman is beginningless, transcendent, eternal. (Bhagavad Gita)*

Sikhism says: *God, being truth, is the one light of all. (Adi Granth)*

The common Buddhist conception is that the Creator and living beings came from the nothingness: *There is an unborn, not become, not made, unmanifest. (Samyutta- Nikaya of Theravada Buddhism)*

Confucianism:

Does Heaven ever speak?
The four seasons come and go,
and all creatures thrive and grow.
Does Heaven ever speak?

CaoDai, inspired by the principle that all apparently separate religions are actually diverse manifestations of the same truth, holds that the Supreme Being is the “Great Sacred Light”—or Energy—and human beings are the “little sacred light.”

CaoDai said: “The Cosmic Ether created only Me. so, who created these founders? It was Tao, or Me. You must understand this. If I did not exist, there would be nothing in the universe. And if there were no Cosmic Ether, then I would not exist either.”

In this cosmic ether appeared a great source of Divine Light called “Thai Cuc” (Monad) or the Supreme Being. The Monad then created Yin and Yang, the two opposite logos: “Am Quang” (Yin – Darkness) and “Duong Quang” (Yang Energy).

In explaining the meaning of the All Seeing Eye, the symbol of the new faith, the Supreme Being taught:

"The Eye is the Master of the heart.

The two sources of Energy, Yin and Yang, are the Masters of Creation. (that is to say, these two sources of Energy correspond to Electrons and Protons and are responsible for the creation of the universe).

*Energy is, in turn, the Spirit;
Spirit is the Supreme Being."*

And the Supreme Being is from the midst of The Invisible Void, or the Nothingness (called in Buddhism Shunyata or in Judaism Beli-mah).

Through religions, the Supreme Being is called by religions under diverse names: The Nothingness, The Void, The Light, The Sacred Light, The Wisdom, The Love, The True Self, The Absolute Self, The Truth, The Word, The Monad, The One...

Regarding the formation of the universe, the Supreme Being gave this following message: "After creating the universe, I divided My spirit and with it made all creatures, plants and materials. Everything in this universe comes from My spirit, and therefore has a life. Where there is life, there is Myself even in materials and plants. I am each of you and you are Me."

Everything in this universe are from Yin and Yang. The proportion of Yin and Yang would dictate the properties of each dimension. More advanced souls would enter a dimension which has a higher proportion of Yang and would be lighter, brighter, calmer, more beautiful, and may be called heavens. Less advanced souls enter a dimension which has a higher proportion of Yin, and would be heavier, darker, more burdensome with many cruel souls and may be called hell. Spiritually, everything in the universe shares a part of the Supreme Being's spirit, which is called Conscience or soul in

human beings. Physically, everything in the universe has a visible body consisting of a mixture of Yin and Yang, which is well demonstrated by science under the form of electrons and protons in atoms, the basic common elements of all physical reality including materials, plants, animals, and human beings.

Science has contended that the universe came out from the nothingness, the void, when there was no space, and there was no time.

Time is not an ever-flowing stream which gushes from forever in the past to forever in the future. The flow of time is intimately linked to space – and to matter and gravity. We cannot speak of what happened before the Big Bang, because time itself did not exist then. Before space existed, nothing could exist; there was nowhere for it to exist. Our universe probably came into existence not only from nothing, but from nowhere.

Science cannot answer the question of why the universe began. All we do know is that something did happen. The Big Bang took place about 13 billion years ago. From nothing, a tiny speck of brilliant light appeared. It was infinitely hot. Inside this fireball was all of space. With the creation of space came the birth of time.

The infant Universe was searingly hot, brimming with the energy of intense radiation. Albert Einstein's famous equation $E=mc^2$ says that mass and energy are interchangeable: one can be turned into the other. In the early Universe, the energy of the radiation was so intense that it could spontaneously transform into matter, which took the form of subatomic particles, such as electrons and positrons. (Presently, Stanford University is still continuing the experiment of creating matter from electrons and positrons.) From those tiny sources of energy was created the Universe. The Creator was nothing other than energy, and so is the Universe.

It is clear from the discoveries of modern science relating to the nature of molecules and atoms, which are just energy, that everything, whether it is what we term animate or inanimate, is in motion and also seems to exhibit some form of organizing intelligence.

The levels of heavens depend on the proportion of Yin and Yang forces (energy) in their constitution. A level with more Yang would be lighter, brighter, and higher, closer to God. Each level would accommodate corresponding souls. Souls with good emotions (more yang) would be lighter and dwelling at higher dimensions. Souls with more negative emotions, with less Yang or more Yin, would be heavier, and dwelling at lower, darker, colder dimensions. Emotions are like coats. The more negative emotions one has, the more heavy coats one wears, the heavier one is, the lower dimension one dwells.

When one is in physical body, heavens or hell are in one's heart. People with good heart would feel like in heavens. People with negative emotions would feel very heavy, miserable, suffering in their heart, or in other words, like in hell. Although living on earth, weren't Buddha and Jesus always like in heaven? The way to cultivate self is to return to one's inner self to find the quietness (without being attached to emotions) in one's heart which is a state of beatitude in Nirvana.

Most Eastern philosophies believe that there are nine dimensions in heaven. CaoDai believes that there are twelve. The highest dimensions are Hon Nguon Thien, Hoi Nguon Thien, and Hu Vo Thien which belong to the pre-creation heavens where there is only Void, Nothingness, and Chaos.

The other nine dimensions are the dimensions of the Creation where universe and living beings are created from two sources of energy Yin (electrons) and Yang (positrons). They belong to

the post-creation heavens. These nine dimensions are under the control of the nine female Buddhas who guide human spirits to progress through the nine dimensions.

After death, CaoDaists organize nine “Cuu” (nine, every nine day requiem) to pray for the passed away person to transcend through the nine dimensions. Two hundred days after the ninth “Cuu” is the celebration of the “Tieu Tuong” (ceremony Minor Beauty) when the spirit of the passed away person is prayed for reaching the “Hu Vo Thien.” Three hundred days after the “Tieu Tuong” is the celebration of the “Dai Tuong” (ceremony Major Beauty), the last requiem, when the spirit of the passed away person is prayed for reaching the “Hon Nguon Thien,” the highest dimension.

In summary, science and religions agree with each other that there is a oneness between the Supreme Being, the universe, human beings and every thing, and they are all under the form of energy. The only difference is that the Supreme Being is absolutely pure, absolutely good, absolutely Yang.

Human beings, notwithstanding the spiritual part from the Supreme Being, which as noted is absolutely pure and absolutely good, and which is called Conscience, have a physical body, which is a mixture of Yin and Yang, and which human beings have to cultivate in order to become more and more Yang, better, purer, and closer to the Supreme Being, finally become unified with the Supreme Being.

In CaoDai, this distilling process is a product of meditation, vegetarianism, moral practices, prayer, to continually raise the vibrational level of Yang.

World religions’ COMMON LANGUAGE:
Although religions wear different physical appearances, they

do have one same principle. The most practical important principle of all religions is "LOVE and JUSTICE" Following are posters of diverse religions showing this principle.

BAHA'I

Love is the light that guideth in darkness, the living links that unitedth God with man that assuredth the progress of every illumined soul.

Lay not on any soul a load which ye would not wish to be laid upon you, and desire not for anyone the thing you would not desire for yourself.

Ye are all the leaves of one tree and the drops of one ocean.

Tình yêu thương là ánh sáng đưa người ra khỏi sự tối tăm, là gạch nối giữa Trời và Người và đảm bảo cho sự thăng tiến của mọi linh-hồn.

Đừng trao gánh nặng mình không muốn cho kẻ khác, đừng mưu cầu cho kẻ khác những gì mình không muốn.

Mọi người đều là lá của cùng một cội và là những giọt nước của cùng một đại dương.

BUDDHISM - PHẬT GIÁO

The ninth perfection is loving kindness as water quenches the thirst of the good and the bad alike and cleanses them of dust and impurity, so also shall.

You treat your friend and your foe alike with loving kindness.

Hurt not others in way that you yourself would find hurtful

What is meant by soul of a suchness is the oneness of the totality of things the great all including whole for the essential nature of the soul is uncreate and eternal.

Điều toàn mỹ thứ 9 là tình thương yêu như nước mát làm mọi người đỡ khát đồng đều và rửa họ sạch sẽ như nhau không phân biệt kẻ tốt người xấu.

Vì vậy dù đối với bạn hay thù hãy thương yêu họ như nhau.

Đừng làm đau kẻ khác những gì làm chính ta đau đớn.

Linh-hồn của vạn hữu là lý nhất nguyên bao trùm tất cả, vì linh hồn là bất sanh bất diệt.

CAODAI - CAO ĐÀI **YOU ARE THE BODY OF LOVE**

GOD AND HUMANITY, LOVE AND JUSTICE

I, YOUR MASTER, AM YOU; YOU, MY CHILDREN, ARE ME.

CÁC CON LÀ CƠ THỂ CỦA SỰ THƯƠNG YÊU

THIÊN THƯỢNG - THIÊN HẠ, BÁC ÁI - CÔNG BÌNH

THẦY LÀ CÁC CON; CÁC CON LÀ THẦY

CHRISTIANITY- THIÊN CHÚA GIÁO

**GOD IS LOVE;
AND HE WHO DWELLS IN LOVE DWELLS IN GOD**

**DO NOT DO UNTO OTHERS
WHAT THOU WOULDST NOT THEY DO UNTO THEE**

**THERE IS ONE BODY, AND ONE SPIRIT, ...
ONE LORD, ONE FAITH, ONE GOD
WHO IS ABOVE ALL, AND THROUGH ALL, AND IN ALL**

THƯỢNG ĐẾ LÀ TÌNH THƯƠNG YÊU,

AI SỐNG TRONG TÌNH THƯƠNG YÊU LÀ SỐNG TRONG THƯỢNG ĐẾ

LÀM CHO KẺ KHÁC NHỮNG GÌ MÌNH MUỐN LÀM CHO MÌNH

CHỈ CÓ MỘT XÁC THÂN MỘT LINH HỒN,...
CHỈ CÓ MỘT ĐẮNG TỐI CAO, MỘT ĐỨC TIN, MỘT THƯỢNG ĐẾ
THƯỢNG ĐẾ Ở TRÊN TẤT CẢ, XUYÊN QUA TẤT CẢ,
VÀ TRONG TẤT CẢ MỌI CHÚNG SANH

HINDUISM - ẤN ĐỘ GIÁO

TRUE RELIGION IS TO LOVE,
AS GOD HAS LOVED THEM, ALL THINGS, WHETHER
GREAT OR SMALL

DO NOT TO OTHERS THAT
WHICH IF DONE TO YOU WOULD CAUSE YOU PAIN

CHÂN ĐẠO LÀ TÌNH THƯƠNG
VÌ THƯỢNG ĐẾ YÊU CẢ MUÔN LOÀI DÙ LỚN DÙ NHỎ
ĐỪNG LÀM CHO KẺ KHÁC NHỮNG GÌ LÀM TA ĐAU ĐỚN

ISLAM - HỒI GIÁO

I WAS NOT SENT TO CURSE THE INFIDELS
BUT TO HAVE MERCY ON MANKIND

NONE OF YOU TRULY HAVE THE FAITH
IF YOU DO NOT DESIRE FOR YOUR BROTHER
THAT WHICH YOU DESIRE FOR YOURSELF

THE EAST AND THE WEST IS GOD'S: THEREFORE,
WHICHEVER WAY YOU TURN, THERE IS THE FACE OF
GOD

TA KHÔNG PHẢI ĐẾN ĐỂ TRỪNG PHẠT KẸ PHẢN BỘI
MÀ LÀ ĐỂ YÊU THƯƠNG LOÀI NGƯỜI

KHÔNG AI CÓ THỂ TỰ CHO RẰNG MÌNH CÓ ĐỨC TIN
THẬT SỰ NẾU MÌNH KHÔNG MƯU CẦU CHO KẸ KHÁC
NHỮNG GÌ MÌNH MUỐN CHO CHÍNH MÌNH

THƯỢNG ĐẾ Ở MỌI NƠI DÙ ĐÔNG HAY TÂY

JUDAISM - DO THÁI GIÁO

THOU SHALT LOVE THY NEIGHBOR AS THYSELF

DO NOT DO UNTO OTHERS
WHAT THOU WOULDST NOT THEY DO UNTO THEE

HEAR, O ISRAEL. THE ETERNAL IS OUR GOD,
THE ETERNAL IS ONE.
THE ETERNAL ONE OF ALL BEING IS THE GOD WITHIN
US

THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THƯƠNG MÌNH

ĐỪNG LÀM CHO KẸ KHÁC
NHỮNG GÌ MÌNH KHÔNG MUỐN LÀM CHO MÌNH

HÃY NGHE ĐÂY NGƯỜI ISRAEL. THƯỢNG ĐẾ LÀ ĐÁNG
BẤT DIỆT,
ĐÁNG BẤT DIỆT LÀ ĐÁNG DUY NHẤT
ĐÁNG BẤT DIỆT CỦA CON NGƯỜI LÀ THƯỢNG ĐẾ
TRONG TA

TAOISM - LÃO GIÁO

THE EXCELLENCE OF FRIENDSHIP IS MEASURED BY
LOVE
WHO LOVES PEOPLE AS HE LOVES HIMSELF

MYSELF AND GOD AND EARTH ARE BORN TOGETHER
MYSELF AND TEN THOUSAND BEINGS ARE ONE

DÙNG TÌNH THƯƠNG YÊU ĐỂ ĐO LƯỜNG TÌNH BÈ BẠN
KHI TRỊ THẾ, THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THƯƠNG MÌNH

TA CÙNG TRỜI ĐẤT ĐỒNG SINH
TA CÙNG MUÔN VẬT SỰ TÌNH CHĂNG HAI

UNITY AND DIVERSITY COUNCIL
(HỘI ĐỒNG HIỆP NHỨT TÔN GIÁO ĐA DẠNG)

WE ARE THE CHILDREN OF THE WORLD
WE ARE ONE

CHÚNG TA CÙNG ĐỀU LÀ CON CÁI CỦA THẾ GIẠN
CHÚNG TA CÙNG ĐỀU LÀ MỘT

ZOROASTRIANISM
BÁI HOẢ GIÁO

ALL BEINGS ARE BELOVED OF THE LORD
AND SHOULD LOVE GOD IN RETURN

THAT NATURE ONLY IS GOOD WHEN IT SHALL NOT
DO TO ANOTHER WHATEVER IS NOT GOOD FOR ITS
OWN SELF

THE SOUL OF THE RIGHTEOUS SHALL BE JOYFUL IN
IMMORTALITY

THƯỢNG ĐẾ YÊU THƯƠNG MUÔN LOÀI
VÀ TRẢ LẠI MUÔN LOÀI PHẢI YÊU THƯƠNG THƯỢNG
ĐẾ
ĐỪNG LÀM CHO KẺ KHÁC NHỮNG GÌ KHÔNG TỐT
CHO MÌNH

LINH HỒN CỦA NGƯỜI TỐT SẼ LUÔN ĐƯỢC AN VUI BẤT DIỆT

Beside the principle “Love and Justice” which has an important role in the daily life of humanity, most religions believe that one has the Supreme Being, or God, or Buddha inside oneself which is usually understood as conscience. It is the Spirit or one’s true self bestowed by the Supreme Being. It is called Microcosm by Zoroasterianism, True Self by Hinduism, Buddha’s heart by Buddhism, God’s heart by Taoism, Soul by Christianity, Rei by Shintoism, Nafs-e-mutamannah by Islam, and little sacred light by CaoDai...Caodai said: “After creating the universe, I divided My spirit and with it made all creatures, plants and materials. Everything in this universe comes from My spirit, and therefore has a life. Where there is life, there is Myself even in materials and plants. I am each of you and you are Me.”

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển p. 170)

Hinduism:

When are liberated all the desires that lodge in one’s heart, then a mortal becomes immortal, therein he reaches Brahman. He that has known the glory of the self within the ephemeral body – that stumbling block to enlightenment – knows that the self is one with Brahman, Lord and Creator of all.

Brihadaranyaka Upanishads

A person of the measure of a thumb, is the inner soul (antaratman) ever seated in the heart of creatures, he is framed by the heart, by the thought, by the mind; they who know that, become immortal.

Svetasvatara Upanishads

Taoism:

The heart is the Tao, the Tao is the heart.
Return to the heart to find the Tao.

You can see the whole world
Without leaving your room.
You can see the universe
Without even looking out your window.
In fact, it is often true
That the farther one travels
The less one sees.
By looking inside himself,
The wise man sees with his heart and his mind,
And his heart and his mind see everywhere.
Tao Te Ching

Christianity:

There is one God and Father of all, who is above all and through all, and in you all. (Eph. 4:6)
For the Kingdom of God is within you. (Luke 17:21)
Don't you realize that all of you are the house of God, and that the Spirit of God lives in his house. (1 Cor 3:16)
For though we have never yet seen God, when we love each other, God lives in us and his love within us grows ever stronger. And he has put his own Holy Spirit into our hearts as a proof to us that we are living with him and he with us. (I John 4:12-13)

Buddhism:

I am a Buddha already enlightened
You are a Buddha who will be enlightened.

Every human being has a Buddha inside.

The heart is Buddha,
Buddha is in the heart.

Islam:

We (God) are nearer to him (man) than his jugular vein. (Koran 50:16)

One of the most persistent doctrine of Sufism is inwardness. They despite outward piety and shallow religious rituals. "Direct thyself to the inward and thou shalt see thy God."

Poem of the Sufi Hallaj:

I saw my Lord with the Eye of the Heart.

I said: "Who are thou?"

He answered: "Thou"

(Martin Lings, What is Sufism. 1995.)

CaoDai:

I, your Master, am you, My children, are Me.

Nhien Dang (Dipankara) Buddha is Me,

Sakya Muni (Gautama Buddha) is Me,

Thai Thuong Nguon Thi (Lao Tse) is Me,

Who is CaoDai.

Buddha, God; God, Buddha are Me,

Although different, all branches belong to one same trunk (family),

Buddhism, Taoism, Christianity are in My hands,

Because of love, I come to save humanity for the 3rd time.

It's miraculous, God and men are one.

(Dai Thua Chon Giao p.65)

We are One Universal Mind

Immense and omnipresent

Although our selves do not exist, we still individually exist

We individually exist, but we are still One Universal Mind

The Tao is the first cause, the Master,
And is one with ten thousand beings.
(Thanh Giao Suu Tap 1966-67, p. 35)

Children, you are sacred spirits on earth,
Who share with Me the same sacred light..
You have already the key,
To go to anywhere either to earth or to heaven.
(Thanh Giao Suu Tap 1966-67, p. 36)

Isn't it wonder in the presence of how much religions have in common? If an individual as well as a religion takes time to study others' religions, one would realize that they are but one unique truth which has been expressed under different ways. At this moment, in this current situation of the world, the existence of CaoDai is just to remind humanity and all religions that **ALL RELIGIONS ARE OF ONE SAME ORIGIN, OF ONE SAME PRINCIPLE AND ARE JUST DIFFERENT MANIFESTATIONS OF ONE SAME TRUTH.**

A thorough study of all religions leads to the conclusion that **ALL RELIGIONS ARE ONE**, not in their historical accuracy or separate customs, but in their essential message:
ALL RELIGIONS COME FROM ONE COMMON DIVINE SOURCE

ALL ETHICS ARE ESSENTIALLY CONTAINED IN THE GOLDEN RULES AND LOVE ALL HUMANITY IS ONE COMMON FAMILY
DIVINITY CAN BE EXPERIENCED AND REALIZED IN THE INDIVIDUAL THROUGH PRAYER/MEDITATION

GOOD DEED ARE REWARDED, EVIL DEEDS ARE PUNISHED etc....

The noble effort of CaoDai is to unite all of humanity through a common vision of the Supreme Being, whatever our minor differences, in order to promote peace and understanding throughout the world.

CaoDai does not seek to create a gray world, where all religions are exactly the same, only to create a more tolerant world, where we can all see each other as sisters and brothers from a common divine source and reaching out to a common divine destiny.

If people are open to read and study on their own each other's religions, or to contact other religious communities in their areas to talk to the religious leaders and perhaps to some of the faithful as well to simply build a continuing dialogue of understanding between them, this would be likely the most powerful weapon against hatred and intolerance, and hopefully many friendships will result.

In addition, various church groups could organize meetings where different religions could be discussed, speakers could be invited, videos and music of different traditions could be shown, and understanding between humans would be enhanced.

Also, could charity projects for communities be established with participation of everyone regardless their religions, and their ethnic origins so that through love and compassion for the needies, humans would become closer and closer to each other, love would develop between them as a solid bond, and peace would be subsequently be found between individuals at first, and then progressively in local communities and finally on earth

HT. Hum D. Bui, M.D.



Việc Liên Lạc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm / Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Ban Quản Nhiệm Bắc California, Ban Quản Nhiệm Nam California và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

I- Ban Quản Nhiệm Hải Ngoại:

1- *Địa chỉ* : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

2- *HT. Nguyễn Ngọc Dũ*, Phone & Fax: (408) 238-6547

E- mail: dutani@juno.com

3- *HT. Nguyễn văn Cầu*, Phone: (408) 262-4209

Fax: (408) 262-2948, E-mail: caunguyencd@yahoo.com

4- *HT. Mai văn Tim*, Phone: (425) 265-1095

E-mail: TIMMAI@juno.com.

II- Tập San Thế Đạo:

- **Tập San Thế Đạo** :3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA.
95121- 1716

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:

Trần Đức Nhuận, Phone: (408) 929-5167

- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:

HTDP Huỳnh Mãng, Phone: (714) 544-5698

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:

HTDP Trần văn Tánh, Phone: (678) 422-8784

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Texas:

HTDP Lý Trường Tho, Phone: (281) 988-9858

- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario,
Canada:

HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 598-0629

Fax: (416) 780-1829

III- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Texas:

HT. Lâm Hoàng Minh, Phone: (281) 575- 0277

2- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Miền Đông và Đông Nam Hoa Kỳ:

HT. Nguyễn Thừa Long, Phone: (504) 831-3152 .

3- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Washington:

HT. Mai Văn Tim, Phone: (425) 265-1095

4- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Úc Châu:

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

IV- Ban Thế Đạo Bắc California:

1- Địa chỉ: 932 Deer Meadow Ct , San Jose, CA. 95122

2- HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 924-0763

E- mail: tn_ndk@yahoo.com

V- Ban Thế Đạo Nam California:

1- Địa chỉ: 8791 Orangewood Ave., Garden Grove, CA.

92841, Phone & Fax: (714) 636-6622

2- HT. Bùi Văn Nho, Phone: (909) 687-3010,

Fax: (909) 687-3010.

VI- Yểm trợ tài chánh:

Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

Chi phiếu hoặc Money Order xin gửi về:

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

3076 Oakbridge Dr.,

San Jose, CA. 95121-1716

Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo:



Nhiệm-vụ Ban Thế Đạo là tuân Thế Luật của Đạo, đem công sức và giáo lý hướng dẫn nhơn sanh trở về nguồn cội Đạo ,tô điểm cho nền Đạo mỗi ngày một thêm huy hoàng.

Nội Luật Ban Thế-Đạo

**DANH SÁCH đồng đạo / Thân hữu /
Cơ-Sở yểm trợ Tập-San Thế-Đạo
(từ ngày 08-04-2003 đến ngày 20-07-2003)**

STT	Đồng đạo / Thân hữu / Cơ-Sở	USD
1	Nguyễn Ngọc Sương, Garden City, KS	\$50.00
2	Đỗ Văn Tâm, Syracuse, NY	\$20.00
3	HT Lê Văn Nghiêm, Stone Mountain, GA	\$50.00
4	CTS Trần Thái Xương, Camden, NJ	\$50.00
5	Nguyễn Thai Khanh & Trinh Thị Kim Liêng, Vancouver, WA	\$40.00
6	CTS Nguyễn Văn Hưởng, Stone Mtn, GA	\$40.00
7	HTDP Huỳnh Long Vận & HTDP Phan Thị Thu Hồ, Westminster, CA	\$150.00
8	HTDP Nguyễn Văn Đông, Harvey, LA	\$100.00
9	Century Collision & Service Center (Phan Ngọc Vinh) 60 Stockton Ave , San Jose , CA 95126	\$100.00
10	Ấn Danh, San Jose, CA	\$20.00
11	Nguyễn Thị Đẹp, Milpitas, CA	\$30.00
12	Trần Đức Nhuận, San Jose, CA	\$10.00
13	T&N Dental Care, Inc Tường H. Nguyễn, DDS & Huệ M. Tô, DDS 125 N Jackson Ave, Suite 104, San Jose, CA 95116	\$200.00
14	HTDP Sam Nguyễn, San Jose, CA	\$20.00
15	Đỗ Danh Dự, San Jose, CA	\$20.00
16	Phạm Thị Minh, DDS, San Jose, CA	\$50.00
17	Dương Thị Huỳnh, San Jose, CA	\$20.00
18	Nguyễn Thành Cứ, Pearland, TX	\$20.00
19	Nguyễn Hồng Lam, San Jose, CA	\$20.00
20	HTDP Võ Hoàng Ngô, Memphis, TN	\$100.00
21	Hồ Văn Dẫn, Garden Grove, CA	\$10.00
22	Đặng Thị Cư, San Diego, CA	\$10.00
23	HT Nguyễn Văn Chính, Fontana, CA	\$20.00

24	Sandy Dental P.C Trần Minh Khiết, DDS 1672 McKee Road, San Jose, CA 95116	\$200.00
25	Lê Văn Tiên, San Diego, CA	\$10.00
26	Thomas Tiến Nguyễn, Garden Grove, CA	\$20.00
27	HT Châu Văn Hai, Houston, TX	\$30.00
28	HT Mai Văn Tâm, Everett, WA	\$20.00
29	Thánh Thất Seattle, WA	\$30.00
30	HT Nguyễn Tấn Khoa, Marrero, LA	\$50.00
31	Biện Nhi Nguyễn Ngọc Linh, Garden Grove, CA	\$60.00
32	HT Trần Văn Hữu, Vista, CA	\$20.00
33	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, CA	\$20.00
34	PTS Trần Văn An, Seattle, WA	\$40.00
35	Hà Thị Nết, Orange, CA	\$20.00
36	CTS Đoàn Diễm Trung, Antelope, CA	\$20.00
37	HT Cao Văn Bảy, Lawrenceville, CA	\$20.00
38	Nguyễn Thị To, San Diego, CA	\$20.00
39	HTDP Nguyễn Quang Trạch, Marietta, GA	\$20.00
40	HT Võ Thanh Bốn, Dorchester, MA	\$40.00
41	Nguyễn Văn Thế, Houston, TX	\$20.00
42	HTDP Trần Văn Điều, Houston, TX	\$50.00
43	HT Nguyễn Thừa Long, Gretna, LA	\$150.00
44	Lê Văn Hiệu, Westminster, CA	\$10.00
45	Dương Văn Vàng, Tampa, FL	\$20.00
46	HT Nguyễn Thị Hạnh, Aloha, OR	\$50.00
47	HTDP Lý Trường Thọ, Houston, TX	\$50.00
48	Lưu Quốc Minh, Holliday, FL	\$20.00
49	Huỳnh Ngọc Lễ, Garden City, KS	\$20.00
50	Nguyễn Đức, Rockford, IL	\$20.00
51	TS Vương Kim Huệ, Tucker, GA	\$30.00
52	Dương Hiến Hệ, San Clemente, CA	\$50.00
53	Nguyễn Tấn Đạt, San Diego, CA	\$10.00
54	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA	\$20.00
55	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	\$20.00
56	Trần Quang Sang, Morrow, GA	\$20.00
57	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	\$20.00

58	Nguyễn Văn Nhờ, Lawrenceville, GA	\$60.00
59	Hà Văn Chính, Garden Grove, CA	\$20.00
60	Nguyễn Thanh Tòng, Loganville, GA	\$20.00
61	Trần Minh Thành, San Jose, CA	\$50.00
62	PTS Lê Ngọc Diệp, Worcester, MA	\$50.00
63	Trần Thị Lương, San Jose, CA	\$20.00
64	Mai Thanh Tuyết, Ph.D, Orange, CA	\$20.00
65	HT Lê Văn Khiêm, Vancouver, Canada	\$50.00
66	Phan Phi Hùng, Calgary, Canada	\$20.00
67	HT Lê Quang Thay, Edmonton, Canada (\$Can 50)	\$36.04
68	Võ Thành Tuấn, Montreal, Canada (\$Can50.50)	\$36.55
69	Phạm Thị Niệm, Victoria, Australia (\$Australia 50)	\$33.07
70	Ngô Phát, Bass Hill, NSW, Australia (\$Australia 20)	\$13.15
71	Nguyễn Chí Hiền, Thiais, France (\$ Euro 20.00)	\$21.88
72	Nguyễn Thị Đàng, Toronto, Canada (\$Can100.00)	\$68.96
73	Phan Văn Phước, Toronto, Canada (\$Can 20.00)	\$13.79
74	Huỳnh Công Tạng, Toronto, Canada (\$Can 20.00)	\$13.79
		\$ 2,917.23

Tổng cộng danh sách này là Hai ngàn chín trăm mười bảy đôla hai mươi ba xu (\$ 2,917.23).

San Jose, ngày 17-07-2003


Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Trân trọng giới thiệu đồng đạo và thân hữu về vấn đề mua bán nhà đất, vay mượn nợ, xin liên lạc Chương Thái theo địa-chỉ sau:

Century 21

All Stars

8682 Beach Blvd., Suite 200
Buena Park, California 90620
Business (714) 226-9696
Fax (714) 226-9595
Cell (714) 863-5696
E-Mail thai-chuong@yahoo.com
Web Site www.c21allstarhomes.com

Each Office Is Independently Owned And Operated 

Chuong Thai
Sales Associate



MLS

TÓM LƯỢC

Hội Tương Tế Cao Đài

(TC Thông Báo số 02/HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2002)

A-Mục đích, ý nghĩa thành lập:

Thể hiện và vun bồi tình “*tương thân, tương ái*” giữa người Tín Đồ Cao Đài

- Phát huy tinh thần “*Từ Bi, Công Bình, Bác Ái*” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam Giáo.

B- Nét đặc trưng của Hội Tương tế Cao Đài:

- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.
- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (*công quả*) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.
- Dẫn đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:

- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.
- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung.

D- Trách nhiệm, nghĩa vụ Hội viên:

- Khi gia nhập, nộp một lần tiền đóng ban đầu là (60) Mỹ kim gồm tiền Dự Trữ Phúng điếu là (40) Mỹ kim và tiền niên liễm là (20) Mỹ kim.- Định kỳ nộp niên liễm là (20) Mỹ kim / năm

- Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (15) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức và (07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên

E- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định .

(Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

G- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về: **Ban Điều Hành / Hội Tương Tế Cao Đài, số 3032 Peppermint Dr., San Jose, CA. 95148**

H- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

HT. Nguyễn Văn Cầu - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị., Phone: (408) 262 - 4209 - Fax: (408) 262 - 2948 - E - Mail: caunguyencd@yahoo.com-

-**HT. Nguyễn Ngọc Dũ** - Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
Phone & Fax: (408) 238 - 6547 - E - Mail: dutani@juno.com

- **HTDP. Dương Văn Ngừa** - Trưởng Ban Điều Hành
Địa- chỉ : 3032 Peppermint Dr., San Jose, CA. 95148
Phone & Fax : (408) 528 - 6435 - E mail: datthong@earthlink.net

(***Chú thích:** Xin xem Hội Tương Tế Cao Đài / Website Ban Thế Đạo
[http://www. Banthedao.org](http://www.Banthedao.org))

HỘI TƯƠNG TẾ CAO-ĐÀI

CON ĐƯỜNG CỨU RỖI CỦA ĐẠO CAO-ĐÀI

• Quang Thông

● "Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần Thánh Tiên Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả.

Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc Đạo cùng chẳng tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn....."

Mỗi nền tôn giáo đều có những phương pháp độ rỗi như loại khác nhau, khi thành lập Phật Giáo, Đức Phật Thích Ca tìm ra Tứ diệu đế và phương pháp tham thiền nhập định để làm cơ giải khổ cho chúng sanh. Còn Chúa Cứu Thế đến rao giảng lòng bác ái và Đức tin để nhờ đó con người được cứu rỗi... Là vì vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ loài người chưa mang nghiệp quả nặng nề như ngày nay là buổi Hạ nguyên là nguyên cuối cùng nên nghiệp lực nhân sinh chông chất...

Mà nghiệp quả tức là những món nợ con người mang từ kiếp này sang kiếp khác. Mỗi một kiếp sanh, ngoài các món nợ cá nhân này vay của cá nhân khác, mỗi con người đều chịu nợ áo cơm của cha mẹ, ông bà, gia đình ...nuôi dưỡng mới nên người khôn lớn. Ngoài ra nợ ngọn rau tất đất tức là nợ của xã hội, đồng bào, nhân loại đã cung cấp những nhu cầu thiết yếu cho thể xác, tinh thần chúng ta...

Nếu trong kiếp sanh chúng ta biết giàu lòng nhân ái, biết thương người mến vật cứu khó trợ nghèo, biết làm điều ích nước lợi dân thì cũng trả được phần nào món nợ đã mang, nhưng thử hỏi có bao nhiêu người được như vậy? Vì bản tánh con người là muốn làm lợi cho mình, thậm chí hại cho người ta vẫn làm, do đó món nợ tiền khiên ấy chúng ta không trả mà

càng ngày lại vay thêm bảo sao không chồng chất nặng nề .

Thông thường khi thiếu một món nợ hoặc là vật chất hay tinh thần, chúng ta phải trả bằng tiền bạc hoặc bằng một công sức nào đó...Do vậy ngày nay Đức CHÍ-TÔN đến mở Đạo Ngài lấy đề mục là hai chữ Công Quả để làm đề thi cho con cái Ngài tạo ngôi đoạt vị. Lập công quả chính là cách để thanh toán các món nợ tiền khiên, khi nào thanh toán hết các món nợ nấy thì mới có thể thảnh thơi về cõi Thiêng Liêng Hằng sống hay là giải thoát.

Đề mục này xét ra dễ thực hiện hơn là đề mục của các thời kỳ trước đây, vì công quả là cái gì có thể đo lường, nhận thấy được chứ không quá trừu tượng huyền vi. Chúng ta có thể làm công quả với một khả năng thể xác và tinh thần bình thường chứ không cần phải siêu việt mới làm được. Chỉ cần một cái tâm hướng về tha nhân, một chút cố gắng là chúng ta có thể lập công quả được.

Theo Đức Hộ-Pháp thuyết giảng thì việc lập công bởi đức gồm có ba phần: lập công, lập đức và lập ngôn:

Lập đức là tự trau dồi nhân cách, phẩm chất con người của ta để mọi người nhìn vào ngưỡng mộ thán phục.

Lập công là dùng tiền bạc công sức để giúp đỡ người khác qua cơn hoạn nạn khốn cùng, hoặc là hành vi có ích lợi cho xã hội nhân quần.

Lập ngôn là dùng lời nói để giúp người hiểu rõ lẽ chánh tà, noi theo đường Đạo đức tu hành để trở về ngôi xưa cảnh cũ.

Vậy lập công quả chính yếu là hai phần lập công và lập ngôn trên đây.

Điều cần là chúng ta phải nhập tâm việc làm công quả, nghĩa là bất cứ lời nói, việc làm hay suy nghĩ của ta phải thuận nhân tâm, hay ít ra cũng không có gì hại cho người khác.

● Thái độ chúng ta lúc lập công quả:

Khi lập công quả chúng ta cần phải có thái độ thành khẩn, khiêm nhường, vì chúng ta biết rằng công quả ta tạo được dầu không ai biết vẫn có Chư Thần Thánh chứng tri, ghi công cho ta. Nếu chúng ta vì tạo được chút công mà tự hào, phô trương, lên mặt thì công quả ấy đã giảm đi phần nào hoặc không còn giá trị nữa. Điều đó là thể hiện cái đức của ta đó vậy.

Cõi thế tìm nơi đạo đức vào,
Lòng thành Thần Thánh chứng công lao,
Nhơn sanh thấy khổ đưa tay cứu,
Chẳng mất phần sau địa vị cao. (TNHT, trg 228)

● Cơ hội lập công quả dầu nhỏ cũng làm:

Điều này kinh sách đã dạy rất nhiều rồi, như trong kinh Sám hối:

Năng làm phải nhứt nhu ngoạt nhiễm,
Lâu ngày đồn tính đếm có dư,
Phước nhiều tội quá tiêu trừ,
Phép Trời thưởng phạt không tư chẳng vì.

-Lời di ngôn của ông Lưu Bị dạy con có câu rằng:

“Thấy việc thiện nhỏ chớ gọi nhỏ mà không làm, thấy việc ác nhỏ chớ gọi nhỏ mà làm”.

-Lại như trong kinh sách Phật cũng có kể câu chuyện: Đức Phật là bậc đại phúc đức mà Ngài còn giúp cho một vị Tỳ kheo già xỏ chỉ vào lỗ kim may để lập thêm công đức. Đức Phật muốn dạy chúng ta bài học là dù một công quả rất nhỏ nhứt cũng không nên bỏ qua.

● Giá trị của việc lập công còn tùy thuộc vào cái tâm của ta :

Nếu có hai người, một người giàu và một người nghèo khổ bần hàn, cùng hiến một số tiền công quả bằng nhau, nhưng nếu so sánh thì người nghèo kia phải hy sinh nhiều hơn, do đó

sẽ có công quả hơn người giàu.

Câu chuyện sau đây do chính Đức Hộ-Pháp kể trong bài thuyết Đạo ngày 12 tháng 6 năm Quý Tỵ (1953) là một thí dụ điển hình:

“ Qua nhắc lại một sự tích bên xứ La Mã, trong lúc khởi tạo Đền Thánh, hễ ai dâng hiến tiền của thì được ghi tên vào bảng vàng trước Đền Thánh, tiền của nhiều đứng trên dần theo thứ tự, chót hết là một đồng bạc.

Ngày nọ ăn lễ Khánh Thành, bắt đầu vào cuộc lễ trót mấy ngày trước rồi lại đến chánh lễ, lúc giờ Tý thì đèn chung quanh đền Thánh sáng như ban ngày, nhứt là trước bảng vàng ai nấy đều thấy có tên mình thì rất mãn nguyện vọng.

Nhưng có một việc làm cho tất cả người đều bất mãn, họ nói Hội Thánh bất công bình, tại sao trên chót có hai tên cúng có 2 đồng bạc, bên nam một vị, bên nữ một vị. Sự bất đồng lại sôi nổi làm cho Hội Thánh phải đình cuộc lễ để sai người leo lên đục lấy hai tên đó ra, lạ một điều là cả bao nhiêu người leo lên đục hết sức mà chữ vàng ấy vẫn không sờn, đến cuối cùng soát lại trong số người cúng tiền cũng không có hai tên đó.

Sau khi truy ra thì hai tên đó không phải là người đồng đạo, một tên là người mù hành khất nuôi thân, còn bên nữ thì một tên giữ lửa cắt cỏ mướn để nuôi gia đình (lâu quá nên quên tên hai vị ấy) .

Bắt đầu hỏi thì người ăn mày trả lời: “việc đó tôi không biết, bốn phận tôi ăn xin bữa đói bữa no, ngày tối nghe cất chùa thờ CHÍ-TÔN mới nghĩ rằng người ta tiền nhiều cúng chùa mới ghi tên, còn phận mình ăn xin mấy ngày mới được một đồng bạc, mà muốn cúng chùa thì thẹn nên lén đến bỏ vào tủ một đồng bạc, ý định không ghi tên vào sổ tiền tiêu mọn rồi đi ra”.

Còn cô nữ kia trả lời: “Thân tôi cắt cỏ mướn, mỗi ngày phải có bao nhiêu bó cỏ chủ mới trả tiền, bằng thiếu thì bị

truất, nên tôi cố làm cho quá giờ, dư bố nào thì đi ngang qua Đền Thánh thấy lửa kéo vật liệu đói thầy cho một bó cỏ ăn”.

Sau khi nghe rõ ai cũng cảm động và nhìn nhận là xứng đáng, đó là quyền Thiên Liêng định luật công bình lành dữ không sai mảy nào.

Hội Thánh mời chủ cúng tiền nhiều hỏi ý kiến thì họ trả lời: “chúng tôi đồng ý cho hai vị ấy đứng trên hết, mặc dù số tiền mọn mà tâm đức lớn, chúng tôi có cúng số tiền cả ngàn đi nữa, chúng tôi cũng còn ở gia đình, còn xét lại người tàn tật ăn xin cả mấy ngày mới được một đồng, mà họ dám nhin đói cúng chùa, thì người có âm đức hơn chúng tôi”.

Trở lại lời Thánh giáo Đức CHÍ-TÔN: ...Còn Thần Thánh Tiên Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả”, tức là Thầy xác nhận đề mục của buổi Tam Kỳ này là lập Công quả. Cho nên nếu chúng ta vào trường thi, chúng ta phải làm theo đề tài đã ra chớ không theo đề tài thì chắc là không đậu đặng rồi.

Và trước khi đi thi, Thầy cũng cho chúng ta đến trường để học tập :

“Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc Đạo cùng chăng tại nơi các con muốn cùng chăng muốn.....”

Thầy cũng từng dạy bảo: Thầy không phải đến bằng ả chúng ta để lên ngôi vị Thần Thánh Tiên Phật mà đến lập cho các con cái Thầy một trường công quả để tự sức chúng ta đoạt thủ địa vị mình. Trường công quả đó là gì ?

- Phải chăng là Thầy đem Cửu Trùng Thiên để nơi mặt thế này qua các bậc phẩm Cửu Trùng Đài? Phải chăng là Thập Nhị Đẳng cấp thiên liêng nơi cửa Phước Thiện ? Phải chăng là những bí pháp đặng Đạo Thầy để trong những nghi thức truyền thống của nền chơn Đạo ?

- Đức Hộ-Pháp từng thuyết giảng rằng Đức CHÍ-TÔN

Đại Từ Phụ rất thương yêu con cái của Ngài nên những gì Ngài để trong nền chơn giáo của Ngài đều có hữu ích cho nhơn sanh chớ không có điều gì dư thừa vô ích đâu. Nói tóm lại cả các cơ thể của Đại Đạo đầu thể pháp hay bí pháp đều là cần yếu cho con đường đạt Đạo của con cái Đức CHÍ-TÔN vậy. Bởi thế nên trong Di Lạc Chơn Kinh có câu : *...tùng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ tất đắc giải thoát.*

Giờ có thể có người đặt vấn đề rằng: Đạo Cao Đài thành lập nay đã gần 80 năm rồi, có bao nhiêu người đã nhập trường công quả và đạt Đạo về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống ?

Điều này thì chúng ta không thể kể hết được nhưng chúng ta đã thấy, đã nghe đa số các vị Tiên bối thuộc Hiệp Thiên và Cửu Trùng Đài khi qui vị và sau này đều có về cơ cho biết đã được cao thăng Thiên vị, và cha mẹ các vị cũng được nhờ công con mà đoạt vị.....Rồi còn biết bao nhiêu vị Thánh Tử Đạo được đem vào thờ nơi Bát Quái Đài. Đặc biệt nơi cửa Phạm Môn là những vị không mang áo mào phẩm tước, chỉ thuần túy lập công quả đã đạt vị Thần Thánh Tiên...

Hai tấm gương sáng chói nhất là hai vị Phối Thánh Phạm Văn Mãng và Phối Thánh Bùi Ái Thoại, chịu nhiều khổ hạnh truân chuyên trong kiếp sanh nhưng một lòng trung kiên, nhẫn nhục lập công quả và đã đoạt vị vinh hiển

• *Quang Thông*

(07-2003)

ĐỌC và CỔ ĐỘNG
Tạp-San Thể Đạo

Tin Tức Đạo Sự

1-Hương Đạo Sacramento: Một hương đạo mới được thành lập của Châu Đạo California.

Vào ngày 11 tháng 11 năm Nhâm Ngọ (14-12-2002) chức việc Bàn Trị-Sự Tộc-Đạo Santa Clara , Hương Đạo San Jose, đã đến khai đàn thượng Tượng tư gia của Hiền Tỷ Nguyễn Thị Đạm tại số 5660 đường Vista Ave, Sacramento.

Nhận thấy đồng đạo tại địa-phương khá đông, Tộc Đạo nghĩ ý tổ-chức chức việc Bàn Trị-Sự tại địa-phương và được đồng đạo nhiệt tình hưởng ứng. Vì thế nên sau lễ thượng Tượng, một buổi họp đã được diễn ra và Hiền Huỳnh Đoàn Điền Trung được đề cử giữ nhiệm-vụ Chánh Trị- Sự Hương Đạo sở tại được gọi là Hương Đạo Sacramento. Và vào ngày 09 tháng giêng Quý Mùi (nhằm ngày 09-02-2003) lễ tuyên thệ nhậm chức Chánh Trị-Sự của Hiền Huỳnh Đoàn Điền Trung đã được tổ-chức một cách trọng thể tại Thánh Thất San Jose.

Do sự kêu gọi , vận động khéo léo của CTS Đoàn Điền Trung cho nên vào ngày 26-03 Quý Mùi (27-04-2003) một buổi nhóm họp tại nhà vị Nguyễn Thị Đạm đã được tổ-chức để công cử chức việc Bàn Trị- Sự cho Hương Đạo Sacramento..

Phái đoàn từ San Jose lên tham dự phiên họp gồm có:

- Q. Đầu Tộc Santa Clara CTS Nguyễn Văn Rài.
- HT Nguyễn Ngọc Dũ, Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.
- HT Nguyễn Đăng Khích, Ban Thế-Đạo Bắc California.
- Q. Quản Tộc Điện Thờ Phật Mẫu San Jose HT Hồ Xưa.
- HTDP Dương Văn Ngừa, Q.Trưởng Nhiệm Xã-Hội Ban Thế-Đạo Hải Ngoại, Trưởng Ban Điều Hành Hội Tương Tế Cao-Đài.

Buổi họp bắt đầu sau giờ cúng Ngọ. Sau nghi lễ Đạo và thể thức họp, phiên họp đã diễn ra trong tinh thần thương yêu, hy sinh vì Đạo và đã có kết quả như sau:

CTS nam : HH Đoàn Điền Trung

CTS nữ : HTỖ Nguyễn Thị Dạm
Phó Trị-Sự : - HH Lương Văn Chính.
Thông Sự : - HH Nguyễn Văn Đăng.
Từ hàn và Công vụ: HH Lý Quang Tú.
Phụ trách đồng nhi: Đoàn Ngọc Anh Thư.
Nhạc : Nhạc sĩ Lê Văn Tuồng.

Hương Đạo Sacramento là đơn vị Đạo thuộc Châu Đạo California. Tuy nhiên vì mới được thành lập cho nên trong giai-đoạn đầu, tất cả Chức Việc Bàn Trị-Sự Hương Đạo Sacramento đều yêu cầu được hành đạo theo hệ thống Tộc-Đạo Santa Clara cho đến khi nào tổ-chức được Tộc-Đạo Sacramento.

Văn Phòng Hương Đạo Sacramento được đặt tại địa-chỉ sau:

Hương Đạo Sacramento
5660 Vista Ave
Sacramento, CA 95823

Phiên họp công cử chức việc Bàn Trị-Sự Hương Đạo Sacramento đã được chấm dứt vào lúc 3 giờ cùng ngày.

2- Đại-Đạo Thanh-Niên Hội Santa Clara, California

Lễ Bế giảng khóa 5 trường Việt Ngữ Đại-Đạo

Vào ngày 29-06-2003, tại Điện Thờ Phật Mẫu San Jose, Đại-Đạo Thanh Niên Hội Santa Clara đã tổ-chức lễ bế giảng khoá 5 trường Việt Ngữ Đại-Đạo.

Hiện diện trong buổi lễ chúng tôi nhận thấy có:

-HH CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu-Tộc Tộc-Đạo Santa Clara và một số chức việc BTS Tộc Đạo.

-HH HT Hồ Xưa, Q. Quản Tộc ĐTPM San Jose và Bàn Cai Quản ĐTPM.

-HH HT Nguyễn Ngọc Dũ, Ban Thế-Đạo Hải Ngoại.

-HTDP Dương Văn Ngừa, Ban Thế-Đạo Bắc California, Trưởng Ban Điều Hành Hội Tương-Tế Cao-Đài.

-Đồng đạo, phụ huynh học sinh, các thầy cô và các em học sinh.

Buổi lễ bắt đầu vào lúc 10.20 am và sau phần nghi lễ chào quốc kỳ Việt -Mỹ, Huỳnh Trần Minh Thành, Hội Trưởng Đại-

Đạo Thanh-Niên Hội Santa Clara, Hiệu Trưởng Trường Việt Ngữ Đại-Đạo, chào mừng quan khách và tường trình kết quả các lớp học trường Việt Ngữ trong thời-gian qua.

Kế tiếp HH CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara phát biểu cảm tưởng tuyên dương công lao và sự hy sinh của các thầy cô dạy trường Việt Ngữ và mong các em cố gắng học hành để khỏi phụ lòng mọi người. Kế tiếp là Huynh Nguyễn Văn Bé, Đại diện phụ huynh học sinh, cháu Nguyễn Ngọc Dao, đại diện học sinh và thầy Trung, đại diện các thầy cô lần lượt phát biểu cảm tưởng.

Sau hết là phần phát quà cho các em học sinh xuất sắc.

Buổi lễ đã được chấm dứt vào lúc 12.30 pm cùng ngày sau khi phụ huynh đã ghi danh cho con em vào học khóa 6 trường Việt Ngữ Đại-Đạo.

Quý phụ huynh chưa ghi danh cho con em, xin liên lạc:

-Trần Minh Thành : 408-501-5377

-Trần Chí Dũng : 408-979-0603

3-Tin Nam California

Ngày Chiến-Sĩ Trận Vong (Memorial Day 26-05-2003_

Nhân kỷ-niệm ngày Chiến Sĩ Trận Vong 2003, Châu-Đạo California đã tổ-chức một phái-đoàn đi thăm viếng nghĩa trang Quân Đội Quân Lực VNCH tại thành-phố Westminster, California. Thành phần phái đoàn gồm có:

-HT Phạm Văn Khảm, Phụ-Tá Ngoại-Vụ Châu Đạo .

-CTS Phạm Ngọc Tấn, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Orange.

-Cựu Đại-Tá Tạ Thành Long.

-Ông Nguyễn Lý Sáng, Hội Trưởng Tây-Ninh Đồng Hương Hội.

-CTS Trần Văn Hùng, Thánh-Thất Orange .

-Luật-Sự Nguyễn Thị Tư Bé, Châu Đạo California.

và một số cựu quân nhân, đồng đạo và đồng hương Tây-Ninh.

Tại nghĩa trang, phái-đoàn đã đốt nhang khấn nguyện, rồi chia

nhau đi cắm nhang trên từng nấm mộ của các chiến sĩ VNCH.

Kế đến phái-đoàn đến viếng mộ của đồng đạo và đồng hương Tây Ninh,

Sau cùng phái đoàn cũng đã đến viếng thăm Tượng Đài Chiến-Sĩ Việt-Mỹ cũng tại thành phố Westminster, California.



Đại Nhạc Hội “ Gieo Trồng Cội Phúc”

Nhằm mục đích gây quỹ trả nợ nhì cho Thánh Thất Orange tại đường Chestnut, Westminster, California, Châu Đạo California đã tổ-chức Đại Nhạc Hội” Gieo trồng Cội Phúc” tại Hí Viện La Mirada vào ngày 06-07-2003 với các ca-sĩ hàng đầu tại hải ngoại và kịch đoàn Dân Nam Thúy Uyển với vở ca nhạc cải lương “ Dương Quý Phi” do Thúy Uyển dàn dựng và đạo diễn.

Trong những ngày nghỉ long weekend của ngày lễ ĐộcLập Hoa-Kỳ (July 4th 2003) tại Nam Cali có nhiều tổ-chức nhạc hội trùng lấp nhau nên việc bán vé không được như ý muốn, nhưng nhờ đồng đạo , đồng hương xa gần và đặc biệt khán thính giả tại Hí Viện hết lòng ủng hộ nên về mặt tài-chánh việc tổ-chức Đại Nhạc Hội tương đối thành công. Sau khi trang trải các chi phí tổ-chức và thù lao, Ban Tổ- Chức Đại Nhạc Hội còn lời được hơn 20 ngàn đôla. Và đây là lần đầu tiên tổ-chức Đại Nhạc Hội gây quỹ mà đạt được thành quả như trên, thật là một điều rất đáng mừng.

4- Tin Đại-Đạo Thanh Niên Hội Sydney- Úc

Nhân ngày lễ Easter (lễ Phục Sinh) 21/ 04/ 2003, Đại Đạo Thanh Niên Hội Sydney đã tham gia Hội Chợ Ẩm Thực (Gánh Hàng Rong) truyền thống Việt Nam do cộng đồng người Việt tại tiểu bang New South Wales tổ chức tại **Fairfield Showground** thuộc thành phố Fairfield, tiểu bang New South Wales- Úc Châu từ 10 giờ sáng cho đến 10 giờ tối. Các bạn ĐĐTNH đã tham gia thật tích cực với một gian hàng bán thức ăn chay trong tổng số hàng trăm gian hàng với đủ loại thức ăn được trưng bày đã có mặt tại Hội chợ. Cùng với sự tham gia tích cực này, các Huynh Tỷ Phước Thiện Sydney đã ủng hộ thật nhiệt tình trong khâu chuẩn bị đến hoàn tất các món ăn chay trông thật hấp dẫn cho ĐĐTNH Sydney. Các Huynh Tỷ ấy đã thức thâu đêm để tiếp sức với các em trông thật quý mến. Mặc dù ai ai trông rất mệt nhưng rất đổi vui mừng là thức ăn đã được bán rất chạy đến nỗi mà không còn thức ăn để bán cho những người đi tham dự làm các bạn trở nên thật phấn chấn.

Ngoài việc buôn bán thức ăn, Hội chợ Gánh Hàng Rong còn có các tiết mục trình diễn Văn nghệ, biểu diễn thời trang đầy bản sắc dân tộc Việt Nam.

Đây là lần đầu tiên mà các anh chi em Thanh Niên Cao Đài ĐĐTNH tại Sydney có dịp tham gia với các hoạt động của cộng đồng, hy vọng trong tương lai về sau các bạn sẽ tham gia thật nhiều hơn nữa để góp thêm công sức giúp cho các sinh hoạt của cộng đồng người Việt tại NSW-Australia thêm nhiều phong phú.

Hội chợ được kết thúc vào lúc 10 giờ tối cùng ngày trong không khí thật nhộn nhịp, đầy thành công của ban tổ chức, khiến người đi tham dự có được một ngày quay về cảnh Hàng Rong của phố phường ngày nào tại Việt Nam đầy luyến thương.

5- Tin về Xây Cát:

*** Xây cất thêm hai phòng phía sau Điện Thờ Phật Mẫu San Jose**

Vào ngày Chủ Nhật 20-07-2003 (nhằm ngày 21 tháng 06 Quý Mùi), vào lúc 10 giờ sáng , Điện Thờ Phật Mẫu San Jose đã tổ chức **LỄ ĐỘNG THỔ** khởi công xây cất thêm hai phòng phía sau Điện Thờ Phật Mẫu San Jose. Hiện diện trong buổi lễ gồm có trên 50 người gồm đông đủ đại diện các cơ-quan Đạo tại địa-phương, đồng đạo và thân hữu.

Đúng 10 giờ, Ban Tổ-Chức, đại diện các cơ-quan Đạo cùng đồng đạo và thân hữu đã đến bái lễ và cầu nguyện Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật. Và sau đó cuộc lễ bắt đầu. Mở đầu HT Hồ Xưa, Q. Quản Tộc Điện Thờ Phật Mẫu San Jose đã hân hoan chào mừng Chức Sắc, các cơ-quan Đạo, chức việc cùng BTS Thánh Thất San Jose, đồng đạo và quan khách đã đến tham dự cuộc lễ. HT Hồ Xưa đã trình bày diễn tiến việc xin phép xây cất, các hạng mục xây cất , kinh phí việc xây cất và tình hình tài-chánh của ĐTPM San Jose.

Theo lời tường trình thì việc xây cất thêm 2 phòng tốn phí khoảng 98,000.00 đôla. Một Thanh Niên Đại-Đạo Santa Clara (em Lý) cho mượn 50,000.00 đôla không lời .Đồng đạo đến giờ này công quả được khoảng 20,000.00 đôla và vị chi chỉ còn thiếu khoảng gần 30,000.00 đôla chưa kể tiền điều hành hàng tháng cho sinh hoạt của Điện Thờ.

Theo dự trù, việc xây cất bắt đầu kể từ ngày thứ hai 21-07-2003 và sẽ kéo dài khoảng 2 tháng. Điện Thờ rất mong được sự tiếp trợ tài-chánh cũng như sự ủng hộ tinh-thần của đồng đạo và thân hữu khắp nơi ở hải ngoại.

Kế tiếp là phần phát biểu cảm tưởng của HH CTS Nguyễn Văn Rài, Q. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara và HH HT Nguyễn Ngọc Dũ, Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Cuộc lễ chấm dứt vào lúc 11.10 am sau khi đại diện các cơ-quan Đạo, các vị niên trưởng cuộc đất tượng trưng phát động việc xây cất.

Ban Thế-Đạo Hải Ngoại kính mong quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Hiền Tài phát tâm công quả tham gia vào việc xây cất này.

Mọi vấn-đề về tham gia vào việc xây cất xin liên lạc:
Điện Thờ Phật Mẫu San Jose
1489 South White Road
San Jose, CA 95127
Điện thoại: 408-258-9496

TIN SÁCH MỚI

1-Phương Châm Hành Đạo, Chính Trị Đạo và Giảng Đạo Yếu Ngôn

Trong tháng 9-2003, Ban Thế-Đạo Hải Ngoại sẽ gửi đến đồng đạo và thân hữu một quyển sách gồm có:

- 1-Phương châm Hành Đạo của Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung.
 - 2- Chính Trị Đạo của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa
 - 3- Giảng Đạo Yếu Ngôn của Nguyễn Văn Kinh
- Trân trọng thông báo.

2-Đại-Đạo Sử Cương do Điện Thờ Phật Mẫu San Jose ấn hành

Ban Thế Đạo Hải Ngoại vừa nhận được sách mới do Điện Thờ Phật Mẫu San Jose ấn hành và gửi tặng:
Đại-Đạo Sử Cương (Quyển 1 và 2) Thời kỳ 1920-1956
Sách dày trên 300 trang và in ấn rất trang nhã, được biếu không (không bán).

Trân trọng giới thiệu sách mới ấn hành nêu trên đến đồng đạo và thân hữu.

Đồng đạo và thân hữu có nhu cầu sách, xin liên lạc với Điện Thờ Phật Mẫu San Jose, California.

6 Tin về Hiền Tài Dư Phong ở Úc Châu:

Theo Quyết Định số 178/VP/BTĐHN ngày 20-07-2003, Ban Thế-Đạo Hải Ngoại đã công nhận HH Mai Hoà Đường sanh năm 1946 tại Tây Ninh, hiện ngụ tại bang NSW Australia là Hiền Tài Dư Phong chính thức.

Tập-San Thế-Đạo trân trọng thông báo.

Tình Người

Truyện tình cảm xã-hội của Hoàng Minh

(Tiếp theo các kỳ trước)

Đêm đã khuya lắm rồi, Quan không sao ngủ được, trần trọc thao thức, lăn qua lộn lại, trần trở mái. Thật ra chẳng có duyên cớ rõ rệt hay chuyện đặc biệt gì mà đầu óc cứ quay cuồng. Việc này rồi đến việc khác, cứ dồn dập, hiển hiện trước mắt. Hình ảnh người cha đồng dục uy nghiêm, lời khuyên răn dạy bảo. Dáng mẹ hiền hòa, nhẹ nhàng uyển chuyển. Mẹ đã mang nặng đẻ đau, bồng bế chiu từ thuở lọt lòng, nuông chiều, nuôi nấng bảo dưỡng cho con nên vai nên vế. Công lao cha mẹ như đất rộng trời cao. Minh gây nên ác nghiệt đến đối cha mẹ phải héo hắt tâm tư, hao mòn cơ thể. Nhớ thương mình đến mỗi mòn, nổi buồn đau da diết, cấu xé tim gan. Khi chỉ còn thoi thóp chút hơi tàn, co ro trên giường bệnh, trước phút lâm chung vẫn còn trăng trối lo lắng cho mình! Quan nhớ cha thương mẹ, ân hận và hối tiếc chuỗi đời non dại của mình. Nước mắt đầm đìa trên gối hồi nào Quan cũng chẳng hay... Rồi bóng dáng mỹ miều diễm lệ. Ánh mắt tròn xoe thu hút hồn người của Lyly, người đẹp hơn tranh của “Đường Bá Hồ” Quan hết dạ thương yêu chiều chuộng. Hiến dâng tất cả linh hồn thể xác lẫn tài sản cho nàng, lại là người độc ác khôn lường. Nàng nhấn tâm toa rập cùng bọn bất lương, cò môi, dụ dẫn Quan vào con đường sa đọa. Để Quan ngụp lặn trong lưới tình. Đua đòi ăn chơi, hút xách đến đối thân tàn ma dại. Tán gia bại sản làm băng hoại cả cuộc đời! Rồi nhớ đến cảnh mình phải chịu đói meo. Cơn ghiền hành hạ, châu chực bon chen. Xin từ chén cơm thừa cá cặn, từng chút nước “xái”. Lượm từng tàn thuốc ven đường, giải đỡ cơn

ghiền đang già y vò cơ thể...Quan thấy niêm uất hận sôi trào sùng sục trong lòng. Hận mình, hận thành phần cận bã xã hội, khiến Quan không sao chớp mắt được...Bối cảnh đêm Quan từ trên lan can cầu Ông Lãnh hiện về, lúc Quan nhắm mắt rún mình nhảy bừa, rời khỏi móng cầu. Thân mình chới với rơi tòm xuống dòng sông trong đêm tối trời, chỉ có ánh đèn chập chờn, dờn dợn trên mặt nước...Rồi hình ảnh hồn nhiên, thơ ngây thánh thiện, nhưng đầy vẻ lo âu, hoang mang, sợ hãi của các em đánh già. Quan bắt gặp khi vừa hồi tỉnh. Chính các em đã cứu vớt và giữ được mạng sống cho Quan...Đến việc tao ngộ với chú Ba cũng khá ly kỳ. Chú Ba đã đem lại cho Quan một nguồn sinh lực mới: đứng dậy và vương lên! Làm lại cuộc đời trong quan điểm và đời sống mới để chuộc lại phần nào tội nghiệt mà Quan đã gây ra!.. Nhất là cô Hai, người có đôi mắt bồ câu tròn vành vạnh và đen láy. Sống mũi dọc dừa, làn da trắng hồng, mịn màng như quả đào vừa ửng của miền Đà Lạt mộng mơ. Mái tóc huyền dài thườn thượt, buông xuôi như dòng thác Cam Ly trôi chảy phiêu bồng...Cô Hai có một thân hình cân đối, dáng dấp yêu kiều diễm lệ, nói cười vui vẻ tự nhiên. Phong thái ung dung thư nhã. Tánh tình trung trực, thùy mị đoan trang, tiêu biểu con nhà trâm anh đài các. Bất cứ ai gặp qua, đều đem lòng ngưỡng mộ như đứng trước tượng thần Vệ Nữ khả kính! Cô Hai mới là nan đề làm Quan rối rắm trong lòng, bao nhiêu nghi vấn mà Quan không sao giải đáp được!

- Phải chăng vì lòng trắc ẩn thương sanh, nặng tình xã hội mà cô Hai cứu mang, cứu giúp, đãi ngộ ba em đánh già, chú Ba và mình quá tốt như vậy?

- Cô Hai thuộc thành phần nào trong xã hội, tuổi đời hãy còn son trẻ. Học lực đến mức độ nào, tại sao trường đời già dặn chững chạc. Mỗi lời nói dường như có một hấp lực mãnh liệt, khiến người nghe phải cảm phục tuân theo. Từ việc nhỏ trong bếp núc, đến việc lớn, ngoài thương trường, cô đều sắp xếp có nề nếp quy củ hẳn hoi, giải quyết mọi chuyện rất khoa học và nhanh chóng nên đạt được kết quả thật khả quan. Càng nghĩ Quan càng cảm phục vô vàn, khiến lòng chàng trai lóe

lên một ước muốn băng qua. Trái tim từng bị đau tới tả mà vẫn còn hừng hực xốn xang..!

*

- Hà, cái ông chủ này, Ba “ngộ” (“Ngộ” là tiếng người Quảng Đông, có nghĩa là “tôi”) trước đây mua lúa từ miền Tây, chở lên bằng ghe chài, chở được nhiều, giá lúa lại thấp, lúa của ông chủ giá cao, ngộ nghĩ Ba ngộ không mua đâu, cảm ơn nghe.

- Cô chủ à, Cô chủ nói không sai. Chỉ có điều lúa miền Tây là lúa “xạ”, lúa “lem” gạo dùng để làm bánh, làm bột chứ ăn cơm không ngon như lúa của chúng tôi. Lúa chúng tôi là lúa cấy tay, mỗi năm chỉ cấy được có một lần vào mùa mưa mà thôi. Lúa này là giống “Bằng Tây”. Gạo trắng, thơm ngon, nổi tiếng và quý lắm. Sản xuất dành cho những người giàu, mới có khả năng tiêu dùng mà thôi. Cô chủ hãy nhìn xem gạo mẫu của chúng tôi, cô sẽ thấy sự khác biệt một cách rõ ràng và đây có một ít gạo đầu mùa, xin biểu Cô cùng gia đình dùng lấy thảo.

- À, gạo hạt dài và trong, tốt lắm, tốt lắm để “ngộ” nói lại với ba há.

- Nhờ cô chủ nói lại giùm với ông chủ lớn đi, gạo này là loại gạo đặc biệt mà.

- Ông chủ đừng gọi tôi là cô chủ nữa, kêu tôi “A Lìn” được rồi.

- Cảm ơn cô “Lìn” cho phép, còn tôi chỉ là “người làm công” thôi, xin gọi tôi là Quan.

- Anh Quan há, đừng có nói “đốc” với “ngộ” nha, “người làm công” đâu có giống như anh Quan vậy.

- Sao lại không giống?

- Thì anh Quan biết đó, từ tư thái cho đến quyền quyết định của anh cũng đủ hiểu rồi mà.

- Cô “Lìn” nhận xét như vậy là lắm to rồi, tôi là người làm công thực đó, không dám nửa lời dối gian đâu.

- Thôi thì sao cũng được, Ba với ngộ sẽ khai thác thêm mặt hàng này. Đưa ra thị trường gạo cho đủ loại, để cung ứng

cho người tiêu dùng được đầy đủ hơn, nhất là để làm quen với một khách hàng mới có tính vui vẻ.

- Thay mặt tất cả những người sản xuất, xin cảm ơn sự hợp tác rất chân tình của Cô, hẹn sớm ngày gặp lại, tôi chờ tin tốt nơi Cô.

- Khoan đã, đây mới là quyết định của ngộ, ý của Ba mới là quyết định nha.

- Dù sao tôi cũng hoàn toàn tin tưởng nơi Cô, xin Cô đừng làm tôi thất vọng. Tôi nghĩ, nếu chúng ta làm ăn được, đôi bên đều có lợi lâu dài. Ông chủ lớn chả lẽ bỏ cơ hội mở mang thêm, rất tốt đẹp như thế này, xin cô tận tình nói giúp cho.

- Nếu Ba ngộ thỏa hiệp, khả năng anh Quan sẽ cung cấp ra sao?

Quan hơi hụt hẫng vì chưa quen “nghề”, không có chuẩn bị, nhưng Quan cũng nhóng thử:

- Theo cô Lìn thì sao? Mức độ tiêu thụ của cô chừng bao nhiêu?

- Nếu không gì trở ngại, đợt đầu tôi đề nghị năm mươi ngàn tấn lúa Bằng Tây, anh thấy sao?

- Cứ theo ý Cô đi.

- Thời gian thực hiện anh muốn bao lâu?

Về điểm này Quan cũng không biết trước, nên hỏi nhóng:

- Thông thường, Cô thấy thế nào thuận tiện?

- Cứ mỗi hợp đồng, chúng ta thanh lý trong vòng ba tháng, được không?

- Nhất định, làm theo ý Cô đi.

- Sáng mai, mười một giờ anh Quan chịu khó trở lại đây nha, tối nay ngộ thảo luận với Ba đã.

- Được rồi, ngày mai tôi xin đúng hẹn, cảm ơn và xin chào Cô.

- Chào anh Quan.

Quan bước ra cửa A Lìn vẫn còn nhìn theo cười chúm chím.

*

- Chào cô “Lìn”
- Ah! chào anh Quan, chà đúng giờ quá há.
- Làm ăn mà Cô.
- Tốt, tốt làm ăn chúng ta cần phải như vậy. Ngồi đi

anh.

- Xin phép Cô.
- Anh cứ tự nhiên, hồi hôm ngộ có trình bày với Ba rồi.
- Ông chủ lớn quyết định sao hả Cô?
- Ba nói việc này không nhiều lắm, Ba cho ngộ được

quyền giải quyết.

- Vậy mọi việc trông cậy vào Cô.

- Ba ngộ làm ăn đa số với người Hoa, vì Ba ngộ nói tiếng Việt “xỉu, xỉu” thôi. Hôm nay lần đầu tiên ngộ làm ăn với anh là người Việt đó.

- Tôi rất hân hạnh trở thành một khách hàng mới của cô. Tôi sẽ giữ đúng lời và nhất định thực hiện mọi việc đều tốt đẹp cho Cô hài lòng.

- Ngộ chỉ mong có thể, anh gắng hoàn tất, đừng làm cho ngộ gặp rắc rối, khó xử nha.

- Xin Cô an tâm.

- Đối với ngộ không thành vấn đề gì mấy, ngộ có học tiếng Việt, nên hiểu và thông cảm phần nào. Nhưng Ba ngộ thì ít giao tiếp với người Việt, nên không am tường lắm mong anh hiểu cho, có gì anh bàn bạc thẳng với ngộ tiện hơn.

- Được như vậy còn chi bằng, từ đây sẽ làm bạn Cô nhiều lắm đó.

- Hà, làm ăn mà, cứ tự nhiên mới tốt. Đây là hợp đồng đầu tiên, anh xem qua có gì chúng ta trao đổi thêm.

- Các điều khoản đều đúng như chúng ta đã bàn luận hôm qua, tôi không có gì thêm bớt, thưa Cô.

- Ngộ thấy “nị” (Tiếng Quảng Đông có nghĩa là anh, chị, ông, bà, cô, cậu; giống như chữ ‘you’ của tiếng Anh, tu, toi của tiếng Pháp) thật thà, nên ngộ có ý giúp nị, có thêm tiền xoay trở được dễ dàng trong buổi đầu. Ngộ sẽ đặc biệt ứng trước cho nị, hai mươi phần trăm, trên tổng số trị giá tiền đặt hàng. Theo thông lệ, bên ngộ sẽ nghiên cứu tỷ mỹ, xong rồi

mới ứng trước cho những khách hàng nào hoàn tất hợp đồng lần thứ ba mà không có chút gì lấn cấn, và chỉ có mười lăm phần trăm mà thôi. Như vậy anh thấy có hứng thú làm ăn lâu dài với ngộ không? Nếu có, hãy ký tên vào bản hợp đồng này đi.

- Cảm ơn cô Lìn rất nhiều, tôi hứa sẽ thực hiện đúng hợp đồng, để không bỏ công Cô tận tình hỗ trợ, cho việc làm ăn lâu dài của chúng ta.

- Xem như thủ tục đã hợp tác đã xong, tôi muốn hỏi anh một việc, có được không?

- Có chi vậy cô?

- Chẳng có gì quan trọng, chỉ có điều ngộ muốn hỏi anh chiều thứ Bảy này anh có rảnh không?

- Cô có thể nói rõ hơn một chút chứ?

- Thật ra thứ Bảy này là ngày sinh nhật của ngộ. Hằng năm ngộ mời bạn bè toàn người Hoa, năm nay có anh, ngộ muốn mời anh, một người Việt Nam duy nhất, để anh có dịp làm quen với giới thương gia của chúng tôi, đồng thời cũng để tô điểm thêm màu sắc của buổi lễ, nhưng chúng ta chỉ vừa mới bắt đầu làm ăn với nhau, nên ngộ e ngại, anh nghĩ sao?

- Được Cô xem trọng như vậy là điều vạn hạnh cho tôi, dù có bận rộn gì tôi cũng đến chung vui với Cô cùng gia đình.

- Vậy anh không ngại anh sẽ là người khách Việt Nam duy nhất giữa đám người Hoa và ngộ có thể trao thiệp mời này ngay tại đây chứ?

- Không có chi e ngại đâu cô, xin yên chí, tôi sẽ hòa nhập với mọi người được mà.

- Hy vọng là vậy, sẽ gặp anh vào chiều thứ Bảy.

*

Quan vừa bước vô cửa nhà hàng Đồng Khánh, A Lìn đang đứng đón khách, thấy Quan, Lìn vui mừng ra mặt, vội bước tới bắt tay:

- Cảm ơn món quà sinh nhật của anh.

- Có chi đâu, chỉ là một chút lòng thành, cô không chê là tôi mãi ngây ngô rồi.

Lìn hướng dẫn, đưa Quan vào trong thì cũng đúng giờ khai mạc cho buổi lễ sinh nhật. Lìn đến mấy phóng thanh ngỏ lời chào mừng quan khách, ông bà cô bác, bạn bè đồng thời giới thiệu Quan là người khách Việt Nam duy nhất trong bữa tiệc. Mọi người vỗ tay hoan hô như chào mừng lẫn nhau không ngớt, đặc biệt ngậm ý là dành cho Quan. Lìn xin phép cha mẹ và tuyên bố buổi lễ mừng sinh nhật bắt đầu. Trước tiên là lễ thổi đèn cây trên bánh sinh nhật. Bánh sinh nhật có đến chín tầng, kê xiên giống như các bậc thang, mỗi bậc đều có chỗ đặt đèn cây và chỗ đứng để thổi. Tầng thứ nhất Lìn mời ông Nội thổi dùm. Tầng thứ hai bà Nội. Tầng thứ ba ông Ngoại. Tầng thứ tư bà Ngoại. Tầng thứ năm Ba Lìn. Tầng thứ sáu mẹ Lìn. Tầng thứ bảy Cha Đỡ Đầu Lìn. Tầng thứ tám Vú Nuôi và tầng thứ chín là tầng có nhiều đèn cây nhất, một mình Lìn không sao thổi hết một lượt được, Lìn nhìn khắp quan khách, rồi không biết vô tình hay cố ý, Lìn mời Quan lên đứng chung với mình để thổi đèn ở tầng thứ chín. Sự lựa chọn này làm cho không ít thực khách thanh niên người Hoa sanh lòng ganh tỵ! Từ đó họ tỏ ra suy giảm thiện cảm với Quan, không còn cảm mến như lúc đầu. Sau khi mọi người đứng vào vị trí với tư thế sẵn sàng. Lìn đếm dứt tiếng thứ ba, tất cả những người có nhiệm vụ thổi đèn đều thổi một lượt, đèn tắt gọn gàng, một tràn pháo tay kéo dài dường như không dứt, mọi người ngồi vào chỗ cùng nâng ly mừng sinh nhật, chúc sức khỏe “A Lìn”, đồng loạt vỗ tay và hát bài “Mừng Sinh Nhật” thật vô cùng vui tươi và náo nhiệt.

Quan ngồi chung bàn với chín thanh niên khác, trong số này có mấy người âm thầm đeo đuổi A Lìn từ lâu. Tự cho mình bị Quan tước đoạt danh dự đứng thổi đèn chung với A Lìn. Khi rượu đã ngà ngà say, họ muốn kiếm chuyện làm cho Quan bị mất mặt trước đám đông để gỡ gạc. Họ dùng tiếng Trung Hoa bàn tán, phân chia nhiệm vụ với nhau rồi nhìn Quan thách thức:

- “A Quan” này, cái mà “quá” (“quá” là tiếng Tiểu Châu, có nghĩa là “tôi”) đây thay mặt anh em trong bàn, nhân ngày vui của “A Lìn”. Chúng ta mới có dịp gặp gỡ và quen biết nhau, quá đề nghị chúng ta cùng chơi một trò chơi để trợ

hứng, không biết “lú” (“lú” giống như chữ “toi” của tiếng Pháp, chữ “you” của tiếng Anh, ở đây tiếng Việt có nghĩa là: anh, mày) thấy sao? Có đồng ý không?

Quan trầm tĩnh và điềm nụ cười thật tươi:

- Cảm ơn các bạn, hôm nay Quan được gặp các bạn tại đây là điều vinh hạnh vô cùng lớn lao cho Quan. Nếu có thể làm được cái gì để góp vui trong ngày sinh nhật của cô Lìn, Quan tôi xin sẵn sàng. Tuy nhiên Quan e ngại, chẳng làm nên trò, trái lại còn làm mất mặt các bạn và quan khách mà thôi!

Nghe Quan nói, “Thòn Dzành” người thay mặt cho nhóm, cười ngất, rất cao ngạo...

- Lú, lú nói như vậy là không dám chơi rồi phải không?

Quan cười rất tự nhiên, dường như không hiểu dụng ý của các bàn cùng bàn:

- Có chi mà dám với không? Góp vui mà, các bạn muốn chơi trò chơi gì? và chơi như thế nào? Có thể nói rõ hơn được không?

A Dzành nhanh nhẩu:

- Chẳng có gì lớn cả, chỉ bóp nắp la ve uống rượu, có thể thôi, dám chơi không?

Quan rất khiêm tốn và thông thả:

- “Cung kính bất như tùng mệnh” xin tùy các bạn.

Thòn Dzành lập tức đứng dậy, đồng dục tuyên bố cùng mọi người trong bữa tiệc:

- Cái quan khách này, chú ý, chú ý. Để cho bữa tiệc thêm hào hứng, chúng tôi có trò chơi: bóp nắp la ve uống rượu. Đại diện cho nhóm thanh niên người Hoa trong bàn có “quá” đây; còn người Việt thì có “A Quan” này. Nếu bên nào có kỹ thuật cao bóp được, làm cho nắp chai nhỏ lại và bỏ lọt vào miệng chai là bên đó thắng, và bên nào bị thua phải tự mình chịu phạt uống “sec” (Uống rượu nguyên chất không pha) mười ly rượu whisky. Để thể hiện sự công bằng, giả như A Quan thua, A Quan phải tự rót uống một mình mười ly, ngược lại nếu quá đây thua, quá và các bạn ngồi chung bàn đều phải chịu phạt như nhau. Quý vị nghĩ sao? Có điệu không?

Tất cả thực khách đều vỗ tay rầm rập, A Thòn muốn A Lìn chứng kiến tận mắt sự uy dũng và chiến thắng vẻ vang của mình nên vội vàng:

- Đã được chư vị đồng ý. Để có sự công bằng trong cuộc chơi, phải có một người làm trọng tài. Xin mời A Lìn đến giúp cho.

Thực khách lại vỗ tay ủng hộ:

- Xin mời, xin mời...

A Lìn đứng dậy, bước đến chỗ các bạn yêu cầu, nàng đưa mắt nhìn quanh một vòng, ngắm từng khuôn mặt, với ai nàng cũng điểm nụ cười thật tươi, khi sóng mắt đến Quan nàng dừng lại một chút như ngầm hỏi: có tự tin không? Thấy Quan vẫn nụ cười điềm đạm như ngày mới gặp, nàng cảm thấy cũng an tâm:

- Các bạn muốn “ngộ” làm trọng tài, vậy các bạn dự định bóp những nắp chai nào? Hãy đưa cho ngộ kiểm soát trước mới hợp lệ.

Nhóm Thòn Dzành đưa mắt nhìn nhau đầy vẻ lúng túng, vì họ đã chuẩn bị sẵn mấy cái nắp đã móc bỏ miếng “xốp” nằm bên trong cái nắp rồi. Bất cứ ai cũng có thể bóp dẹp cái nắp ở trạng thái này một cách dễ dàng và nhẹ nhàng chẳng chút gì khó khăn mệt nhọc cả! Không ngờ A Lìn lại đòi kiểm soát, họ không sao xoay trở kịp, A Thòn đành phải lấy những cái nắp khác còn nguyên đưa ra. A Lìn kiểm soát xong, bỏ các nắp chai vào trong một cái tô, rồi tuyên bố:

- Theo tập tục: Tiên chủ hậu khách, tôi đề nghị A Thòn là người thi triển trước.

Nói xong cô cầm cái tô đưa lên khỏi đầu để A Thòn bắt lấy nắp. A Thòn hai tay cầm cái nắp ngắm nghía cẩn thận. Dùng các ngón cả hai bàn tay, gồng sức bóp cái nắp từ từ dẹp lại, tuy gương mặt hơi đỏ, nhưng nắp chai cũng bị dẹp dẹp rồi! Thật giống như cái bánh xếp tí tẹo. A Thòn dơ lên cao, trình quanh cho mọi người xem. Thực khách vỗ tay ca ngợi vang dội, làm A Thòn hìu hìu tự đắc với thành quả của mình và chắc chắn Quan không thể nào bóp nổi vì đáng dấp hãy

còn chút gì thư sinh phản phất! Để tiếng hoan hô dịu bớt, A Thòn mới từ từ bỏ nắp chai lọt tót qua miệng chai, rơi tòm xuống đáy nghe một tiếng xẹt khô khan. Mọi người lại vỗ tay hoan hô âm ỉ, trên mặt ai ai cũng rạng rỡ và tự hào! Trước quang cảnh tưng bừng náo nhiệt, tuy trong lòng hân hoan khó tả, nhưng A Lìn cũng không khỏi e ngại cho Quan vì là khách hàng mới quen, có thể bị bê mặt nên đưa mắt nhìn. Thấy Quan vẫn tươi cười và gục gặc đầu tỏ vẻ thán phục A Thòn lắm, hồi lâu Quan mới lên tiếng:

- Thưa trọng tài, có thể nào cho tôi thua non và chịu uống một ly rượu phạt được không?

Nghe Quan nói, A Lìn có vẻ đồng tình, không muốn điều không vui, có thể xảy ra cho người bạn mới, nên chuyển ý nẩy cho mọi người nghe, thực khách bàn tán xôn xao, bọn A Thòn sợ mất cơ hội làm cho Quan bê mặt và không “xin” (say mèm) khi tiệc chưa tàn, nên cả bọn vội đứng lên ào ào mỗi người một câu:

- Eh! thanh niên Việt Nam sao mà nhát gan quá vậy? Chưa chi đã chạy làng rồi! Gắng lên cho vui mà...

A Lìn nhìn Quan, Quan cười ý nhị:

- Thôi để chiều ý các bạn và quan khách. Đồng thời cũng để nường theo hơi hướng dững mãnh của anh Thòn. Xin anh vui lòng nhặt giùm tôi hai cái nắp đi.

A Lìn lại đưa cái tô lên cao, A Thòn với tay nhặt hai cái nắp đưa cho Quan, trên môi điểm nụ cười tự mãn đầy vẻ thách thức! Quan đón nhận hai cái nắp, cầm mân mê, đôi mắt ngó A Lìn như muốn tỏ bày nguồn cảm mến và chúc mừng sinh nhật vui vẻ. Thời gian tuy ngắn ngủi nhưng bọn Thòn không sao chịu nổi nên thôi thúc:

- Bóp đi, bóp đi...

Tình hình thật sự rất huyền náo, đa phần ngầm hiểu rằng, Quan không thể nào làm được như A Thòn, nên có nhiều thanh niên ở các bàn khác cũng hưởng ứng khiêu khích và còn tự nguyện chịu phạt giống như bọn bàn của A Thòn, nếu họ thua. Quan thấy cảnh sôi động, náo nhiệt thật sự đã dâng cao tột cùng, bèn đứng lên đưa hai cái nắp lên xoay một

vòng chào mọi người, rồi từ từ hạ tay, ngồi xuống trên ghế với dáng dấp thật tự nhiên. Dùng sức của ngón cái và ngón trỏ của mỗi tay, thay vì bóp dẹp, loáng một cái đã cuốn tròn hai nắp chai lại giống như đầu lớn của chiếc đĩa ăn. Cả thực khách đều lỗ mắt nhìn, lặng yên phăng phắc, Quan đưa cả hai cho Lìn:

- Xin Cô giám định và bỏ luôn vô chai dùm.

A Lìn xem xong, bỏ hai nắp chai qua miệng chai để dăng, bèn nắm tay Quan đưa lên cao tuyên bố:

- Kết quả cuộc thi đua nầy, anh Quan thắng.

Bây giờ mọi người như sự tỉnh, vỗ tay hoan hô Quan nghe rầm rập và rất nhiệt tình. A Lìn giám sát những kẻ bị thua cuộc tự phạt vừa xong, men rượu nồng cay làm cho A Thồn chệnh choáng, bèn đứng lên gào to:

- Chưa phục, chưa phục...còn trò chơi thứ hai nữa cơ, ai thắng mới cừ. Ai thua cũng phải tự phạt y như cũ, quý vị có đồng ý không?

Thực khách thấy cuộc thi đua vừa rồi tuy vui chơi, nhưng cũng mất mặt nhóm thanh niên người Hoa phần nào. Hơn nữa rượu vào thêm hứng, vả lại bây giờ A Thồn lại đưa ra đề nghị mở cuộc chơi khác, là đã nắm phần thắng rồi. Vốn muốn gỡ gạc cho huê nên đồng tình ủng hộ, A Thồn thấy sự quan tâm của đồng hương và cũng quyết lấy lại sĩ diện trước A Lìn, bèn lấy cái chai whisky không, đổ đầy nước lạnh vào, để lên bàn, móc túi lấy bao thuốc lá, xé một miếng giấy lớn vò tròn bỏ vào chai. Nước thấm miếng giấy từ từ chìm xuống nằm dưới đáy chai, A Thồn nhìn mọi người rồi tuyên bố:

- Bây giờ tỉ thí nội lực.

Cả phòng ai ai cũng đều nhốn nháo:

- Tỉ thí "nội lực" là tỉ thí như thế nào đây?

Thồn Dzành cầm cái chai đưa lên cho mọi người thấy rồi giải thích cuộc chơi:

- Quý vị xem đây, có một miếng giấy nằm dưới đáy chai, người dự chơi có thể dùng đôi tay của mình, hoặc thi triển nội công, hoặc hấp lực, hoặc lác, làm thế nào cũng được miễn là không đổ nước ra ngoài, không lật nghiêng cái chai, không

lật úp. Người nào làm cho miếng giấy từ đáy chai nổi lên cao nhất là người đó thắng cuộc. Xin mời A Lìn làm trọng tài một lần nữa.

Pháo tay lại nổ giòn, A Lìn thấy bầu không khí quá vui, liếc nhìn Quan, thấy Quan vẫn luôn nở nụ cười.

- Ngộ làm trọng tài nữa cũng được, vậy ai thi triển tài nghệ trước đây?

A Thồn tin tưởng, tài nghệ lắc chai pha rượu để bán hằng ngày của mình, nên háng hái xung phong:

- Để “quá” thi triển trước cho.

Trọng tài Lìn:

- Xin mời.

Thồn Dzành đứng tấn, một tay bợ dít chai, một tay dùng lòng bàn tay úp ngược xuống miệng chai, dùng lực đôi tay xoáy tròn cái chai, làm nước trong chai chạy tròn, chạy tròn...Ban đầu nhẹ sau dần dần mạnh lên, trước chạy chậm sau dần dần nhanh lên, rồi thật nhanh, nhanh hết sức của Thồn Dzành. Miếng giấy nằm dưới đáy chai theo đà vận chuyển của nước cũng từ từ nâng dần dần lên, lên, lên đến nửa chai, rồi cứ chạy quanh trong chai mãi, không sao lên cao hơn nữa được, tuy vậy cũng đủ cho cử tọa tấm tắc ngợi khen, vỗ tay rầm rập không ngớt. A Thồn đã đuối sức, miếng giấy cũng lên được năm mươi phần trăm, bèn đặt chai xuống bàn. Mồ hôi nhỏ giọt, ướt đầm cả áo chemise, nhưng nét mặt hí hửng, dương dương tự đắc, chấp tay xá xá xung quanh:

- Cảm ơn, cảm ơn... quý vị!

A Lìn lấy chai làm dấu chỗ mảnh giấy lên cao nhất, xong đặt chai xuống trước mặt Quan, mọi người ngừng ăn uống, đưa mắt nhìn từng động tác của Quan. Quan để cái chai y nguyên trên bàn, ung dung ngồi chống tay trái lên cằm, đưa tay phải lên, dùng ngón tay giữa thọt thẳng vào chai, chặn không cho chảy ra ngoài một giọt nước nào. Từ từ vận dụng đầu ngón tay, trong chai. Co duỗi, co duỗi...khuấy động nước trong chai, lúc đầu cũng chậm chậm, sau nhanh dần...nhanh dần...nước trong chai cuốn hút theo vận tốc ngón tay mà trôi lên...trôi lên đến phân nửa chai, hai phần ba chai...cứ lên, lên

mãi đến khi đụng đầu ngón tay, rồi lăn lộn trong chai, miếng giấy bây giờ không còn là một cục tròn nữa, mà trải dài dài giống như cái đầu con lân, con phụng trắng tinh đang múa men, lượn qua, lộn lại, quanh quẩn trong chai khiến mọi người say sưa nhìn không chớp mắt, quên cả vỗ tay! Không ai có thể tưởng tượng chỉ một ngón tay mà Quan có thể điều khiển được miếng giấy nằm tận đáy chai lên đến miệng chai. Đến đổi cả bọn thanh niên đều há hốc mồm ra! Cúi đầu bái phục.

Bữa tiệc hầu tàn, Quan ngỏ lời tạm biệt, nhưng A Lìn cố tình giữ lại, cả nể vì sơ giao, hơn nữa việc làm ăn cũng cần quen biết nhiều hơn. Quan đành ngồi nán lại trong một góc bên cạnh sàn nhảy. Nhìn sàn nhảy, gợi lại đồng tro tàn, Auan càng ngậm ngùi chua xót! Bao bức xúc đè nén trong lòng, giờ có dịp bộc phát không sao kiềm tỏa được, một nỗi buồn thẳm lặng len lén vương lên khiến Quan tái tê từng khúc ruột! Quan cúi mặt, uống cạn ly đây, rồi rót đầy ly cạn, uống...rót...uống thậm chí quên cả lời tự hứa trước khi đến đây, chỉ uống xã giao mà thôi! Bàn ghế dọn dẹp xong, phòng ăn biến thành vũ trường, ban nhạc cũng sẵn sàng. Hoạt náo viên yêu cầu A Lìn ra sàn, nhảy bản đầu tiên để khai mạc “đêm sinh nhật dạ vũ.” Lìn bước ra giữa “piste” (Chỗ nhảy đầm), đưa mắt một vòng để tìm “partenaire” (Người cùng nhảy, chơi). Trong khi đó Thòon Dzành bị thua hai trận miệng nói: bái phục, bái phục, nhưng trong lòng còn ầm ức lắm, muốn nhân cơ hội này lấy Quan làm trò con rối múa may trước mặt mọi người cho hả dạ. A Thòon nghĩ rằng đây là trò chơi trong giới thượng lưu giàu có, Quan không thể nào ứng phó nổi, chắc chắn sẽ luỳnh quỳnh quíu giở giẫm bừa lên chân A Lìn. Hoặc lúc tiếng nhạc dồn dập có thể bị rớt chân ngã sóng sượt trên sàn nhảy thì thú vị biết bao, nghĩ đến đây anh ta vội vàng nói to:

- Xin A Lìn mời vị khách đặc biệt tối hôm nay đi, mời anh Quan đi, mời anh Quan đi...

Nhiều tiếng thanh niên phụ họa, sẵn lúc đó A Lìn không biết phải chọn ai, vì những bạn trai từng đeo đuổi A Lìn không phải ít, nhưng thật sự A Lìn chẳng thích người nào cả, vì vậy đành bước đến bàn của Quan:

- Anh Quan có thể ra piste với ngộ theo lời yêu cầu của các bạn không?

Quan đã ngà ngà say, nhìn A Lìn cứ ngỡ là Lyly của thuở nào, Quan đứng thẳng dậy đưa tay diu Lìn ra sàn nhảy. Ban nhạc bắt đầu bằng điệu “Van” (valse), tiếp theo là bản “Tăng Gô” và kế là “Bì Bọp”. Thấy Lìn và Quan đã mở màn, trẻ già, cũng ngứa ngáy tay chân rồi từng cặp, từng cặp bước ra sân hòa nhập vào cuộc vui. Tiếng trống kèn xập xình có lúc như mưa tuôn nước chảy, thác đổ sấm rền, có lúc du dương nhẹ nhàng uyển chuyển, âm thanh lăm khi cao vút tận ngàn mây, đưa hồn người vào cõi thiên thai thơ mộng. Ai cũng say cuồng trong vũ điệu thần tiên quên cả đất trời và thực tại... Quan diu Lìn nhẹ lướt trên sàn, giống như đôi bướm xinh tươi quấn quít bên nhau, bay lượn nhón nhờ lướt trên cành sim ngọn cỏ thật tuyệt đẹp vô ngần... Lìn sung sướng nhiệt tình với ngày sinh nhật của mình. Quan ngây ngất nhìn Lìn qua bóng dáng Lyly nên hai người ôm trọn trong vòng tay thân thiết rất tự nhiên, cả hai đều nhập vai sóng bước, những bước tân kỳ, nhẹ nhàng uyển chuyển, Quan nâng cho Lìn “à terre” (ngã người song song với mặt đất, biến điệu quấn quít xoay tròn, ẻo lả ngã ngửa trên cánh tay... Nghệ thuật “chơi” những bước mới của hai người hầu như đã đạt cảnh giới tốt cùng, đến độ mọi người dừng lại đứng dật xung quanh, đưa mắt nhìn thao láo gần như quên cả thở. Đèn màu mờ ảo lung linh kỳ diệu, hai hình một bóng cuốn hút lấy nhau, thoát tiến thoát lui như chim liền cánh... Tiếng nhạc bản thứ ba đã chấm dứt tự hồi nào mà mọi người hãy còn say sưa luyến tiếc...! Quan đưa Lìn trở lại bàn, đèn bật sáng, Lyly của Quan đã biến mất chỉ còn Lìn, Quan vội buông tay nói nhỏ:

- Xin lỗi, xin lỗi cô Lìn nha.

Lìn cúi đầu bẽn lẽn:

- Không có chi, nghệ thuật mà anh!

* (còn tiếp)

Cô Gái Việt và Người Chiến binh Mỹ

của Ngành Mai

(tiếp theo các kỳ trước)

NỤ HÔN TRƯỚC GIỜ DI TẢN

Phi trường Tân Sơn Nhất là một trong số rất ít phi trường trên thế giới có được điều kiện thời tiết ôn hòa, có một lịch sử đặc biệt là kể từ ngày xây dựng đến giờ, chỉ trừ những lúc xảy ra chính biến thì mới có vấn đề “Đóng cửa phi trường”, chứ chưa bao giờ bị gián đoạn do thời tiết gây nên. Phi cơ có thể lên xuống phi trường này bất cứ lúc nào, dù đang mưa bão cũng vậy! Đây cũng là ưu điểm mà thiên nhiên đã dành cho phi trường Tân Sơn Nhất nói riêng và Việt Nam nói chung.

Do người Pháp thực hiện cách nay nhiều thập niên, phi trường nằm cạnh Thủ Đô Sài Gòn của Việt Nam Cộng Hòa, do đó du khách xuống phi cơ, chỉ cần di chuyển vài cây số thì đã tới trung tâm Thành Phố Sài Gòn.

Trong những năm có sự hiện diện của Quân đội Hoa Kỳ trên nửa triệu quân tham chiến ở Việt Nam, thì phi cơ lên xuống phi trường này liên tục ngày đêm không ngừng. Một ký giả Mỹ có mặt ở Sài Gòn vào thời điểm năm Mậu Thân, đã viết trên báo là phi trường Tân Sơn Nhất còn rộn rịp hơn cả phi trường Chicago bên Mỹ!

Hôm nay là một trong những ngày cuối cùng của tháng 4-1975, người ta thấy phi cơ rầm rộ chở người di tản. Theo đài BBC và VOA loan tin thì những ngày cuối tháng 4-1975, mỗi ngày có trên 5000 người di tản khỏi Việt Nam bằng phi cơ, và điểm khác biệt với ngày thường, là máy bay chỉ đưa người đi mà thôi chứ không có chở người về như từ trước đến giờ.

Quỳnh Chi tiễn đưa Bill đi vào tận phi trường qua cửa cổng

phi cảng quân sự, vì là cựu quân nhân Bill được rời khỏi Việt Nam bằng phi cơ vận tải của quân đội Hoa Kỳ. Tại địa điểm chờ đợi để lên máy bay, người ta thấy rất đông người Mỹ mặc thường phục và những người Việt Nam có làm việc hay liên hệ đến chính phủ Hoa Kỳ, được tập trung ở đây để chờ di tản.

Vốn vẹn một cái túi xách tay, Bill rời Việt Nam mà cõi lòng tan nát, vì biết rằng lát nữa đây khi chia tay rồi, khó có thể gặp lại người con gái Việt, mà nhiều năm nay chàng đã đem lòng yêu thương tha thiết, Bill bìn rịn nói:

- Quỳnh Chi em! Cha mẹ đã cho phép, sao em lại nhất định ở lại không đi với anh?

Quỳnh Chi không dám nhìn Bill, cô ngó xuống và trả lời:

- Lý do em đã bày tỏ cho anh nghe rồi! Song thân chỉ có một mình em là con mà thôi, do đó em không thể nào rời xa cha mẹ trong tình thế hiện nay. Lúc này là lúc em cần phải có mặt bên cha mẹ.

- Anh rất cảm phục lòng hiếu thảo của em! Nhưng em có biết rằng khi ở lại thì mọi sự sẽ thay đổi hẳn, kể cả sinh mạng của mình nữa!

- Em cũng biết lắm chứ, những chuyện đau thương ở các tỉnh ngoài Trung, em đã được nghe qua nhiều.

- Rồi những ngày sắp tới đây, một khi chiến tranh lan đến Sài Gòn, em và gia đình làm sao tránh được thảm cảnh như ở ngoài Miền Trung?

Quỳnh Chi cũng quá hiểu như thế, nhưng vì chữ hiếu của người con gái Việt Nam mà cô đã được hấp thụ từ khi còn thơ ấu đến giờ, trong hoàn cảnh này cô đành phải chọn việc ở lại. Cô nhìn Bill với đôi mắt chứa chan tình cảm:

- Cha mẹ em cũng biết như thế, cũng không muốn thấy cảnh chia ly này, nên lúc này đã quyết định cho em được đi với anh.

Bill chán nản lắc đầu:

- Nhưng em lại không đi! Rồi xa nhau lần này biết anh có còn gặp lại em nữa không?

Cả hai im lặng một hồi lâu, Bill nói tiếp:

- Anh đã hy sinh tất cả thời gian xây dựng tương lai của mình ở Mỹ, anh học tiếng Việt và mấy năm nay sang Việt Nam tập cho đời sống giống như người Việt, anh cố gắng làm như vậy

là muốn hòa nhập vào cuộc sống với em thôi!

- Em rất hiểu điều đó, nên lâu nay dù không nói ra nhưng em đã dành tình cảm sâu đậm cho anh nhiều, chắc anh cũng biết chứ?

Bill không trả lời, cậu thở dài trách hờn định mạng:

- Phải chi không yêu nhau thì đã đành, tình em đối với anh như thế đó, sao lại có cảnh chia ly như thế này đây? Rõ ràng là do định số!

- Em nghĩ mỗi con người ta đều có số mạng an bài như anh vừa nói, nên mới xui khiến cho tình hình thời cuộc biến chuyển nhanh chóng, để mình phải lâm vào hoàn cảnh này đó anh!

Nhìn người yêu với đôi mắt đã ứa lệ, Bill nói:

- Quỳnh Chi em! Trong đời anh chỉ mong được cưới em làm vợ, nay vì hoàn cảnh phải xa nhau, anh hứa với lòng mình sẽ nhớ em mãi mãi.

Một lần nữa Quỳnh Chi cúi mặt xuống, cô cố cầm nước mắt nhưng không được nữa, đôi dòng lệ đã rưng rưng...

Thấy người yêu mà lòng đau như quận thắt, Bill nói lấp vấp:

- Em...! Chỉ còn lại giây phút ngắn ngủi này nữa thôi, trước khi chia tay không biết ngày nào mới gặp lại, xin em... hãy cho anh một điều...

- Anh muốn điều gì?

Ngập ngừng với giọng run run, Bill can đảm nói: - Em...! Anh muốn được... hôn em trước khi rời em để lên máy bay... Quỳnh Chi biến sắc mặt, cô không ngờ Bill lại xin như thế! Bởi vì từ trước đến giờ chàng đã đối xử với cô dè dặt trong mọi vấn đề, cả cái bắt tay rất thông thường đối với người Tây Phương chàng cũng không dám, có lẽ Bill đã học được câu "nam nữ thọ thọ bất thân" nên chưa bao giờ chạm đến người cô. Thế mà hôm nay Bill lại xin hôn trước mặt mọi người, việc này đối với người phụ nữ Á Đông là điều không được chấp nhận, phong tục tập quán của văn hóa Đông Phương chưa bao giờ cho phép, trong hoàn cảnh đặc biệt chỉ có chồng là may ra được chấp nhận ở chỗ đông người này mà thôi!

Thật ra thì nàng cũng đã yêu thương Bill từ lâu, kể từ sau ngày tình cờ gặp lại nhau ở Lăng Ông Bà Chiểu, và tiếp theo sau đó là những lúc Bill đã tận tụy hết lòng với gia đình nàng; hai cơn lâm bệnh hiểm nghèo của mẹ cha đã được Bill hai lần

giúp đỡ, bởi lẽ đó mà mẹ nàng cũng xem Bill như là con, là rể trong nhà vậy! Chỉ có cha là nghiêm khắc, nhưng mấy lúc sau này ông cũng có phần dễ dãi hơn, nên mới cho phép cô được tâm sự trò chuyện với Bill hằng ngày, trước khi có cưới hỏi. Và mới ngày hôm qua đây có lẽ Bill biết mình chẳng còn ở Việt Nam được mấy ngày nữa, nên đã tiết lộ với cô rằng nhà đất ở Hóc Môn là do chàng nhờ Sang mua giúp, mục đích để song thân nàng có nhà cửa trở lại, hầu đến bù một phần nào sự mất mát mà vô tình chàng đã gây ra cho gia đình cô. Tình cảm của Bill đạt dào cao thượng, tấm lòng của một chàng trai Mỹ đầy nhân hậu và hết sức biết điều như thế thì nàng còn đòi hỏi gì hơn? Do đó mà cô đã yêu Bill thật sự từ trong trái tim của mình.

Đối với thân sinh phụ mẫu của cô, thì trong Tam Tòng Tứ Đức của Khổng Giáo có câu: “Xuất giá tòng phu”, dĩ nhiên “có chồng con phải theo chồng”! Cô ân hận phải chi mấy tháng trước đây bằng lòng tiến hành cuộc hôn nhân sớm thì cha mẹ cũng chấp nhận thôi, sở dĩ có sự trì trệ đến ngày nay cũng do ở cô một phần lớn. Nếu không chần chừ thì lễ cưới đã xong, và hôm nay đây không những chỉ một cái hôn mà luôn cả đi theo Bill cũng vẫn được! Đàng này chưa có cưới hỏi gì hết mà chàng lại xin hôn ngay trước mặt nhiều người, thật là khó xử cho cô, nếu chấp nhận thì coi như cô đã vĩnh viễn thuộc về Bill, rồi mai kia một nọ rủi không thành vợ chồng với Bill thì sao? Cô sẽ trả lời thế nào với người chồng tương lai của mình sau này? Nghĩ đến đó cô phân vân, làm thinh không nói gì hết!

Một hồi lâu mà thấy cô gái vẫn chưa cho biết có thuận cho mình hôn hay không, trong khi những giọt lệ cô đã chảy dài trên đôi má. Bill nhìn Quỳnh Chi van lơn:

- Trái đất tròn có ngày gặp lại, anh mong em chấp nhận lời yêu cầu duy nhất này trước khi mình chia tay em nhé!

Cô gái chỉ khóc chứ không nói gì cả, Bill móc chiếc khăn tay màu đỏ chói ra:

- Anh sẽ giữ mãi chiếc khăn kỷ niệm này bên mình và mỗi khi nhìn thấy nó như là anh nhìn thấy em vậy!

Thấy lại chiếc khăn, Quỳnh Chi nghe xốn xang trong lòng, nước mắt cô vẫn tiếp tục rơi. Lúc ấy chiếc phi cơ quân sự C.130 mà Bill sẽ đi, số hành khách đã di chuyển lên hơn phân

nửa, chỉ trong vài phút nữa thôi là chàng cũng phải lên chiếc máy bay này.

Bill nhìn đám người sắp hàng lên máy bay càng lúc càng ít dần, chàng nói trong nghẹn ngào ấp úng:

- Quỳnh Chi em! Em không nỡ từ chối lời cầu xin của anh chứ!

Nhìn Bill với vẻ mặt thiếu ngủ, đôi mắt gần như đẫm lệ, chiếc khăn màu đỏ chuối chàng vẫn còn cầm trên tay. Thấy thế Quỳnh Chi quá xúc động, đành lòng không được cô gạt đầu.

Không chậm trễ một giây, Bill ôm chầm lấy nàng vào lòng, một tay ôm chặt sau lưng, một tay thì ôm vòng từ lưng lên đến chiếc cổ tròn cao trắng muốt, để bàn tay bọ vào mớ tóc mây đen tuyền bóng mượt đằng sau gáy của Quỳnh Chi và nhanh nhẹn đặt đôi môi của mình vào đôi môi xinh như mộng, đỏ như son, nó ngọt ngào nồng mặn làm sao ấy! Bill như đứng trong vũ trụ quay cuồng, chàng không còn tưởng tượng được là mình lại có được cái điểm phúc được hôn lên môi người đẹp trước giờ phút chia tay này.

Đang say mê với giây phút thần tiên, trời sắp cũng không hay, Bill đâu có biết hiện giờ mọi người trong danh sách hàng trăm người di tản, họ đã lên hết trên máy bay chỉ còn lại duy nhất có mỗi mình chàng.

Cái hôn say đắm Quỳnh Chi chấp nhận cho chàng đúng lúc, và đã vài phút trôi qua rồi mà môi Bill vẫn chưa rời khỏi, chàng muốn thời gian ngừng lại ở đây luôn!

Tiếng phi hành đoàn kêu lớn thúc giục:

- Anh kia! Lên phi cơ nhanh! Máy bay sắp khởi hành rồi!

Bill vẫn chưa thả Quỳnh Chi ra thì thêm tiếng gọi lớn hơn, đồng thời một người quân nhân Mỹ trong phi hành đoàn, nhảy xuống phi cơ chạy đến vỗ mạnh vai anh ta.

Bill buông Quỳnh Chi ra và vẫn còn luyến tiếc, vội vã hôn thêm lên má đào nàng một lần nữa, rồi quơ lấy chiếc xách tay chạy nhanh theo viên phi hành đoàn lên phi cơ.

Bill vừa chạy vừa quay mặt lại vẫy tay, Quỳnh Chi cũng vẫy tay cho đến khi chàng bước lên phi cơ và cánh cửa chiếc C.130 đóng lại. Tiếng động cơ chuyển động mạnh, rồi chiếc máy bay nặng nề từ từ chạy ra phi đạo, sau đó cất cánh mất hút trên bầu trời. Quỳnh Chi vẫn còn đứng nhìn theo với đôi

mắt đã tràn đầy những giọt lệ và đôi môi mọng cũng vẫn còn hơi ươn ướt...

TÓM TẮT CÁC KỶ TRƯỚC: Quỳnh Chi, nữ sinh Gia Long về quê ở Tây Ninh nghỉ hè. Vô tình phát hiện Bill, người chiến binh Mỹ bị thương nằm trong mảnh vườn của cô, và đang bị địch truy lùng. Vì lòng nhân đạo cô giúp đỡ bằng bó vết thương, che giấu, đồng thời tìm cách đưa ra khỏi vùng nguy hiểm. Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa hành quân giải cứu và Bill thoát nạn. Do việc làm ấy, cô và cha mẹ phải bỏ nhà cửa ruộng vườn ra thành lánh nạn. Trong lúc khốn khổ lại bị tên Năm Trốn người cùng quê, trước đây vì hồi cưới không được đã tìm đến bêu xấu. Bill về Mỹ nhờ Sang, nhân viên Sứ Quán VNCH dạy tiếng Việt và trở lại Việt Nam tìm kiếm trên 2 năm mới gặp được Quỳnh Chi, lúc cô đi lễ chiều 30 Tết ở Lăng Ông Bà Chiểu. Vợ chồng Sang từ Mỹ về làm mai, nhưng rồi 30 - 4 - 75...

CHƯƠNG 6

GÂY ÔNG ĐẬP LÒNG ÔNG

Ngày 30-4-75 chiến tranh kết thúc, may mắn gia đình Quỳnh Chi và cả xóm Trường Tiền vẫn an lành, không một thiệt hại nào cả, bởi các trận chiến cuối cùng không có diễn ra ở đây. Rạng sáng ngày 1 tháng Năm 1975 ông Ký Thân đi thăm căn nhà của Bill mua ở Hốc Môn, mà trước đây ông ngỡ rằng là của Sang và quyết định dọn về đó ở. Hôm sau ông trả căn nhà bần chật ở xóm lao động lại cho người chủ, rồi cùng vợ con thu dọn nhanh đồ đạc mau lẹ ra đi.

Sẵn giấy tờ ông đang đứng tên nên gia đình dời về đó không có trở ngại gì, bởi dân chúng ở đây biết ông đã mua căn nhà có đất rộng nửa mẫu tây nẩy từ mùa Trung Thu năm ngoái. Cũng như từng thấy ông cứ vài ngày là về quét dọn chăm sóc căn nhà và tưới vườn cau từ hơn 6 tháng trước ngày "giải

phóng”, do đó họ không thắc mắc gì về sự có mặt gia đình ông ở đây.

Sau khi hết chiến tranh nhiều người đã trở về ruộng đất cũ, nhưng ông Ký Thân không trở lại làng Gò Chai, dù rằng ông rất nhớ ngôi nhà cùng mảnh ruộng thân yêu, mà vì hoàn cảnh gây nên ông phải đành rời bỏ nó. Sợ rằng vì chuyện năm xưa của Quỳnh Chi, gia đình ông sẽ không khỏi lồi thối với chính quyền ở địa phương, nên quyết định bỏ luôn nhà đất ruộng vườn của mình và vui vẻ chọn Học Môn làm quê hương mới. Thời gian này mọi sự bên ngoài đổi thay dồn dập, hầu hết các nhà buôn lớn đều đóng cửa, chỉ có các tiệm buôn lẻ với số hàng dự trữ ít ỏi không đáng kể là mở cửa bán ra mà thôi, bởi thế nên hàng hóa ngày một vơi đi và giá cả cũng tăng vọt từng bữa. Mọi người đều ở trong tâm trạng chờ xem tình hình kinh tế thế nào mới làm ăn trở lại, bởi cả tháng nay quá nhiều tin đồn; rằng mai một đây sẽ không còn một nghề nào làm ăn riêng rẽ được, mà phải gom lại hết để làm ăn tập thể! Xe cộ máy móc là của chung, tiệm quán cửa hàng buôn bán cũng chung, làm ruộng làm rẫy cũng chung v.v... nói tóm lại cái gì cũng chung hết!

Riêng Quỳnh Chi thì cô cũng bắt đầu đi bán rau cải trở lại ở một cái chợ nhỏ gần đó. việc mua bán chẳng ảnh hưởng gì bao nhiêu, bán bữa nào ăn bữa nấy, gần cả tháng nay gia đình sống bình thường, cô và cha mẹ cũng không nghĩ đến sự giàu có dư giả gì hết, chỉ mong được sống yên ổn mà thôi. Nhưng rồi vào một buổi sáng sớm của một ngày cuối tháng 5-1975, như thường lệ Quỳnh Chi thức dậy sớm chuẩn bị đi bán, cô đang lui cui sắp xếp lại mấy giỏ cải bẹ xanh, bẹ trắng ở nhà sau. Còn ông Ký Thân thì ở nhà trước ngồi uống trà, ông có thú uống nước trà từ lúc mặt trời chưa mọc như phần đông các người lớn tuổi ở thôn quê.

Trong lúc đang thưởng thức ly trà tàu nóng, bỗng ông thấy có hai người du kích mang súng AK. 47 từ ngoài cổng đi vào nhà. Chưa biết có chuyện gì đây hôn, ông định hỏi thì một trong hai người ấy lên tiếng trước:

- Chào bác! Có cô Quỳnh Chi ở nhà không?
- Thưa có! Có chuyện gì vậy hai chú?
- Có lệnh mời cô Quỳnh Chi tới Ủy Ban Nhân Dân Ấp.
- Mời con tôi đến Ủy Ban! Chùng nào vậy chú?

- Ngay bây giờ! Vậy bác cho tôi gặp cô Quỳnh Chi.

Ông Ký Thân từng biết hai người du kích khoảng 16, 17 tuổi này là dân địa phương ở cùng xóm, mà trước ngày 30-4-75 thỉnh thoảng ông vẫn gặp mặt và cũng có đôi lần tiếp xúc. Sau “giải phóng” được một ngày, ông về đây thăm căn nhà của Bill thì thấy hai cậu này mang súng và đeo băng đỏ ở tay làm việc cho chính quyền mới. Những cậu này có thể đã tham gia “Cách mạng” trước ngày 30-4-75 nhưng chỉ hoạt động trong bóng tối, hoặc cũng có thể mới vừa gia nhập mà người ta thường gọi là “Cách Mạng 30”! Hiểu rõ như thế nên ông nghĩ rằng các cậu này chẳng biết được gì nhiều hơn, ngoài việc được lệnh sai đâu đi đó mà thôi, nên ông không hỏi thêm và day xuống nhà dưới kêu:

- Quỳnh Chi con, lên đây cha biểu!

Từ nhà sau cô gái lên tiếng dạ và ngưng công việc lại đi lên nhà trước:

- Thưa cha gọi con!

- Chẳng biết có chuyện gì hôn mà hai cậu này kêu con đến Ủy Ban sớm quá, thôi con bỏ việc nhà lại đó, rồi đi mau kéo mấy cậu chờ.

Quỳnh Chi ngó ra cửa thấy 2 cậu du kích mang súng đang đứng chờ ở ngoài sân, gần bực thêm và nhìn cô với nét mặt thật nghiêm chứ không tươi cười như mọi khi, cô hỏi:

- Có gì mà gọi tôi vậy hai chú?

- Mời cô đến Ủy Ban!

Quỳnh Chi đâu có lạ gì với 2 cậu du kích còn trẻ này, từ ngày dọn về đây ở, ngày nào cô cũng thấy 2 cậu này đi qua lại con đường trước cổng rào nhà cô, và đôi lúc gặp mặt cũng có chào hỏi. Thế mà tại sao bữa nay các cậu không vui vẻ như những ngày trước, mà nét mặt thì hầm hầm, không lên tiếng nói gì thêm ngoài câu nói cụt ngủn chẳng khác ra lệnh. Linh tính báo cô biết là có chuyện quan trọng chứ không phải bình thường, nên gương mặt các cậu này mới thay đổi và thái độ xử sự thì y như là chưa từng biết cô là ai. Không khỏi lo âu, Quỳnh Chi hỏi thêm:

- Hai chú có thể cho tôi biết có chuyện chi hôn?

Tuy Quỳnh Chi lớn tuổi hơn 2 cậu này, nhưng có lẽ thấy cô quá trẻ nên 2 cậu gọi bằng cô, thay vì kêu bằng chị như lối xã giao thông thường, một cậu nói:

Tuy Quỳnh Chi lớn tuổi hơn 2 cậu này, nhưng có lẽ thấy cô quá trẻ nên 2 cậu gọi bằng cô, một cậu nói:

- Tôi không biết, thôi cô sửa soạn đi nhanh với chúng tôi.

- Vâng, tôi đi liền!

Quỳnh Chi vào lấy cái túi cầm tay, đồng thời nói những lời trấn an cha mẹ, xong cô ra cửa đi theo hai người du kích đến đình làng.

Đây là một ngôi đình làng nằm trong khu vực ngoại thành thuộc Quận Hóc Môn, Tỉnh Gia Định, cũng là nơi đặt trụ sở của Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Ấp kể từ mấy ngày đầu “giải phóng” cho đến nay.

Trước 1975 ngôi đình chỉ để cúng kiến thờ phượng và phía sau đình có một căn nhà ngói khá lớn, dùng để dân chúng tụ họp lại lo việc bày biện nấu nướng mỗi khi có lễ cúng đình. Ngoài các ngày lễ ra còn những ngày khác thì ngôi nhà ở phía sau này được bỏ trống, nên dân chúng trong vùng đã kê một số bàn ghế dạy học trò lớp tiểu học.

Sau ngày 30-4-75 đến nay đã một tháng, học trò vẫn chưa đi học trở lại, lý do vị giáo viên là người từ nơi xa đến vùng này lánh nạn và mở lớp dạy học luôn. Khi chiến tranh vừa hết thì ông ta bỏ đi về quê ngay, do đó lớp học cùng bàn ghế có sẵn này “Cách mạng” đã dùng tạm để làm việc và hội họp tại đây.

Hai người du kích dẫn Quỳnh Chi đi chưa được 10 phút thì đến sân đình, họ bảo cô đứng đó chờ, rồi một cậu đi thẳng vô căn nhà ngói phía sau, nơi làm việc của Ủy Ban Nhân Dân. Người du kích còn lại đứng giữ cô, và độ vài phút thì người du kích khi nãy từ trong căn nhà làm việc đi trở ra kêu cô vào. Vừa bước vô thấy lớp học được sắp xếp trở lại khác với mọi ngày, cô không khỏi hồi hộp và có cảm tưởng không khí ở đây nặng nề lạ thường! Một số bàn học trò ở gần chiếc bục thầy giáo được dọn đi và thay vào khoảng trống ấy 3 chiếc bàn; hai chiếc nối liền nhau thành một bàn dài và chiếc bàn kia thì được sắp day ngang, nhìn vào giống như cái bàn hình “chữ L” vậy. Có 2 người cán bộ trẻ khoảng dưới 30 tuổi ngồi sẵn ở cái bàn day ngang, cả hai đang coi coi nhìn nhìn vào xấp hồ sơ chữ không ngó lên, dù họ biết cô đã vào đây. Còn phía sau chiếc bàn dài thì 5 chiếc ghế dựa được sắp một hàng ngay ngắn nhưng chưa thấy ai ngồi. Cách 2 thước ở đầu bàn dài đối

diện với hai người cán bộ có để sẵn một cái ghế, và người du kích chỉ cô ngồi vào chiếc ghế đơn độc đó mà không nói thêm gì hết.

Quỳnh Chi ngồi mà tâm trạng phập phồng lo sợ không biết chuyện gì sẽ xảy ra cho mình đây? Cô nghĩ bụng chắc dữ nhiều hơn lành! Đang thắc mắc bỗng chợt nhìn thấy trong đám xe gắn máy dựng bên ngoài, có một chiếc Honda màu đen làm cho cô chú ý, vì điểm đặc biệt của chiếc xe đó là bên hông bầu xăng có dán hình “người dơi”, mà cô đã từng thấy qua trước đây. Ôn trí nhớ lại cô nói thầm: Năm Trốn! Đây là chiếc xe của hắn! Cô nghĩ việc này chắc chắn là do Năm Trốn chứ không ai khác hơn, và đoán ngay có thể anh ta đã tổ cáo cô về việc “người Mỹ ở trong bụi chuối”! Nghĩ tới đó cô lo sợ vô cùng, nếu bị buộc tội thì ai lo cho cha mẹ già? Cô khóc trong lòng, không ngờ việc làm nhân đạo năm xưa lại dính líu tới bây giờ! Mấy lần trước cùng lắm là chỉ bị tai tiếng và mất chỗ bán buôn mà thôi, chứ lần này thì không phải đơn giản, có thể cô sẽ chịu hình phạt nặng nề nếu người ta kết tội. Cô thầm van vái Trời Phật phò hộ cho tai qua nạn khỏi, để cô còn có điều kiện được phụng dưỡng mẹ cha trong tuổi già! Nhưng rồi sau một lúc nghĩ ngợi cô bình tĩnh trở lại và yên lòng, vì đã tìm ra được cách để trả lời cho sự việc trên.

Đến đây thì từ phía bên kia tấm vách ván ngăn, có 5 người cán bộ mặc đồ bà ba đen, trước sau một hàng dọc đi vào, tức thì 2 người cán bộ đang ngồi đối diện với Quỳnh Chi đứng lên lễ phép chào. Thấy vậy cô cũng đứng lên cúi đầu chào theo, và các người ấy lặng lẽ đi thẳng lại ngồi ở 5 chiếc ghế còn để trống.

Năm người cán bộ mới vào thuộc lớp tuổi trung niên xấp xỉ với nhau, người nào người nấy “mặt lạnh như tiền”! Mỗi người đều mang một cái túi bằng da ở bên hông, có sợi dây đeo vòng qua cổ, họ từ từ chậm rãi gỡ chiếc túi để trên bàn và khi ngồi xong thì người ở giữa ra hiệu cho hai người cán bộ trẻ ngồi xuống, đồng thời bảo cô ngồi luôn, rồi thì cả 5 người lạnh lùng móc giấy tờ ra...

Quỳnh Chi nói thầm trong bụng: Các người mới vào này có lẽ là cấp lớn, những người đang nắm vận mạng của cô hiện giờ đây! Ngoài câu nói “cô ngồi xuống đi”, thời gian khoảng trên

10 phút nặng nề trôi qua không nghe họ mở miệng nói thêm lời nào hết, mà chỉ nghe tiếng rột rột của giấy tờ, tất cả các cán bộ đang ngồi ở bàn vẫn bàn dài, người nào cũng giở giở lật lật xấp giấy để trước mặt và chăm chăm nhìn vô trong đó. Quỳnh Chi cảm thấy không khí gần như nghẹt thở, mỗi cái động tịnh của mấy người này cũng làm cho cô phập phồng hồi hộp, cô mong cho họ lên tiếng, chứ nếu tình trạng này kéo dài chắc cô phải đứng tim mất!

Một lát sau có lẽ đã xem kỹ lưỡng giấy tờ “làm việc” rồi, người ngồi giữa đưa một ngón tay lên ra hiệu, thì người cán bộ trẻ ngồi ở bàn đối diện với Quỳnh Chi ngó thẳng vào mặt cô:

- Có phải cô tên Quỳnh Chi không?

Không phải dẫn đo suy nghĩ, Quỳnh Chi trả lời:

- Dạ thưa phải!

- Quê quán cô ở đâu?

- Dạ thưa Tây Ninh, làng Gò Chai.

Viên cán bộ trẻ gật đầu nhẹ:

- Hôm nay Ủy Ban Nhân Dân mời cô đến đây, để yêu cầu cô cho biết một việc mà chính mình là chủ động.

Ngưng lại một chút xem phản ứng của Quỳnh Chi, nhưng thấy cô vẫn tự nhiên người cán bộ nói tiếp:

- Cô có biết rằng mình đã từng làm một việc lớn có hại cho “cách mạng”, có hại cho cuộc đấu tranh của “nhân dân” không?

Đã đoán biết trước được sự việc từ lúc nhìn thấy chiếc xe Honda có dán hình “người dơi” dựng bên ngoài, bây giờ lại thêm lời người cán bộ vừa nói ra, Quỳnh Chi biết chắc chắn người cán bộ trẻ này muốn nói đến việc cô đã từng cứu giúp, che giấu cho Bill hồi mấy năm trước ở làng Gò Chai, lúc cô còn đi học, chứ không có vấn đề gì khác hơn đâu! Đoán chắc như thế nên cô nghĩ bụng đứng trước vấn đề này chỉ có bình tĩnh chứ không thể van xin mà được, do đó cô có ý chờ họ nói việc ấy ra xong rồi sẽ trả lời, và làm ra dáng như đang suy nghĩ chứ chưa lên tiếng gì hết.

Người cán bộ thấy cô gái vẫn làm tỉnh thì nói thêm:

- Cô có biết rằng việc cô làm là có tội lớn với nhân dân chứ!

- Xin ông hãy nói rõ hơn tôi đã làm việc gì? Nếu có tội thì tôi nhận ngay.

- Cách mạng muốn cho cô tự giác mà nhận lấy.

- Tôi phải biết tội gì thì mới nhận, nhưng hiện giờ chưa biết gì hết thì làm sao tôi nhận được!

- Nếu cô không thành thật khai báo thì rất khó được khoan hồng, vậy cô nghe đây và trả lời cho chúng tôi biết.

Viên cán bộ vừa nhìn vào tờ giấy vừa nói tiếp:

- Cách nay hơn 5 năm vào mùa hè năm 1969, cô có nhà cửa ruộng đất ở Gò Chai, thuộc xã Ninh Điền, Tây Ninh, một vùng “tạm giải phóng” của thời đó.

Quỳnh Chi gật đầu:

- Thưa đúng! Nhà cửa ở đó và tôi học ở Sài Gòn.

- Trong một trận chiến giữa nhân dân võ trang của ta với “Mỹ Ngụy”, thì có một tên Mỹ bị thương chạy trốn vào bụi chuối sau chòi ruộng của cô, điều đó có không?

- Thưa có!

- Rồi cô băng bó, thuốc men đồng thời giúp đỡ cho ăn uống cũng như đã che giấu suốt cả 10 ngày.

Viên cán bộ ngừng lại nhìn mấy người cấp lớn ở bàn dài, đúng lúc các người này cũng đang nhìn xem phản ứng của Quỳnh Chi có thay đổi sắc diện gì hay không. Nhưng thấy cô vẫn bình thường nên mấy người cấp lớn chưa lên tiếng và người cán bộ trẻ nói tiếp:

- Rồi đợi cho đến khi có cuộc “càn” của địch, cô chạy đi báo cho chúng đến giải thoát cho tên Mỹ để máy bay lên thẳng đến bốc đi, có hay không?

Quỳnh Chi gật đầu:

- Thưa có!

Thấy cô nhận mà không tỏ vẻ sợ sệt gì hết, lại trả lời một cách tự nhiên, viên cán bộ cũng lấy làm lạ hỏi tiếp:

- Tại sao lúc đó cô không đi báo cáo cho cách mạng, để nhận sự khen thưởng và lập được công lớn?

Quỳnh Chi trả lời ngay:

- Tôi không thể nào đi báo cáo được, vì người Mỹ ấy chính là chồng của tôi!

(còn tiếp)



SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road • San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, giữa 101 & đường King)

(408) 272-3999

Fax: (408) 272-2202 • E-mail: SandyDenta@aol.com

SANDY DENTAL P.C., hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và đảm nhận nhiệm vụ đóng góp bảo trợ từ năm 1987, do nhiều BS Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

• Địa điểm thuận tiện, trung tâm thành phố San Jose, gần Fwy 101, 280, 680, tọa lạc giữa 1 vườn cây, khu thi-tử, góc đường với parking rộng-rải.

• Trang thiết bị tối tân và vệ sinh tối đa
• Nước dùng thật tinh khiết.
• 1 bộ dụng cụ riêng cho mỗi bệnh nhân.

Đặc Biệt:

• Pokémon Game cho trẻ em và Cable TV

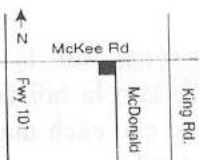
• Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$75

• Thay các trám chi để hợp màu với răng

• Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.

Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã. Có vườn cây, suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.

**** Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười thật duyên dáng**



**NHẬN MEDI-CAL
BẢO HIỂM
VISA - MASTER CARD**



SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road - San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mi LeCay, giữa 101 & đường King)

(408) 272-3999

COUPON

• Tẩy Trắng Răng
(Tooth Whitening)

\$75

Giá bình thường \$300

SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Road - San Jose, CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mi LeCay, giữa 101 & đường King)

(408) 272-3999

COUPON

• Khám Tổng Quát
• X-rays
• Làm Sạch Răng (Cleaning)

\$25

Giá bình thường \$15

Giá trị cho bệnh nhân đến khám lần đầu.

B.B.Q.

Bánh Mì số 1 Inc.

Restaurant & Food to Go



**Đủ các món ăn 3 miền.
Nhận Đặc Tiệc- Giao Tận Nhà.**

**Nhà Hàng Sạch Sẻ Vệ-Sinh, Món Ăn
Tinh Khiết**

**Chủ nhân: Ông Bà Huỳnh Long Vân rất
vui mừng được tiếp đón đồng hương,
đồng đạo**

**9812 Bolsa Ave, # 102
Westminster, CA 92683
(Trong khu Chợ Little Saigon)
Tel # 714-775-8834**



CENTURY COLLISION & SERVICE CENTER

"Your Complete Auto Body & Service Center"

60 Stockton Avenue • San Jose, CA 95126

Tel: (408) 288-8856

Fax: (408) 288-8855



**CHUYÊN SỬA CHỮA, SƠN, LÀM ĐỒNG
CÁC LOẠI XE MỸ VÀ NGOẠI QUỐC**

AUTO BODY SHOP:

- Làm đồng
- Kéo sườn
- Sơn
- Thay kính
- Bọc nệm, thảm

*

ĐẶC BIỆT: CÓ PHÒNG SƠN
HẤP VÀ MÁY MÓC, DỤNG CỤ
ĐÙNG TIÊU CHUẨN

AUTO REPAIR:

- Rebuilt máy, Carburetor,
Transmission
- Tune Up
- Làm thắng, tiện đĩa
- Hệ thống điện, máy lạnh,
máy sưởi.
- Thay nhớt (mày & hộp số)
- Có bán vỏ xe cũ, và lốp xe.
- Balance bánh xe bằng computer.

MUFFLER

(ống xả)

có hàn, thay gầu

Muffler (ống xả)

các loại xe Mỹ

và Ngoại Quốc

Cung Chúc



★ **ĐẶC BIỆT:** Tân Xuân

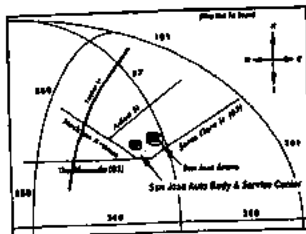
• SMOG CHECK, BRAKE + LAMP CHECK STATION

• 4 WHEEL ALIGNMENT

• NHẬN DỊP XUÂN VÉ BỚT 10%

- Bớt Deductible tùy theo job
- Kéo xe miễn phí

- Tiền công được bất tối đa cho quý khách
- Nhận Visa - Mastercard



TIÊU CHUẨN:

- TÍN NHỆM
- KỸ LƯỜNG
- THÀNH THẬT
- GIÁ PHẢI CHÀNG

VIỆC LÀM BẢO ĐẢM 6 THÁNG HOẶC 6,000 MILES

Mở cửa 6 ngày trong tuần

Từ 9 AM - 6 PM

Nghỉ ngày Chủ Nhật

Chú Nhân

Kính Mời



T&N DENTAL CARE, INC.

NGUYỄN HỮU TƯỜNG, D.D.S.

TÔ MỸ HUỆ, D.D.S.

125 N. JACKSON AVE., SUITE 104 - San Jose, CA 95116
(408) 923-8272

(Cạnh Alexian brothers Hospital giữa Alum Rock Ave. và Mc Kee Rd., có thể đến bằng đường Alexian Drive vì mặt tiền phòng mạch trong ra đường này - Tiệm đường xe Bus 70, 74 và 81)

Giờ làm việc:

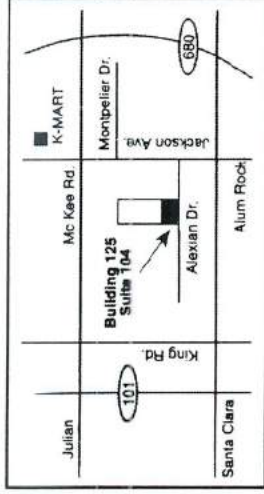
Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:00 am - 6:00 pm
Nghỉ Thứ Tu & Chủ Nhật



Tôi nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc
Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại
Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc Nha Khoa toàn diện.
Được giải thưởng về "Need, character and scholarship"
Nguyên là Bác Sĩ Y Khoa tại bệnh viện Nguyễn Văn Học và Chợ Quán

Với sự cộng tác của bác sĩ nha khoa SHAELEE DUNG NGUYỄN

Phòng mạch hoàn toàn mới, trang trọng, rộng rãi.
Nhân viên ân cần, vui vẻ, hướng dẫn các vấn đề về bảo hiểm, cách giữ răng cho bền tốt.
Các bác sĩ luôn luôn tìm mọi phương pháp chữa trị tốt nhất cho quý vị.
Có thể đậu xe phía trước hoặc vào bãi đậu xe riêng của Khu Jackson Medical Center.



KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại: 408-238-6547